

DUY THANH * DƯƠNG NGHIỆM MẬU * MAI
TRUNG TĨNH * PHẠM NGUYỄN VŨ * SONG
LINH * THAO TRƯỜNG * THẠCH CHƯƠNG

TUYỂN TRUYỆN SÁNG TẠO

MAI THẢO chọn và giới thiệu

TÂN - VĂN

DUY THANH * DƯƠNG NGHIỆM MẬU
MAI TRUNG TĨNH * PHẠM NGUYỄN VŨ
SONG LINH * THẢO TRƯỜNG
THẠCH CHƯƠNG * MAI THẢO

TUYỂN TRUYỆN SÁNG TẠO

TUYỂN TRUYỆN SÁNG TẠO

các tác giả giữ bản quyền

Bìa: *Duy Thanh*
Nguồn: *Thư Ấn quán*

TUYỂN TRUYỆN SÁNG TẠO

các tác giả giữ bản quyền

Nguyệt san TÂN VĂN số 29
tháng 9 năm 1970

TUYỂN TRUYỆN SÁNG TẠO

- | | |
|----------------------------|-----|
| 1. MAI THẢO | 11 |
| Đứng về phía những cái mới | |
| 2. DUY THANH | 33 |
| Giấc ngủ | |
| 3. DƯƠNG NGHIÊM MẬU | 59 |
| Rượu, chưa đủ | |
| 4. MAI TRUNG TĨNH | 97 |
| Những hạt ba-dăng của Niêm | |
| 5. PHẠM NGUYỄN VŨ | 131 |
| Tiếng động dưới cỏ | |

6. SONG LINH	169
Bức tranh	
7. THAO TRƯỜNG	201
Hương gió lướt đi	
8. THẠCH CHUÔNG	227
Tình cầu	

MAI THẢO

Đứng về phía những cái mới

Mười sáu năm nay, được tham dự gần như liên tục vào sinh hoạt nghệ thuật miền Nam, một hiện tượng sinh hoạt tuy hỗn loạn chia mở thành trăm đường nghìn ngã, tựu trung vẫn chỉ là lịch sử tiến trình biến chứng của những trào lưu cạn dòng phải nhượng bộ rút thoát cho những ngọn triều lớn dậy thay thế — quy luật tiến trình của nghệ thuật y tạc quy luật đời

sống: lúa kia chưa gặt, mẹ mới đã mọc, trái cũ chưa rụng, đã dài xuân hé cánh may mắn trước sau tôi nhận là lớn và tốt nhất cho mình vẫn là được gặp, được gần những cái mới. Đứng cùng chỗ với những người đang cây những chùm sao không phải những đời sao đêm trước lên một vòm trời văn học. Ở cùng một phía với những ban mai đang phát khởi đang hình thành. Tóm lại, được trồng cấy cái đất đứng nhỏ chật của mình nơi có gió vào mùa, triều nước dậy, lửa đốt rẫy, rừng khai quang, ở đó có những khám phá vang động của văn chương, những lên đường sấm uất của nghệ thuật. Gần, không có nghĩa tôi ra khơi cùng thuyền. Nhưng đích thực là chỗ tôi đến, đã tả hữu những đoàn thuyền lớp lớp lìa bến. Không thể khẳng định tôi đã được hòa nhập tận cùng vào khởi hành lớn. Nhưng đích thực là từ mười sáu

năm, tôi đã được hội ngộ thường hằng với những nắng sớm, những chân trời, những thênh thang dậm biếc, những tập nập dậm hồng, là cái phía duy nhất tôi thành thực nghĩ vẫn có những mặt trời liên tiếp mọc, tạo thành cái phương đông sáng hồng của văn học nghệ thuật ta tuy cái đầu đã rục rở tương lai, cái đuôi còn tối đen quá khứ.

May mắn vừa nói, không phải người viết nào cũng có được. Ta đến với văn chương, từ những cửa ngõ rất tình cờ. Nghệ thuật không hề là một tiềm ẩn phảng phất sẵn có trong cấu thành khởi thủy của con người. Mà là một réo gọi thành linh, một thức tỉnh bất chợt. Ném mình vào sinh hoạt, bằng kết nạp những bạn đường, kiếm tìm những đồng điệu, ngoại trừ những trường hợp hiếm hoi tự thành trong cô đơn một đời, là trường

hợp của thiên tài lạc phách xuất chúng, kết nạp và kiếm tìm ấy cũng vậy, thường chứa đựng rất nhiều may rủi ở bên trong. Cái bước khởi đầu không may đặt lạc trên một thước đất xấu kiệt, một vũng lầy lún ngập, vươn phóng có ngoạn mục, trở thành có rục rở đến mấy cũng muôn vàn khó khăn cực nhọc. Như cái chuyện nhằm hướng tây mà tới, chỉ thấy hoang hôn và lặn mặt trời. May mắn hơn, nếu được từ một thước đất mỡ màng sinh động khởi sự đầu chân, thì khởi điểm tốt cũng là bàn đạp tốt và dàn phóng tốt. Vậy kín bởi tầng tầng khô mục tàn lụi, mầm hạt nào đội được đất mà lên. Trên một dòng suối chết, sỏi cũng bất động, thôi lăn thôi hát. Suối mở một nguồn đầy, sỏi thuận dòng kết liên với cái róc rách, hỗ tương bởi cái nhịp ào, sỏi thuận chiều sỏi cũng lăn theo. Đó là cái chuyện sống cùng với những đấng bình vôi anh nhỏ

quắt từng ngày. Cái sự ở giữa những râu dài lụ khụ, tuổi anh chưa ba mươi đã ăn mừng thượng thọ. Cái việc xuống làm một con thuyền mục nát, thì đắm chìm ngay tự mái chèo lìa bến đầu tiên.

*

Mỗi nền văn học nghệ thuật đều hàm chứa và biểu hiện theo nó một sinh hoạt đặc thù. Chính là từ một lối, một kiểu sinh hoạt nào đó, mà một thời kỳ văn học có màu sắc thế kia, một trào lưu nghệ thuật có hình thái ấy. Và ngược lại. Sinh hoạt của một nhà văn và tác phẩm y là hai tấm gương đối diện phản ánh và giải thích lẫn cho nhau, về con người nhà văn và thực chất tác phẩm. Nếu văn chương Pháp có thật nhiều điểm khác biệt với văn chương Hoa Kỳ, nếu thơ văn

miền Bắc không có một đồng dáng nào với thơ văn chúng ta, và nếu trong những tác phẩm nghệ thuật bây giờ, cái ngôn ngữ biểu hiện, cái thái độ nhận thức xã hội và đời sống là một tương phản toàn diện với ngôn ngữ, và nhận thức tiền chiến, chính là bởi vì cùng với tiến trình lịch sử, nhà văn hiện đại đã khởi hành trong một không khí mới, hòa nhập với một sinh hoạt không còn là cái kéo dài của sinh hoạt xưa cũ. Tạp chí Sáng Tạo, với một số sáng tác in lại thành tuyển truyện này, được may mắn chào đời trong cái không khí đầu mùa tôi vừa nói tới. Bấy giờ là vào khoảng hai năm 1956, 1957. Những dấu chân một triệu của vượt tuyến kín trùm đất nước, vừa đặt xuống những ruộng đồng và những rừng núi mênh mông bát ngát của miền Nam. Những hành trình trong đêm tấp nập cặp bến lúc ngày dựng. Buồn của lúc

đi nhặt nhòa trước vui của lúc tới ngày ngất rục rờ. Cái hầm đá hun hút tối thẳm đã ra khỏi, triển vọng lớn lao nhất cho từng đời sống là tất cả lại được khởi lại từ đầu. Lịch sử và chuyển đổi tàn nhẫn đột ngột của thời thế đẩy trọng tâm đời sống từ một vùng trời này tới một vùng biển khác. Nhưng cái hướng xô đẩy đích thực là từ sau lưng đẩy về trước mặt, từ quá khứ đẩy vào tương lai. Hình ảnh của những vì sao bỏ lại trong không gian không bến bờ, của những chiếc phi cơ cất bằng mình khỏi phi đạo, của những thuyền mảng vượt biển lênh đèn, của những ánh lửa đầu đêm hạ trại, những cột nhà mới dựng, những đất rừng khai hoang, những đất đồi phá rẫy, cùng là những dấu chân lớp lớp rượt đuổi nhịp đời quay gấp, không phải là những ảnh hình trừu tượng của một mơ tưởng làm mới, mà là những hình ảnh sinh động

bay múa bắt gặp từng giờ từng phút trong sinh hoạt từng người. Đến với cái náo nức hân hoan, lặn mình vào cái bàng hoàng dội đập, gió trong tóc lộng lộng, nắng trên ngực trần chói lọi, cả một lớp người của những ngày không quên ấy chỉ còn nhìn thấy một con đường duy nhất là cái hướng trước mặt thênh thang. Những xâu chuỗi nhớ thương quá khứ dẫu lứt thốt, bởi mất mát có thể xem như một mất mát tận cùng, nhưng nhìn cho kỹ, trên cái toàn diện của tâm thức xao động, đã những nan quạt mới của tâm hồn xòe mở, và ý thức trở chiều đã phát đi những tia hồng ngoại tuyến cho những điệu đàn chan hòa ánh sáng ngân lên. Không khí cũ, không thở cùng được nữa. Những khuôn vàng thước ngọc xưa không còn đo lường được những kích thước bây giờ, Và đời sống là đi tới. Không lùi, không giậm chân một chỗ.

Trong một thực trạng đầy đặc những chất liệu của sáng tạo và phá vỡ như vậy, văn học nghệ thuật mặc nhiên không thể còn là tả chân Nguyễn Công Hoan, lãng mạn lối Thanh Châu, những khái niệm Xuân Thu, những luận đề Tự Lực. Mà vươn phóng từ một thoát ly để đưa tới một hình thành, hóa thân từ một chặt đứt, bằng những nghiệm và những khám phá, chứng minh rằng cái bây giờ ta đang sống tuyệt đối không còn một đồng dáng một đồng tính nào với cái hôm qua đã tách thoát đã lìa xa. Chết nổ ném vào. Cờ phất. Xuống núi, xuống đường. Ra biển ra khơi. Và cuộc cách mạng tất yếu và biện chứng của văn chương đã bắt đầu. Và thơ bây giờ là thơ tự do.

Mấy năm mở đầu cho chuyển mình sầm uất đó của văn học nghệ thuật hiện đại ở phía chúng ta, cũng là khoảng thời gian tờ Sáng Tạo được có mặt, như một trùng hợp nhiều may mắn, nhìn vào sinh hoạt chung, tôi được chứng kiến thật nhiều hiện tượng phấn khởi, những hiện tượng ấy báo hiệu cái mới, làm thành những cái mới. Như lớp người thường ngoạn đã từ chối những cái sao chép, những cái nhai lại, không chịu để dẫn đưa vào sâu hơn nữa, những nẻo thuộc, những lối mòn. Như sự suy giảm trông thấy về tác động và ảnh hưởng của một số tác phẩm cũ, nhiều tác phẩm từng được tôn sùng suốt mọi thời như những ngọn đỉnh cao nhất có thể đạt tới của ngôn ngữ, Như những luồng gió

mới đã từ những chân trời xa thời vào căn phòng văn chương khép kín cùng quá khứ, mở những khung cửa, đem tới khi trời và ánh sáng. Nhưng hiện tượng đầm thắm rực rỡ nhất, mang tính chất quyết định nhất, cho cách mạng ngôn ngữ, cách mạng nghệ thuật, chính là sự có mặt, đi vào sinh hoạt và sáng tác của một lớp người viết mới. Hiện nay thì những người viết mới của chúng ta không thiếu, mỗi ngày mỗi thêm, càng ngày càng nhiều. Hàng chục diễn đàn đang dựng thành những đất đai mới cho những người viết mới họp mặt và lên tiếng. Văn học nghệ thuật ta bây giờ có cái hiện tượng thường xuyên ấy, là tuổi trẻ hàng hàng lớp lớp đi vào văn chương như nước vỡ bờ. Nhưng những người viết mới tôi muốn nói đến trong bài vào tập này là đoàn ngũ đầu, đơn vị một, những người đã có mặt trong cuộc khởi hành

gió sớm, khi cái không khí văn học tranh tối tranh sáng vừa dấy còn mờ mờ bóng đất bóng trời. Sự có mặt ấy có thể xem như một đánh dấu, định nghĩa như một mở đường, chuyên chở trong nó đầy đủ yếu tính của một vận động văn học tiền phong, hàm chứa hân hoi trong nó một ý hướng cách mạng nghệ thuật nồng cháy. Đó là những ánh lửa thắp lên trong đêm nhận đường, những hòn đá ném xuống một ao tù bất động, những đợt xung kích đầu tiên mở màn một chiến dịch cho tới bây giờ đang được tiếp tay hào hứng trên nhiều diễn đàn, trên nhiều mặt trận. Trước sau, đối tượng của trận đánh lớn vẫn là một; phá đổ cái cũ, tạo dựng cái mới. Nói một cách khác, đó là kết thành của hoài bão và khát vọng chân thành nơi một lớp người muốn tạo dựng một nền văn học nghệ thuật của chính mình, và thời đại mình. Gọi lên đường ấy là trở

lại đời sống, thoát ly quá khứ, thức tỉnh ý thức, thế nào cũng được. Điều đáng ghi nhận là lên đường ấy đã có. Có với sự có mặt của một lớp người viết mới. Tạp chí Sáng Tạo là một trong những diễn đàn đã được dự phần vào lên đường này.

Lên đường này, theo ý tôi là một cần thiết, không riêng cho một ai mà cho tất cả mọi người. Khi tờ Sáng Tạo tạm đình bản rồi tục bản lại sau đó, vẫn chỉ nhìn thấy cho văn học nghệ thuật, ta sự cần thiết của một lên đường đã khởi dấy, còn phải đẩy tới và mở rộng hơn nữa, tôi đã viết trong bài vào tập cho số Một, bộ Mới:

“Nhìn trở lại ba mươi một số bảo xuất bản liên tục trong bốn năm qua, tạp chí đã làm được những gì trên ý hướng và mục đích hình thành một nền nghệ thuật mới, nó không vay mượn, nói được

chúng ta, xứng đáng tiêu biểu cho con người và đời sống hiện đại? Một số thí nghiệm táo bạo, sự có mặt rục rờ của lớp người viết trẻ, những bước trở lui cần thiết thể hiện trong việc quy định lại một số vấn đề văn học chính yếu, thái độ hướng dẫn mở đường cho những tài năng mới đến từ đám đông hay tự thành trong cô đơn, sự chấp nhận những ý tưởng khác biệt cùng lên tiếng trong không khí bằng hữu và tinh thần độc lập của diễn đàn này, cố gắng đạt tới tinh lọc nghệ thuật diễn tả qua phần sáng tác, những đặc tính đó đã tạo nên sắc thái độc đáo, đúc kết thành truyền thống nghệ thuật của Sáng Tạo. Nhưng chúng tôi thành thực nhận rằng chúng tôi chưa làm được gì. Tạp chí, mặc dầu uy tín đã đạt được, vẫn chưa thực hiện được những bước đi dài lớn về phía bên kia, phía tượng hình cho những khoảng thiếu vắng lớn lao, như

một miền đất hoang vu chưa khai thác. Trên sự thiếu vắng này, tạp chí chọn làm điểm khởi hành mới...”

Ở một đoạn khác, là một nhận thức chung:

“Nghệ thuật hôm nay phải nói được chúng ta, trình bày được tâm trạng, đời sống lớp người chúng ta, nếu không nó sẽ chẳng bao giờ nói được gì hết. Nghệ thuật không còn là một giải thoát, niềm an ủi vô vể, sự trốn chạy khỏi đời sống, bàn tay xoa dịu con người lãng quên trong chốc lát những ảo tưởng hư ngụy, những thảm kịch, những vấn đề mà một ý thức soi chiếu xuống những tầng đáy sâu thẳm của tâm linh, xuyên qua những biến động ngoại cảnh đã lột trần chúng ra trong những quần quai và những kêu gào đòi được biết đến. Nghệ thuật hôm nay không còn là liều thuốc

an thần. Nghệ thuật hôm nay là vũ khí hành động của con người vĩ đại lớn lên trong thức tỉnh của ý thức. Nó phải đánh vào những miền bóng tối, những hoa lá nguyệt trang che giấu đời sống. Nó phải có mặt ở khắp nơi, ở bất cứ nơi nào dự phần vào đời sống chúng ta. Nó phải nói được tất cả; những đau đớn vò xé, những thất vọng chán chường, những chiến thắng, những lần thất bại, nỗi hoang mang kinh hoàng, niềm vui tin lấy lại, những băng hoại sa đọa đau thương, những trở chiều, những phục sinh dũng cảm. Nó phải trình bày được những biểu lộ khác biệt, những mâu thuẫn rối rắm, những khía cạnh sinh động của con người thời đại trên hành trình đi vào trọng tâm và bản thể đời sống, khám phá ở gốc nguồn và nền tảng tất cả sự thật về mình, những nguyên tố liên quan thiết yếu đến đời mình. Nghệ thuật đó không dẫn tới quan

niệm phi lý, chối bỏ đời sống. Tâm trạng đào sâu vào lòng sự vật, phá bỏ những sự thật đã có, khiến nghệ thuật được định nghĩa như một hành động, một hành trình, chỉ là biểu tỏ nồng nàn niềm khát khao chân thành muốn đạt tới, muốn nắm vững sự thật của con người thời đại chúng ta. Ở một mặt khác, nghệ thuật đó đánh dấu cho sự có mặt, quyền năng và tác động ghê gớm của con người đứng trước, đi qua sự vật. Nó mang chứa hình ảnh một sức mạnh chủ động.”

*

Mười lăm năm đã đi qua, từ những dòng chữ cũ. Tờ Sáng Tạo chết. Văn học nghệ thuật ta trưởng thành đang phát huy rực rỡ trên những diễn đàn mới. Đời sống không đứng lại. Nghệ thuật thì

không ngừng đổi thay theo sống đi tới, và nhà văn luôn luôn đứng trước những vấn đề mới đặt ra, từng phút từng giờ. Nhưng với riêng đời tôi, nếu bây giờ lại được viết bài mở đầu cho một diễn đàn mới dựng, những ý nghĩ và nhận thức tôi chắc chắn cũng chẳng ra ngoài cái muốn nói của những dòng chữ cũ. Là nghệ thuật ta đã và vẫn còn phải là một lên đường. Bằng những thí nghiệm không ngừng. Bằng những khám phá không mới. Tiến trình tốt đẹp và biện chứng của văn học nghệ thuật ta cuối cùng chính là tiến trình của những ngọn đuốc chuyển tay, những đoạn đường cộng lại. Tạp chí Sáng Tạo, nếu được nhắc lại ở đây, cũng chỉ là một chặng đường nhỏ của đường dài và hành trình lớn. Tờ báo cũ ấy chỉ muốn như vậy. Tự nhận cho nó như vậy. Cũng trên tinh thần này, mà tôi nghĩ có thể nói thay cho những tác giả

có sáng tác in trong tuyển truyện này, là những sáng tác sau đây cũng chỉ là đánh dấu cho một chặng đường đã bỏ lại và đã đi qua. Bởi vì ở cuối đường vẫn đầy đặc, vẫn rục rờ những cái mới khác đang chờ người đi tới.

Mai Thảo
(8-1970)

Duy Thanh

Giấc ngủ

Amày lại còn chối hả? Im miệng hả? Thằng nào nó ngủ với mày thì phải khai ra, cái bụng mày nó chương phềnh ra thế kia thì còn giấu vào đâu hở con mụ ranh. Mày định làm xấu mặt cả làng này hay sao? Nói ngay để tao bỏ tù nó. Phép tắc luân lý ở đây đâu có đốn mặt như thế bao giờ? Mày làm bêu mặt chúng tao. Rồi mai đây báo chí đăng rầm cái tin khốn nạn này thì thể thống làng

này còn ra cái gì hờ... hờ?

Y hồng hộc chỉ vào mặt tôi mà mắng như tát nước. Phải, tôi chữa hoang. Con mụ Tư thọt này chữa hoang đây, đứa nào làm gì thì làm, tôi hét to trong bụng tôi như vậy. Nếu tôi mà đứng được dậy thì thách y chửi tôi đấy. Tôi sẽ chồm lên mà xé tan cái mặt y ra, chứ tôi sợ gì cái mặt thối ngỗng ngỗng bộ râu cá trê đáng ghét.

Y quay ra như phân vua với mọi người:

– Tiên nhân nó chứ, cái mặt nó cứ lăm lè như thế kia thì làm sao mà khảo được. Cái thá mày thì gọi là cho lên máy chém.

Y lại xô vào tôi mà thét:

– Gan, gan hờ? ông thời bóp chết như ngóc.

Tôi giờ tay chùi những tia nước bọt phì cả vào mặt. Nơi tay áo vải nâu đã bạc phếch, xồm ra và có mùi khăn khăn. Ánh nắng chói làm tôi bật hắt hơi. Tức thì y lùi lại dang tay tát tôi đánh bốp kèm theo một câu chửi thật bẩn. Mấy mụ đàn bà ở bên ngoài cười rộ vì thấy tôi hực lên rồi vật đầu vào vách. Nhưng họ lại im ngay. Một không khí lo ngại trùm trong căn nhà hẹp của xóm. Trong đám đông có người nói to:

– Thôi đi ông Xã, nó đã không khai thì khảo mãi cũng vô ích, nhất là chị ta cũng đương bụng mang dạ chửa.

Một giọng khác phản đối:

– Sao lại không, phải bắt nó khai chứ còn thế nào! Cứ đánh bỏ mẹ thì thế nào nó cũng phải nói. Thế mà mấy tháng nay cứ tưởng chị chàng bị báng hay bệnh gì.

Đến bây giờ nó chềnh ềnh như cái trống mới thấy nhé.

Lão xã trưởng được thể quay lại dọa tôi:

– Mà y mà không khai thì còn là khổ, con ạ. Giọng y ngọt hơn: Ờ, thì cứ nói xem thằng nào, rồi tao bắt nó phải lấy mà y. Chứ không biết ai thì cứ gọi là tức hộc máu.

Y hoa tay một vòng rồi nói với đám người xung quanh:

– Tôi nói thế có phải không các ông các bà?

– Kể cũng tức thật đấy, nhưng chị ta cứ không chịu nói là ai thì làm thế nào. Hay là cứ để cho chị ấy đẻ đi đã rồi trông đứa bé nó giống ai thì nó sờ sờ ra chứ còn gì nữa.

Một giọng nữa tiếp:

– Ấy chết không được, sợ cứ trông rồi đoán tầm bậy thì lại khốn khổ nhiều anh.

Mấy cô gái làng thấy câu nói lý thú bầm nhau cười cung cúc.

Tôi trông thấy chúng nó mà ghét tẻ. Chúng nó đẹp, chúng nó xinh, chúng nó có chồng con, có nhân tình nhân ngãi. Còn tôi thì sống lết lê, chẳng ai thèm để ý. Hai chân tôi nó quặt đi nhỏ bằng cái ống sậy. Tôi đi bằng tay lê la như một con chó. Con chó còn sướng hơn bởi nó có bốn chân nó chạy. Còn tôi từ xó nhà ra đầu ngõ, rồi từ ngõ vào đến vườn là hết. Từ xưa chưa hề có ai để ý đến tôi cả, họ nhìn tôi như một con vật. Với ai tôi cũng phải ngửa đầu nhìn lên. Cho đến bây giờ tôi có chữa họ mới vụt nhận ra

tôi cũng là người như họ. Tôi có chữa. Con mụ Tư thọt có chữa thì còn trời đất nào. Với ai? Có lẽ họ muốn biết để thỏa tính tò mò, tôi còn lạ gì. Lão xã trưởng nó hứa hẹn với tôi rằng khai ra thì gả kẻ đó cho tôi, lúc thì y lại bảo khai ra để y bỏ tù người ấy. Để tôi mới để hôm qua chắc. Năm nay tôi ba mươi hai tuổi đầu và chưa hề nằm ngủ với người đàn ông nào trong đời, trừ một lần cách đây năm tháng. Cái bào thai trong bụng này là của anh ta. Nhưng đừng có hòng tôi nói ra. Tôi giữ cái kỷ niệm, cái hình ảnh ấy cho mình tôi. Tôi cho là đẹp, tôi ôm ấp cái hình ảnh ấy mặc cho họ rửa sả, Tôi chắc anh ta còn hối hận về phút cuồng dâm bữa ấy. Với tôi thì không. Tôi yêu. Tôi chắc anh ta sẽ tự tử nếu tôi khai tên anh ta ra. Mà sao tôi lại nói? Tôi thì mong lấy gì ai? Tôi lê đi dưới đất như một con chó. Tôi với cái bấu trên lưng. Tôi với

hình người chẳng ra người. Ai cười thì cười. Đứa trẻ nào trông thấy tôi cũng chế nhạo. Lũ người lớn thì coi tôi như không có trên thế gian này. Mỗi lần nhìn tôi sao họ có vẻ hờn hĩnh thế. Tôi thù họ. Cho đến ngày nay thì tôi trả được cái thù này. Tôi có chữa với một người của họ. Một gã đàn ông. Tôi sướng khoái với cảm giác thấy họ bị dẫn vật đau khổ. Thì ra lần đầu tôi được chú ý tới. Tôi là cái mồi cho họ bàn tán, ghen ghét, Lần đầu tiên họ nhận thấy có tôi trên cõi đời.

*

Mẹ tôi mang một nắm lạt tre để xuống bên cạnh tôi. Tôi vẫn tiếp tục đan thành hình một cái giỏ. Thấy người thờ dài, tôi chỉ bảo:

– Bầm khởi phải lo, chẳng ai làm gì được mẹ con ta cả. Còn người ấy thì nhất định con không nói ra đâu, Anh ta chẳng có tội gì hết. Con cũng không, con sẽ đẻ. Và sẽ nuôi đứa trẻ này.

Mẹ tôi nắm lấy tay tôi, tôi nhìn xuống bàn tay gầy guộc đầy gân xạm to bằng con giun. Bàn tay tôi cũng sần lên như một bàn chân. Chưa ai ở làng này xấu bằng tôi. Thế mà tôi sắp có con với anh ta, với đứa con giai có vợ sắp cưới là cái Gái ở xóm dưới. Con bé vào loại nhất nhì trong làng. Tiếng mẹ tôi run run khàn khàn trong cái tĩnh mịch của chiều xuống. Tiếng lạt tre cọ vào nhau dưới ngón tay tôi đưa đẩy.

– Buổi chiều ông xã có bảo với bầm rằng phải về đồ ngon đồ ngọt cho mày nói tên người ấy ra, không thì ông ấy đuổi ra khỏi làng. Bây giờ bầm già rồi,

chỉ muốn yên phận. Vậy tùy mày xử trí thế nào thì xử. Đời bầm đã khổ nhiều từ ngày lấy bố mày.

Mẹ tôi không nói hết câu, cái hình ảnh cuối cùng là người bố chìm và tan trong một tiếng nấc. Buổi chiều lạnh và mênh mông như một cánh rừng: chơ vơ, lạc hướng.

Tôi hình dung lại hình dáng người cha từ thuở nào xa lắm, cái hơi nồng của men rượu, những câu rửa tục tần lúc nào cũng đeo trên đôi môi đầy thâm sịt. Tôi biết mẹ tôi khổ nhiều, kể cả vì tôi. Không hiểu sao những kiếp người như chúng tôi lại cứ có trên cuộc đời. Đã thế lại còn bám vào cái sống không chịu buông. Ngày bố tôi chết vì say rượu trượt chân ngã xuống ao thì cả làng như bớt một gánh nặng. Chính tôi cũng không cảm thấy thương tiếc. Chúng tôi vẫn sống cái

kiếp sống của con người vật, dài và buồn nản.

Tôi sờ tay lên gò má còn hằn ngón tay của lão xã, chưa bao giờ tôi thù y đến như thế. Y lại còn muốn làm khổ mẹ tôi. Với tôi như thế chưa đủ hay sao? Đã thế tôi sẽ làm cho y điên đảo. Tôi sẽ khai quách cho cháu y rồi muốn ra sao thì ra. Tôi nhớ lại cái gã đàn ông nặng nề và chậm chạp thỉnh thoảng qua ngõ nhà tôi. Đã có lần tôi ước ao ngủ với hắn và được hít cái mùi hoi hoi của chính người hắn đang vương trong không khí.

Cúi đầu xuống, tôi lại nghĩ đến cái thằng người con ngoi ngóp trong ấy. Nó đương ngo nguậy, nhè nhẹ nhè nhẹ, nhưng nhiều khi nó cũng làm tôi đau nghtiến. Tôi kéo bàn tay mẹ tôi để lên bụng:

– Bầm sắp có cháu bế.

Mẹ tôi im lặng một lúc rồi bỗng nhiên nói:

– Mày đã định đặt tên nó là gì chưa.

– Chưa, bầm ạ

Ba chúng tôi cùng ngồi yên, cũng nghĩ tới nhau, chưa bao giờ tôi thấy yêu mẹ tôi, yêu con tôi và yêu anh ta đến thế. Tại sao tôi không đối phó để giữ những gì tôi ấp ủ?

– Bầm ạ, tôi thấy nóng mặt vì sắp nói dối mẹ tôi. Anh Ba đấy.

– Ba nào? Tiếng mẹ tôi lo âu.

– Ba, cháu ông xã ấy mà.

Mẹ tôi chậm rãi đứng dậy chép miệng thở dài. Tôi biết người lo ngại viên xã

trưởng. Tôi thì chẳng sợ gì. Y là một thứ vũ phu, y kháo tôi vì tò mò mà cũng để sĩ diện với hàng xóm là mình có uy quyền. Đời nào y dám đuổi mẹ con tôi ra khỏi làng này.

– Thôi tao đi nằm đã, rồi cũng liệu mà đóng cửa Tư ạ, xẩm tối rồi.

Mẹ tôi quờ quạng tìm chiếc đèn dầu mắc ở xó nhà, châm lửa. Ánh đỏ chợp chờn hoa lên trong chạng vạng của bóng tối vừa xuống. Tôi nói:

-

– Để con cố đan nốt chiếc giỏ này đã bẩm ạ, gần xong rồi.

– Liệu mà nghỉ sớm cho khỏe.

Mảnh trăng thượng tuần nhô lên sau đám mây dày, lạnh lùng, đơn độc.

Tôi nhớ lại cái đêm tôi gặp anh ta, trăng cũng như thế này nhưng vào khu-ya hơn chút nữa. Lần đầu tôi biết một người đàn ông. Từ đó đêm nào tôi cũng nghĩ đến anh ta, cái hình ảnh ấy đến với tôi như một ám ảnh vĩnh viễn. Tôi mê cái ám ảnh đó mỗi buổi chiều tắt đi.

*

– Đứng, anh, đừng ở đây,

Tiếng người con gái van vãn. Giọng người đàn ông như lạc đi:

– Không, để yên nào.

– Nhưng anh vừa uống rượu với lại...

Câu nói bị đứt ngang bởi một bàn tay giật mạnh. Người con gái kêu lên một tiếng nhỏ rồi giăng ra. Tiếng xoạt của vải rách kèm theo một tiếng rủa ngán. Tiếng

chân chạy xa và gã đàn ông rên lên. Hấn loạn choạng búi vào cành tre lá gần mặt. Tôi nghe thấy tiếng thở hừng hực. Lúc hấn đi quanh ra đằng sau cây rơm để ngồi xuống thì hấn há miệng vì ngạc nhiên. Một hình thù ngồi đấy tự bao giờ. Đó là tôi, một con vật giống cái. Thỉnh thoảng tôi vẫn bò ra ngồi chỗ này hóng mát, vì nó ở ngay phía sau nhà tôi, cạnh con đường ven làng. Lần này tôi đã thiêu thiêu chợp được một giấc khá dài. Trăng lấp sau bụi tre và bóng người đàn ông chỉ còn là một khối đen lớn trên nền sẫm của lá.

Anh ta chập choạng đi đến phía tôi rồi quỳ thụp xuống nhìn vào tận mặt. Hơi rượu cay cay làm tôi muốn bật ho. Một con muỗi bay bên lỗ tai vo vo, anh ta giờ tay đập cái đét rồi ôm choàng lấy tôi.

Tôi không kêu nhưng cố đẩy anh ta ra kịch liệt. Mà tại sao tôi lại chống cự cơ chứ? Tôi thường mơ ước được ngủ hơi thở một người đàn ông và lần này tôi đã được. Anh ta ở ngay trên tôi. Anh ta với những bắp thịt rắn đanh. Tay tôi ghì lấy lưng áo sẫm sấp mồ hôi hay vì sương xuống tôi không biết. Ánh trăng rất mờ, đám mây xám đảo trên trời như bão hay bão ở lòng tôi, tôi cũng không hay.

Rồi anh ta buông tôi và bỏ đi giữa lúc tôi nằm yên trên cỏ. Mùi rơm hăng và thơm như lúa mới, nhưng không làm tôi quên cái mùi người anh ta, và tiếng chân bỏ xa trên đất cũng không làm tôi trở mình. Tôi nằm đấy suốt đêm với con trăng ướn lạnh, với những vòng hào quang thần thánh quay cuồng không gian.

✱

Quả nhiên sự báo thù của tôi lại công hiệu. Viên xã trưởng thấy mẹ tôi nói là cháu hấn ta thì tái người. Y cũng không dám đánh tôi vì có người nói tôi mà trụ thai thì y không khéo mất chức mà lại khốn khổ.

Mẹ tôi chỉ luôn miệng van xin. Người này, người nọ mỗi người hỏi một câu, chêm vào một chuyện. Lúc tôi trông thấy cái mặt tái xám của anh Ba thì lại không cầm lòng thương. Tôi bèn đổ đại cho một chàng khác. Rồi lại một tên nữa bay ra, khiến cả làng hoang mang. Họ càng tra hỏi thì lại càng lúng túng bởi những câu trả lời của tôi. Tôi dám chắc rằng cả đời chưa bao giờ tôi lại nguy hiểm đến như thế. Tôi không là một con chó thường nữa mà là một con chó dại khiến mọi người sợ điên lên. Tôi thú vị vì trả thù

được những đứa con gái hờn hĩnh có tình nhân hoặc chồng bị ghép ngủ với tôi. Bao nhiêu chàng ê chề, nhục nhã và ngượng đến phát sốt rét vì bị mang cái tiếng tằm đó. Thế ra tôi đã ngủ hết với họ theo tưởng tượng của mọi người. Tôi trở thành một thần tượng cho mọi người sợ và ghét.

Chỉ vì mày đẩy con ạ, ôi cái hòn máu bé nhỏ là con của mẹ. Mẹ ước ao rằng sinh ra con hoàn toàn là một người chứ không phải là con vật nữa. Mẹ mang con trong bụng mẹ và lê con trên mặt đất. Mỗi một thước dài là mẹ lại cảm thấy sự có mặt của con và nỗi yêu đương của mẹ.

Tôi thấy nó cười trong tôi, tê tái như sau đêm anh ta đến, và tự nhiên tôi thấy yếu cả cuộc đời. Lão xã trưởng với bộ râu trê ngồng ngồng không còn đáng ghét nữa, y có thể tát tôi dăm bảy cái

liên. Tôi cũng không còn ghét những đứa con giai, con gái làng lắm lì nhìn tôi một cách hằn học. Bởi vì tôi đã báo được thù, tôi đã cho họ nhận thấy là tôi ngang hàng với họ, những kẻ có hai cẳng đứng hằn hòi. Ý tưởng đó làm tôi xuýt bật cười thành tiếng. Một người đàn bà sẵn đến cạnh

tôi vừa chửi vừa định đánh. May mà có một người khác giữ lại.

– Tiên sư nó chứ, chồng bà đâu có ngủ lang với cái thứ mày hờ con giới đánh kia. Bà chỉ cho mấy thanh củi là mày chết bỏ đời.

– Thôi thì bác chấp làm gì. Chị ta giở hơi đấy mà. Đánh chửi lắm nó lại càng khai tâm bậy. Với lại cái mã ấy cũng chẳng sống được đâu. Người như thế làm sao mà đẻ với đái được.

Câu nói đâm vào phổi tôi buốt như một cây kim nhọn.

Tôi nghĩ đến thằng người con trong bụng. Không! Nó còn sống, nó đang sống, nó phải sống. Nó đang ngo nguậy trong tôi, làm sao nó lại chết được. Tôi bằng lòng chết cho nó sống. Tôi bằng lòng chết mà không cần oán hờn gì ai hết, kể cả anh ta. Mà tôi phải biết ơn mới đúng chứ. Anh ta đã cho tôi dư vị của sự sống. Sự sống tràn trề bùng lên như lửa.

– Không, tôi không chết, các người đi đi.

Tôi hét lên, và mọi người lắm lũi tản ra. Họ vẫn sợ tôi như một con chó dại.

*

Thế rồi câu chuyện cũng hơi ngui
mặc dầu bụng tôi ngày mỗi lớn. Tôi
không lê được nữa, Tôi ở nhà. Mẹ tôi
cũng lo ngại bảo với tôi:

– Bầm hỏi bà mụ ở làng thì bà ấy bảo
phải đem mảy ra tỉnh mới đủ thuốc.

Người lại chép miệng:

– Thì người ta cũng sợ không làm
nổi, nhờ có sao lại khốn cả hai mẹ con.

Tôi phải đi vì tôi muốn con tôi sống,
nó sống để làm người. Mà tôi còn tiếc
gì cái làng này khi người ta nhìn đến tôi
như một con người vật.

Chúng tôi thu xếp lên tỉnh.

Lần đi này, tôi có cảm giác sẽ không
bao giờ trở về nữa. Già từ tất cả, căn nhà,
bụi tre, đồng rạ sau nhà. Tôi chỉ mang đi

toàn hình ảnh. Những hình ảnh se thắt
lại trong những cơn đau dữ dội từng hồi.

Vị bác sĩ khám cho tôi xong quay lại
bảo nhỏ với cô nữ y tá tay cầm bút ghi
chép. Mẹ tôi thì lo âu nhìn hai người.

– Sản phụ phải ở đây tỉnh dưỡng cho
đến ngày sinh nở. Vị bác sĩ nói. Trường
hợp này phải mổ để lấy đứa bé ra mới
hy vọng cứu cả hai mẹ con. Nhưng tình
trạng của sản phụ nguy hiểm hơn. Dù
sao chúng tôi cũng cố gắng.

Không, nó sẽ sống, tôi kêu thầm như
vậy. Tôi bằng lòng hy sinh để nó sống.

Nằm trên giường sắt trắng, tôi như
chói mắt vì sắc trắng của trần nhà và buồn
nôn vì cái không khí của nhà thương.
Những sản phụ khác cũng nhìn tôi bằng
con mắt tọc mạch. Chắc họ cũng tự hỏi

làm sao một người như tôi lại có chữa như họ được. Và loáng thoáng tôi cũng nghe thấy những tiếng xâm xì từ giường này qua giường khác. Nhưng tôi thì cần gì nghĩ đến họ. Tôi nghĩ đến đứa con tôi, đến cái đêm mà trời như đổ xuống. Da tôi tê đi, rần rần như có sự cọ sát của những sợi râu thưa đâm vào má. Mẹ tôi nói:

– Tao lo cho mày, Tư ạ.... nhớ làm sao.

Tôi ngắt lời khe khẽ:

– Bầm khỏi lo, rồi bầm có cháu bé mà. Còn con thì...

Tôi cũng không nói hết câu nhưng mẹ tôi cũng thừa hiểu.

– Có gì bầm nuôi nó.

Giọng nói của tôi ghen trong cuống họng, chúng tôi im lặng mỗi người một ý nghĩ. Đêm ấy tôi mơ thấy tôi đi về làng như một người thường. Bằng hai chân. Ai nấy đều chào hỏi tôi như chính tôi cảm thấy từ trước mình vẫn là người thường. Đến nhà thì có một thằng nhỏ ra đón với mẹ tôi. Trông tôi thằng bé chỉ cười. Mẹ tôi dắt nó đến và bảo: Sao không chào mẹ mày đi. Tôi giơ tay bé nó hôn, rồi hai mẹ con dong chơi trong vườn. Giữa lúc đang đùa với con và đang sống tràn trề hạnh phúc thì tôi hãi hùng chợt thấy cảnh vật như lớn lên và tôi nhỏ dần, nhỏ dần lại. Một cảm giác ớn lạnh suốt sống lưng và tôi chợt thức dậy. Bấy giờ còn là đêm. Đầu phòng một ngọn đèn còn le lói và qua khung kính nhỏ trời sao lấp lánh. Căn phòng lặng lẽ như một chiếc quan tài,

Tôi đặt tay lên bụng mím cười nghĩ
đến nó rồi lại ngủ thiếp đi.

Dương Nghiễm Mậu

Rượu, chưa đủ

Về đến đầu ngõ thì tôi chia tay
Thùy anh ta lặng lẽ cúi đầu rồi
vượt sang bên kia đại lộ, tôi quay trở vào
lối ngõ. Ngọn điện trước dãy nhà thấp
vàng lay động và ánh sáng thay đổi trên
những vùng nước đọng đầy trên lối đi.
Tôi về hơi trễ. Vào nhà, tôi tháo bỏ đôi
giày ở chân cầu thang rồi lần lên gác.
Hùng đang ngồi đọc một trang sách, tôi
thừa biết đó là cuốn sách gì. Hai đứa làm

thinh như sự có mặt của nhau không cần thiết.

Tôi ngồi vào bàn châm hai điếu thuốc với tay đưa cho Hùng một điếu, những vệt khói mỏng bay trườn ra ngoài khuôn cửa nhỏ. Tôi lắng giọng hỏi Hùng:

– Sao hôm nay cậu không đi đưa đám Thành? Mình biết cậu nghỉ học ở nhà.

– Đi đưa à, có ích gì không? Chúng mày vẽ vờ lắm. Sống còn chả thể cho nhau lấy một bữa cơm hay nửa ổ bánh mì, đến khi chết còn nói chuyện đưa với rước, giả dối thì cũng phải vừa vừa thôi chứ. Tao, mày hay đứa nào đấy rồi cũng sẽ như thằng Thành, mày biết thế chứ?

Tôi không biết nói làm sao nữa. Chúng tôi đang sống với nhau những ngày chờ công việc. Hoặc mai hoặc kia,

bất cứ lúc nào chúng tôi cũng muốn và có thể rời nhau để sống. Nhiều bữa nhìn đôi nhìn nhau, nhưng chúng tôi im lặng và cho sự than van không xứng đáng, và lại chúng tôi cũng không biết than van cùng ai. Hùng bỏ cuốn sách rồi lên ghế nằm, nó nằm xoay mặt vào vách, tôi chỉ trông thấy khoảng lưng hơi cong.

Tôi không muốn ngồi một mình nên tắt đèn rồi định lên giường nằm; khi ngoái cô ra khỏi cửa sổ lúc quay vào tôi thấy bóng mình in trên vách. Bóng tối lù lù xoay lưng lại lớn và choáng đầy một khoảng bỏ trống. Cũng đã nhiều đêm như thế rồi, tôi muốn đạp chân lên, muốn chửi lớn và đập tan cái bóng tối xoay lưng lại ấy. Có phải cuộc đời cam điếc xoay lưng lại với tôi như thế không? Rồi tôi chập chờn trong một giấc mơ hãi hùng: mẹ tôi bị bắn chết, cha tôi bị

cầm tù và anh em, họ hàng thất tán mỗi người một nơi tìm kiếm không thấy. Tôi la hét và gặp bảy sư tử. Lúc bấy giờ tôi không còn la hét được nữa. Con sư tử nhỏ nhất há miệng tôi áng chừng rộng độ hai gang tay. Lông nó màu vàng sẫm bết bùn, không có tai và chồm lên. Con thứ hai lại há miệng rộng chừng hai gang rưỡi, lông trắng đuôi cụt, nó cũng chồm lên. Con thứ ba há miệng rộng chừng ba gang tay, mắt mù, chồm lên. Con thứ tư không có chân lao lên thật nhanh, thật nhanh. Cứ như thế, như thế hàng ngàn cái miệng lớn mãi lên, nhiều mãi ra. Những con mắt, những móng nhọn chồm lên nối tiếp như vũ bão, tàn ác. Tôi đếm mãi cho đến khi không thể đếm được nữa, rồi lịm dần lịm dần mà những con sư tử há miệng vẫn chồm lên. Đến nay, hơn hai mươi tuổi đầu tôi sống như vậy.

Tôi trở thức, còn đôi ba ngôi sao cuối mà những ồn ào của lối xóm, cái ồn ào xua đuổi những vì sao đêm lặng lẽ cúi đầu. Tôi nhớ lại lời chị tôi: khi ngủ thì duỗi chân để nếu giấc mơ tàn ác đến có thể chạy được. Nhưng đã từ lâu những giấc ngủ lạnh buồn, lằm lũi trong số kiếp vẫn đến. Tôi nằm chưa bao giờ duỗi chân, thân hình co quắp trong những lần thức dậy làm tôi đau đớn. Bởi tôi ngủ co như vậy nên không bao giờ chạy thoát những con sư tử há miệng cứ chồm lên mãi chẳng? Thật tội nghiệp cho những ngôi sao bé mọn và lằm lũi kia để cho ban ngày đến phải chạy trốn, chạy trốn đến khi nào tự cho mình là thân phận muộn măn và trôi nổi. Tôi muốn van xin sự vắng mặt nhưng chính tôi thường vắng mặt. Những trang sách cứ qua mãi cho đến khi đôi mắt nhú lại, cho khi đến bầu dậu voi đi, cũng như những

chặng đường, ngắn dần, lùi dần và cuộc đời lớn dần già dần, rồi tan dần đi. Tôi nghĩ đến những người đang ồn ào trong xóm. Những lúc tranh đua kiếm miếng có khi nào nghĩ đến cái thân phận làm người của họ không? Hôm nay họ xanh trẻ, thời gian sau họ già nua. Con cái họ lớn lên và già theo cùng những vui buồn, sinh tử, sợ hãi, chán ghét... rồi họ chết đi nhưng xóm nhỏ thì đông thêm, đông thêm mãi cho đến khi nào những người còn sống quên dần những người đã chết.

Cuộc sống ngày nay mất đi những tham dự của sức mạnh siêu hình mà người trước tin cần để sống. Nhưng có lẽ thái độ can đảm liều lĩnh ấy khiến cho chúng tôi đau đớn hơn. Chúng tôi không thể đổ lỗi cho ai được khi chúng tôi tự cho mình là Thượng đế.

Lúc tôi bỏ khuôn cửa sổ lên giường, chưa ngủ được tôi thao thức nhìn lên đỉnh màn: những ánh sáng đan lên từng vệt nhằng nhịt như những mắt lưới, mà trong mắt lưới ấy tôi gần như khô cứng và mệt mỏi. Sự mệt mỏi li bì làm mất cảm giác ghê lạnh từ gáy và tôi lại vào một giấc ngủ mệt mê hơn nữa.

Mấy hôm sau tôi nhận được một chân kèm trẻ tại nhà một người đàn bà ở xóm Rạch. Người đó cho tôi ở một căn gác nhỏ bằng bốn chiếc chiếu. Nơi ấy nguyên là phòng học của hai đứa con gái bà ta: đứa lớn 11 tuổi, đứa nhỏ 9 tuổi. Chồng bà là người Ấn đã qua đời được hơn một năm. Hồi chồng bà còn sống, những đứa nhỏ này theo học một trường tiểu học Pháp. Nhưng bây giờ bà muốn cho chúng theo học trường Việt. Bà bảo:

– Không nói giấu gì cậu, bà cụ thân sinh ra tôi chỉ có một mình tôi thôi. Mấy đứa cháu phải được gây dựng cho cẩn thận, cụ tôi muốn thế.

Tôi bắt đầu những buổi học vào ban sáng.

*

Căn nhà đó nằm sát ngay bên một phố nhỏ toàn là người Ấn cư ngụ. Nhà có một tầng nhưng chủ nhân đã cho cất về phía sau một căn gác xép nhỏ. Giữa những mái ngói đen sạm và vòm cây cao của khu nhà yên tĩnh căn gác nhỏ vượt lên bé bỏng yên phận. Tôi kê chiếc bàn học cho hai đứa nhỏ về cửa sổ phía đông. Chúng tôi thường bắt đầu bài học vào lúc mặt trời lên độ con sào. Căn gác thật

giản dị, tường trống trơn. Chiếc giường vải của tôi kê sát tường và gối đầu bằng một gói sách, chiếc va-li nhỏ để trên đầu giường. Ba chiếc ghế con ôm lấy ba mặt bàn bỏ trống. Những tường vôi vàng xăm đã cũ kỹ lắm. Trên những ô cửa sổ đã có rêu và vài thứ cây dại nhỏ mọc bám vào. Chúng tôi làm việc bình thường. Tôi ít đi ra ngoài. Rồi sau nghe lời khuyên của bà chủ – bà thường lên thăm tôi vào lúc sắp đi ngủ – tôi yêu cầu bà đánh thức tôi để tôi đi dạo ngoài công viên. Những người Ấn thường cầu nguyện từ buổi tối cho tới khuya. Buổi sáng người đưa sữa tươi đạp xe đến sớm, đều đặn như một cái đồng hồ. Anh ta bao giờ cũng bấm chuông khoảng năm giờ làm tôi thức giấc và bà chủ cũng dậy khi đó. Tôi mặc áo cánh rồi trở ra công viên. Những ngọn điện đường đã tắt hết. Có ít người lác đác trên phố vắng.

Công viên còn vắng lặng, tôi đi trên những con đường rải đá cuội phủ ít nhiều lá khô mới rụng. Tôi tiến về phía những bệ gạch lớn trơ trên giữa bốn hoa màu tím. Những hàng cây xanh được cắt gọn gàng. Trong một khoảng vườn hình bầu dục có một giàn hoa giấy màu đỏ thắm, hoa rụng rơi bời. Một hố cát, nơi những trẻ nhỏ đến đây làm bánh, xây nhà. Tôi đi dạo một vòng công viên, những cánh hoa cuối mùa nắng gầy và khô khan tô điểm cho bộ mặt công viên.

Có hai người phu mặc áo đen đặt những nhát chổi đầu tiên khua buồn trên lối sỏi. Tiếng kêu khô nhỏ và âm trầm. Bụi bay quẩn lên rồi lắng xuống. Người phu ngừng tay ngáp nhiều lần. Tôi nhớ về một câu chuyện thần thoại cũ. Tôi trở về khu vườn bầu dục, chọn tấm ghế đá

gần nơi có hố cát. Tôi đọc trang sách bỏ dở của Hương:

“– Bà có thai?

– Bây giờ anh còn hỏi tôi như thế! Tôi là bà, tôi đã 40 tuổi. Còn anh? Anh 20 và cái thai ba tháng của hai người. Tôi không muốn nó là con hoang như tôi. Anh phải cưới tôi. Cưới tôi ngay bây giờ trước khi đứa trẻ ra đời.

– Không thể được...

– Anh hối hận đã ăn ở với một con đĩ thập thành 40 tuổi đầu sao? Nhưng hồi trước anh có yêu tôi không? Không yêu sao...

– Tôi van bà...

– Còn tôi. Anh cứ khinh tôi đi. Cuộc đời cho tôi làm đi, bắt tôi làm đi, dù tôi

có muốn trong sạch. Các người gây ra những các người khéo giấu bàn tay dơ bẩn của mình. Anh hối hận...

– Tôi van bà...

– Anh cần vào một thánh đường phải không? Anh cần một đấng cao cả, như Thượng đế chẳng hạn. Nhưng dù là Thượng đế cũng không bao giờ có thể làm được gì trong những vấn đề thuộc về con người cả. Anh phải cưới tôi. Đứa nhỏ ba tháng rồi. Nó sẽ mang họ anh. Anh họ Nguyễn, họ Trần, hay họ Đinh? Anh chạy trốn được sao? Anh không thể đi đâu được dù để nôn mửa.

.

– Anh có ý kiến!

– Không. Tôi không có ý kiến gì cả. Tôi muốn hỏi anh con người ngày nay

đòi hỏi những cái gì trước nhất? Anh đừng vẽ ra một dòng sông một ranh giới làm gì? Anh bảo tôi đứng ở bờ này hay bờ kia ư? Không thể như thế được.

.

Đừng nghĩ rằng đã chết, đang chết, hay sẽ chết mà tôi muốn hỏi anh: chúng ta bắt đầu ở chỗ nào? Chỉ có chúng mình mới có trách nhiệm về chúng mình, còn ngoài ra là thừa.

Dù chết bằng cách nào thì cũng hèn và một thái độ chưa đủ...”

Tôi nghe thấy một hồi còi xe lửa rúc ở phía xa trong thành phố. Người phụ già đã nghỉ tay quét đang ngồi ăn bánh mì. Tôi gập cuốn sách của Hương lại.

Tôi nghĩ đến bạn bè mà thấy rỗng không. Hương nằm ở bệnh viện. Thu đi

làm đêm cho một giàn nhạc. Hoài sửa bài nhà in. Toàn kèm trẻ. Hoành bỏ đi buôn ở biên giới. Vịnh chạy hàng xách và Thành mới chết hôm nào...

Chúng tôi bám lấy cuộc sống bằng những sợi dây mỏng manh nhất. Và tôi vẫn thường thầm hỏi: giữa một tình trạng như thế này sao mình không bỏ đi? Người yêu đã rời xa. Bà dì ghẻ tôi đã khuyên tôi lập gia đình. Chị tôi túng quẫn trong vòng bệnh hoạn và em tôi thì đã được gửi vào nhà tế bần; năm nay nó 13, học lớp nhì. Tôi không làm gì được cả. Tôi nhiều lần định vào nhà thờ nhưng lần nữa mãi chưa đi rửa tội. Công viên sáng hơn, có ít đứa trẻ ngoại quốc đánh đu ở phía bên kia. Tôi nhìn thấy những cụm tóc vàng óng rung lên.

Bất chợt tôi nhìn lại, nơi hố cát. Có đứa nhỏ đang giống cây chuối thẳng

đứng. Đứa nhỏ mặc một cái quần cộc đen, áo cánh sọc xanh, nó hát nhỏ và trộn cả mắt, hai má phồng lớn giữ hơi, áo dốc ngược phơi ra cái bụng lép và cái rốn đen sâu. Gót chân sây xám những dầu mỡ bắn thủ. Nó lộn nhào luôn mấy cái. Nó hát nhưng tôi không nghe rõ. Rồi nó ngồi xuống lấy tay bốc cát và đào nhiều hố, đắp nhiều mô nhỏ. Bấy giờ nó mới chú ý đến sự có mặt của tôi. Nó thấy tôi chăm chú nhìn nó, nó cười thật dễ dãi.

– Để tôi cùng đào sông với em?

– Tôi không đào sông đào núi gì đâu. Tôi làm cái trại như ba tôi hồi xưa. Trước kia nhà tôi như thế đấy. Để tôi chỉ cho ông hay; chỗ này ao đình có sen, ba tôi giống nhân ở bờ. Bên này là vườn cau và giàn trâu. Cau trâu cho những đám cưới ông biết chứ? Chỗ này cầu ao, có lần tôi ngã gần chết. Ông không biết làm đâu.

– Sao lại không?

– Hay là ông làm nhà của ông đi cho tôi xem với nào?

Tôi lúng túng. Tôi nào có biết nhà mình ở quê ra làm sao! Cha tôi bỏ đi Tân thế giới làm cao su từ năm tôi mới bốn tuổi. Tôi chả biết gì về quê hương cả. Tôi không thể nói dối mình được.

Có nhiều người tạo ra những giàng buộc với mình để sống; như giàng buộc với Thượng đế, với quê hương, với bốn phận, với tình yêu và máu mủ nhưng tôi thì mất đi gần hết những thứ ấy, dù có muốn tạo ra cũng không sao có được. Đứa nhỏ còn biết nhà của nó, nơi nó đã sinh ra và sống những ngày thơ dại. Tôi chỉ nhớ một căn buồng nằm trong một dãy nhà ẩm thấp nơi đồn điền cao su. Những người cai tàn ác. Cơm hôi và

ánh đuốc trong rừng cho những dòng mủ trắng. Tôi sống lên như thế và mất đi những ràng buộc cuộc đời, mất đi như những giọt cát ướt chảy khỏi những kẽ tay mỗi lần vớt lên ở biển.

– Ủ mà tôi không biết làm thật chú bé ạ!

Tôi trở ra về. Công viên buổi sáng ồn thêm một chút. Những cánh hoa tím rụng trên lối đi không còn nữa.

Về đến nhà tôi bắt đầu ngay buổi học. Những người Ấn đã mang vải đi chợ từ sớm. Tôi ngửi thấy mùi nhang của người bán nhang đi qua cửa.

✱

Tôi gặp Hoài báo tin Toàn định cưới vợ và Long đã vào lính.

– Muốn trong sạch thì chỉ nên biết một người con gái mà thôi.

Tôi thêm:

– Hay không biết người nào lại càng hay.

Hoài đưa thuốc cho tôi hút. Bàn tay Hoài cháy khói, đôi môi nhợt và khô se.

– Mình định đi xa.

– Ủ đi đâu thì đi.

– Lẽ dĩ nhiên thuộc về mình.

– Khi nào thôi nghĩ đến nhau lại càng hay nữa. Ở đâu mà chả vậy. Có chạy đằng trời con ạ. Thân mới chả phận...

Buổi chiều rưng rưng. Chúng tôi đi với nhau một lúc lâu và nhắc đến những người bạn vắng mặt. Có tiếng hát nhỏ ở ngoài khuôn cửa “que sera. . . sera”... Điệu nhạc cho tôi những ý nghĩ buồn. Tôi nhìn lên bầu trời, bóng tối nhá nhem trên những ngọn cây.

*

Tôi trở ra công viên như thường lệ thì đứa nhỏ đã đến hố cát. Nó lại giống cây chuối, lộn nhào rồi hỏi:

– Sao ông không đắp nhà?

– Tôi không biết đắp em ạ!

– Ông không ngạo tôi chứ? Hôm qua tôi còn quên ngồi ở gốc cây bàng nơi tôi thường ngồi câu buổi trưa nhìn chuyển

tàu về quê ngoại thú lắm, giá mà tôi cưới vợ rồi...

– Cưới vợ? Em còn bé mà đã cưới vợ sao!

– Có chứ. Ông tôi bảo: vợ tôi như chuyến xe lửa về quê ngoại ấy. Tôi tiếc rằng chưa cưới vợ. Để bao giờ cưới tôi sẽ cưới vợ to và dài hơn nữa. Như thế tôi sẽ cho được nhiều người về quê ngoại tôi chơi.

Tôi khẽ cười về một ý nghĩ ngộ nghĩnh.

– Ở quê ngoại tôi mùa nào thứ ấy. Nhãn, ôi, hồng... thôi đủ thứ. Ông có quê ngoại không, chắc quê ngoại ông đẹp lắm nhỉ?

Đứa nhỏ lộn nhào nữa. Cát bay mù. Tôi dụi mắt như muốn khóc. Mẹ tôi chết

sớm nên không ai cho tôi biết quê ngoại ra sao. “Vợ là một chuyến xe lửa về quê ngoại”, là những niềm thân yêu tha thiết với quê hương. Và nếu như thế chắc đứa nhỏ sẽ còn đòi cưới nhiều vợ cho nó để được về quê ngoại luôn. Đứa nhỏ đáp lại nhà. Tôi giúp nó giồng thêm một giàn hoa tím, và xây một con đường bằng đá trắng để khi tôi về thăm được sạch sẽ, mùa mưa không sợ lầy lội. Tôi định sẽ đào thêm một cái giếng và đứa nhỏ muốn dựng một cái quán nước

Mặt trời lên cao. Tôi bỏ ra về.

Buổi chiều tôi tới thăm chị tôi. Đứa cháu nhỏ yếu đã hơn một tuần lễ nay. Nó xanh và gầy. Nó không nhận ra tôi. Nó không cho tôi bế khóc thét lên. Tôi ăn cơm dưới ngọn đèn dầu rồi ra về khi trên trời sao mọc đã đặc. Tôi hút thuốc liên tiếp cho đến khi tới nhà. Tôi thức khuya

dù không làm được gì.

Sáng hôm sau tôi dậy muộn, công viên ồn ào hơn mọi khi.

– Sao bữa nay ông tới chậm?

– À tại tôi ngủ trưa, em đã làm thêm được gì rồi?

– Chưa. Tôi cũng mới tới. Em tôi đau phải đi nhà thương thí. Chắc ông không có em, ông có con chưa?

Thấy nó hỏi ra vẻ người lớn tôi gần bật buồn cười vì đau đớn:

– Tôi có một người em trai, nó 13 tuổi, hiện ở nhà tể bản. Tôi không có vợ thì làm sao có con, và cũng không ai lấy tôi cả.

Đứa nhỏ há miệng lớn. Nó có cả một hàm răng sún. Đôi mắt nai tơ mở rộng

ngạc nhiên. Tôi ngồi kể chuyện “cô gái quàng khăn đỏ và con chó sói” cho đứa nhỏ nghe. Nó quên xây nhà. Đứa bé ra về sớm. Nó ngắt theo một cụm hoa giấy và giải thích:

– Người ta cấm đấy. Nhưng lúc em tôi đi nhà thương tôi dỗ nó đừng khóc khi về tôi sẽ cho nó một ít hoa. Chút nữa tôi quên nó khóc thật tội nghiệp.

Tôi cũng ngắt theo một cành. Tôi muốn đến ngay nhà tể bản nhưng giờ này lại đóng cửa. Tôi bản thân trở về, những bông hoa héo rũ tôi ngắt ra và ép vào một trang nhật ký. Xưa. Tôi đọc – “Tôi mong người đến nhưng chắc không bao giờ người đến nữa. Và anh hỏi: với những ý nghĩ nào chúng mình tìm đến với nhau – rồi từ đấy em bỏ đi. Như thế anh còn mất thêm những gì? Hai tay vẫn còn trắng, với hai bàn tay chết đuối ấy

còn bám được vào đâu? Những bộ cánh của tuổi thơ và tình yêu dài quá đã bay đi cả rồi, không bao giờ anh níu lại được nữa. Anh khóc nhiều rồi, bây giờ thì không khóc được đâu. Quyên ơi...”

*

Tôi sống bình thường. Đôi lần tôi bắt gặp một người đàn ông có mặt vào những buổi tối là những đêm mà bà chủ đi ngủ sớm và dậy muộn.

Tôi được thư của Lâm từ nhà lao gửi ra. Nó nhận đã làm một việc đôi bại, nó cưỡng hiếp một đứa nhỏ 12 tuổi. Nó viết một lá thư dài. Nó biện bạch đủ cách để cứu vớt một phần những tội lỗi mà nó gây ra. Nó còn dám bảo rằng chẳng qua những tội lỗi ấy là do hoàn cảnh thúc

đẩy con người mắc phải và nó lên án cái xã hội thời hậu chiến. Nó tố cáo đủ cách. Như thế là nó muốn bênh vực nó. Nó gần mãn hạn tù và không biết khi trở ra sẽ sống bằng cách nào. Tôi viết thư bảo Lâm nếu cần thì tìm đến tôi, dù đời sống của tôi cũng không hơn gì nó.

Tôi ra công viên như thường lệ. Đứa nhỏ hôm nay không còn chơi xây nhà nữa. Nó mang theo một con dao cùn, một cái ống bơ lớn đầy nước và một cái hộp con dùng đựng một thứ thuốc ho. Đứa nhỏ đi tìm tổ dế. Nó nói với tôi:

– Ông có biết chơi dế không?

– Thuở bé tôi có chơi. Thành phố làm gì có dế. Ở nhà quê mới nhiều.

– Đúng thế, ở đây người ta đem dế bán hàng giỏ lớn. Dế mà có người mua

mới chết chứ. Mấy chú lỏi ở thành phố biết gì. Chúng nó mua hàng chục con mà lấy toàn đế cái thì đá cái gì. Chúng nó chọn to xác mà. Sao không mua kí có phải được nhiều không. Phải kiếm những chú đế đực. Loại “mèn tổ” phải kiếm ở bãi tha ma mới có, chứ cái thú non oet thì đá cái thối gì? Mấy con lớn khỏe nó vừa ra oai đã vác giáo quy hàng. Muốn nó hăng phải ráy cho các chú nóng tiết mới thật thú. Chúng nó thiệt ngu. Ráy đứt cả đầu còn đá sao được nữa. Ở đây có đế hang cũng khá, tôi vừa kiếm được một con. Nó gan ghê, đổ nước mãi mới chịu lên. Chú ấy cứ gáy hoài. Thằng em tôi thích lắm nhá. Ở đây mà mùa mưa có lẽ nhiều ông ạ.

Đứa nhỏ mang tất cả những hiểu biết của nó về để nói cho tôi nghe. Thừa trước cũng có lần tôi chơi đế nhưng đại hơn

đứa nhỏ này nhiều. Người lớn có nhiều chuyện đáng làm quên cả những trò chơi trẻ nhỏ, người ta mãi xoa tay trên bàn mặt chược, hoặc theo nước ngựa đua. Mai kia những đứa trẻ lại mất đi những con đế của tuổi thơ, tuổi thơ của cả một con người hiền hòa, trong sạch đáng sống.

Đứa nhỏ chăm chú bên mép cỏ bốn hoa, cạnh bậc gạch. Nó nhặt cho tôi mấy xác ve sâu nơi những gốc cây. Nó hỏi:

– Cày cạy lột xác thành ve sâu. Nhưng ve sâu sẽ lột xác thành gì? Chắc ông người lớn thì biết?

– Nó không thành gì cả.

– Thế à. Mẹ tôi bảo rắn biết lột và không bao giờ chết già. Thế mà người lại không biết lột. Hay tại người ta có tay?

– Cũng không hiểu. Nhưng giá như các em thì có thể lột được. Mà sao rần cắn chết người kia mà. Lành như trâu bò lại không biết lột nhỉ?

– Không biết rần thế nào, chứ tụi trâu bò cũng tồi lắm!

– Sao em biết?

– Bà tôi bảo: xưa kia trâu cái cũng có yếm như bò cái. Hai loài ở với nhau hiền lành. Nhưng có lần bò cái tham muốn có nhiều yếm mới xui bò đực ăn cắp yếm của trâu cái để khi rách có yếm mặc. Bò đực nghe vợ, nhân buổi trâu bò đi tắm chung, giữa lúc đang lội dưới nước bò đực hò nhau chạy lên mặc yếm của trâu cái mang về cho vợ. Không ngờ dính luôn không gỡ ra được hóa bò đực có yếm mà trâu cái lại không. Hai bên trâu bò sinh ra ghét ghen mà húc nhau, ruồi muỗi ở

giữa chết. Rồi từ đấy muỗi mới hút máu trả thù. Loài vật có khác, chúng nó ngu ghê ông nhỉ! Người ta khôn hơn nhiều lại làm thịt chúng mà ăn.

– Thế là người ta lại ác hơn vì khôn.

– Loài vật cũng khôn. Đây ông ra mà xem: những con kiến bồ dạt làm tổ che cao về phía nào thì mưa bão sẽ đến từ phía ấy. Rồi ông xem.

Công viên nắng bàng bạc, mây đen về nhiều, thời gian trôi thật mau. Bây giờ mùa nắng sắp tàn và sắp xa thêm những kỷ niệm. Dù có khuất xa đi nhưng nhờ những kỷ niệm để nắng tin rằng mình đã sống.

Đúng như đứa nhỏ nói, tiếp theo đó là những ngày mưa gió mở mùa. Trong thời gian này tôi mới hay bà chủ nhà

chửa hoang. Tôi nhớ đến người đàn ông có mặt ở đây vào những buổi tối mấy tháng trước. Tôi ái ngại cho bà.

Tôi đến tìm Thùy, Thùy bỏ đi xa. Hùng thì mới nhận một chân thủy thủ. Tôi tìm Hoài ở bến xe, Hoài cho biết Hương rời bệnh viện và không hiểu đi đâu. Tôi nhắc với Hoài những kỷ niệm về bạn bè. Hoài gắt lên:

– Hiện tại sống còn chưa đủ sao mà y cứ nhét đầy kỷ niệm làm gì.

– Vì nó rỗng quá, trống quá. Ít ra tao cũng còn có kỷ niệm.

– Tao cần một số tiền thật lớn.

– Tiền không đủ. Tao cần một đời sống. Chỉ một đời sống thôi.

– Tao không có đời sống. Tao bệnh tật cần phải có tiền để làm lấy đời sống.

– Nhưng tiền không thể làm được đời sống. Như thằng Thành đấy, rồi cũng chết đi.

Chúng tôi đến Huỳnh. Đứa em giai Huỳnh cầm súng nhựa, dao gỗ nó khoe:

– Súng để bắn và dao để giết người phải không anh?

Tôi trợn mắt quát lớn:

– Ai bảo thế hử? Ai bảo mà thế hử?... Câm đi.

Tôi cốc cho nó một cái mạnh, đứa nhỏ sợ và đau ngã xuống bậc của chày máu cam. Tôi vội lấy tay giữ lấy mũi nó, máu chảy lênh láng. Nó khóc mãi, tôi bực tức bỏ ra ngoài. Dưới ánh đèn đường tôi thấy bàn tay vấy máu.

Tôi về ngủ với Hoài một đêm. Đến sáng tôi tìm về công viên quen thuộc. Trời mưa mau. Hố cát đầy nước. Tôi nhớ đứa trẻ và những căn nhà xây trên cát. Tôi ngồi trên ghế đá cho đến lúc ướt run lên mới trở về nhà.

Hai đứa học trò của tôi ngồi khóc ngay ở ngưỡng cửa. Mẹ chúng chết đêm qua vì uống thuốc phá thai. Tôi thấy ghen ngào. Tôi tìm cuốn sách của Hương: “Không, không thể làm gì hơn được nữa đâu. Tôi chết đi để xã hội khỏi thêm một đứa con hoang nữa. Tôi cầu cho các người trong sạch. Nhưng đừng van xin sự trong sạch của ai ban cho. Con người ở cõi đời này còn bao nhiêu trong sạch mà thừa...”

Tôi giơ bàn tay lên để nhìn những vết máu khô. Tôi có bàn tay của một kẻ giết người... Tôi nghĩ đến những tờ

lương diện trên đường đến nghĩa trang của một đám tang gặp buổi chiều.

Tôi đến tìm chị tôi. Xóm nhà lá bị cháy từ hôm nào đã trở thành lầy lội. Tôi ngơ ngác trở gót.

Tôi đến nhà Quyên. Bác Hàm – cha Quyên hỏi tôi:

– Sao độ này cháu không đến Chi?

Tôi muốn khóc và trách Bác, đáng ra bác đừng hỏi tôi như thế. Nhưng tôi chỉ biết nín thinh, có lẽ bác không biết rằng Quyên không còn yêu tôi nữa. Thu tiền ra, tôi bắt tay:

– Anh vẫn mạnh.

– Chắc thế. Sao cậu không đến Chi. Cậu quên những ràng buộc giữa cậu, Quyên và mình rồi sao?

Đã lâu lắm tôi mới được nghe tiếng “mình”.

– Tôi không quên đâu. Thì chính bây giờ tôi đang đứng đây. Anh cứ nhìn thẳng vào mắt tôi và nói nữa đi.

Tôi cầm tay Thu như cầm tay một người thân sắp từ biệt. Tôi muốn nói một câu thân thiết nhất nhưng không biết nói sao:

– Có lẽ đêm nay trời lạnh. Anh...

Tôi ôm lấy cổ Thu và muốn khóc như một đứa trẻ khóc trong lòng mẹ. Khóc để thấy mình trẻ dại hơn.

Tôi bỏ ra đường không lời chào hỏi. Tôi đi thật mau đến lĩnh đứa em ra khỏi nhà tế bần. Tôi nhắc với đứa em về ngày mẹ mất, cha bỏ đi làm đồn điền cao su. Ngày tôi về sống với dì ghẻ. Tôi cầm chặt

lấy tay nó:

– Chúng mình phải sống với nhau, không thể xa nhau được nữa.

Em tôi rơm rớm nước mắt, giữ chặt lấy tay tôi:

– Em không muốn vào nhà tế bần nữa đâu.

Đêm hôm ấy hai anh em tôi ôm nhau mà ngủ, mưa bão bên ngoài. Tôi mê trong giấc ngủ: vẫn những con sư tử chồm lên nhưng kịp đứa em thấy tôi kêu ú ớ thì đánh thức dậy. Tôi nhớ đứa bé ở công viên. Tôi ghen ngào không biết làm sao. Lại đến mùa mưa rồi, bao giờ thì vào xuân.

Tôi bỗng bảo đứa em:

– Mẹ chết mười năm rồi!

Nước mắt chạy quanh, chúng tôi
nhìn nhau thương mến.

Dương Nghiễm Mậu

Mai Trung Tĩnh

Những hạt ba-dăng của Niêm

Cuối năm 46, vì hoàn cảnh gia đình, Hiền phải ra làm con nuôi một người bác họ ngoài Đông triều. Ngày bỏ Hà Nội, mấy em Hiền nhìn Hiền mà khóc. Thấy mẹ Hiền không muốn có mặt ở nhà trong lúc tiễn chân con. Người bác của Hiền là một ông chủ sự bưu điện địa

hạt đó từ hồi Nhật chưa đảo chính Pháp. Một tháng trước, bác gái của Hiền qua Hà Nội chơi, thấy hoàn cảnh của thầy mẹ Hiền, đồng thời hai bác lại không có con giai, nên bác gái ngỏ ý xin thầy mẹ Hiền cho Hiền làm con nuôi.

Ở chùa được một tháng, nỗi nhớ nhà hãy còn ám ảnh Hiền, thì một buổi chiều, vào lúc cả huyện Đông triều vừa lên đèn, bác Hiền được tin Hà Nội nổ súng chống Pháp. Và bác đã gọi Hiền đến mà bảo:

– Bây giờ thì cháu không thể về Hà nội với thầy mẹ cháu được nữa. Người ta bắt đầu tấn công Pháp. Ở Hà Nội bây giờ đang có loạn thì cháu cứ yên trí ở đây với hai bác, khu này dù sao cũng còn khó khăn Pháp mới tới được. Cháu cũng đừng buồn. Bác sẽ bảo chị Niêm dạy cháu học thêm.

Hiền bỏ ra ngoài cửa, đứng nhìn về phía xa có mấy đám lửa đốt trên đỉnh núi mạn Bắc. Hiền đứng tựa vào cánh cửa nghe mắt mình cay cay muốn khóc. Hiền tưởng tượng đám lửa lập lòe đằng chân trời kia như lửa của Hà nội trong đó gia đình Hiền đang là những nạn nhân.

Từ buổi đó, Hiền chắc rằng mình sẽ khó có ngày gặp lại thầy mẹ. Luật của chiến tranh là tàn sát, chia ly, chết chóc và thê thảm. Con người đã đau khổ trong chiến tranh chắc chắn cũng đã lớn lên trong chiến tranh. Lịch sử nhân loại có được cũng là do ở những trận tương tranh kéo dài nhiều năm không thêm kê. Và mỗi buồn của Hiền cũng theo ngày tháng mà qua đi. Hiền sống với người con gái tên Niêm, hai người đã coi nhau như ruột thịt. Hai bác của Hiền chỉ có ba người con. Hai người chị đã lấy chồng.

Vợ chồng người chị cả hiện ở Nam Định. Còn người chị thứ về ở với bố mẹ chồng ở Sơn-tây từ ngày được tin chồng mất tích trên Yên Bái trong một cuộc chạm súng giữa các đảng phái. Niêm là con út, nàng được mười bảy tuổi, hơn Hiền ba tuổi.

Nhà bưu điện xây trên sườn một ngọn núi trông xuống mặt lộ. Ngay cửa có thêm xuống đường bằng xi măng. Đằng sau nhà là một dãy cây ba-dăng. Nhìn lên cao nữa là cánh công Quân y viện. Phía tay trái là Đồn Cao nằm chót vót trên đỉnh núi, có đường vòng cho xe chạy men theo sườn. Dưới chân núi là một bãi cỏ hoang rộng lớn. Vì ở miền núi nên buổi sáng thường có sương lạnh. Tuy vậy Hiền dậy rất sớm và hay đứng bên dãy sương rồng trước cửa sổ ngó xuống lộ, Từng đoàn người từ mạn Đông

khê đi lên. Họ tới chợ cách đó chừng một cây số đường. Buổi chiều Hiền thường ra sau nhà nhặt những hạt ba-dăng về cho Niêm. Niêm thích chơi thứ hạt này. Buổi tối Niêm dạy Hiền học và hát. Ngay từ hồi Việt Minh khởi nghĩa, Niêm đã có cái thú chép nhạc vào một quyển vở dây khổ lớn. Đến lúc Hiền ra tới ngoài này thì quyển nhạc của Niêm đã không còn một trang trắng. Chữ Niêm rất đẹp và bay bướm. Giọng Niêm ca thì trong và cao. Niêm có ca cho Hiền nghe, những đêm trên Đồn Cao có cuộc vui, họ vẫn mời Niêm lên hát. Những khi trở về, nửa đêm trời rất lạnh mà Niêm thì vui thích vô cùng. Hiền hỏi tại sao Niêm lại thích hát cho họ nghe ở trên ấy thì Niêm khẽ mỉm cười bảo nàng thích được nghe những tiếng vỗ tay ca tụng và những đôi mắt nhìn cảm mến của mọi người. Hiền bắt đầu không muốn Niêm

kể thêm về những đêm giúp vui của nàng giữa những người bộ đội mặc áo trấn thủ. Nhiều đêm sức thức giắc vào nửa khuya, lắng nghe tiếng đại bác ì ầm vọng về từ mạn núi Đèo và nghe tiếng xe hơi chạy bằng than chở nặng nề đạn dược từ Đồn Cao đi xuống, Hiền muốn chạy sang buồng Niêm đánh thức nàng dậy cùng nghe. Nhưng rồi Hiền lại chỉ nằm trong giường và nghe lấy một mình. Anh bỗng khóc. Hiền hiểu rằng thấy mẹ sinh anh trong lúc nghèo khổ bệnh tật và anh đang lớn lên trong thời tao loạn. Hiền chợt nghĩ đến tương lai cuộc đời mình. Hiền úp mặt xuống gối khóc nhỏ rồi lại thiếp đi lúc nào không hay.

Mùa xuân năm đó, chiến dịch vẫn chưa lan tới vùng này, nhưng bộ đội kéo về có vẻ đông hơn. Để qua thì giờ, hai bác Hiền xuất ít vốn cho Niêm mở một

quán ăn dưới phố. Niêm thuê một căn nhà ngay mặt đường mỗi tháng hai trăm. Niêm làm bánh tôm, bánh rán và vài thứ bánh ngọt. Hiền xuống giúp Niêm trông coi cửa hàng. Bác gái thì chạy đi chạy về.

Trong thời kỳ này, Hiền ngẫu quen với một viên Tiểu đoàn trưởng. Hắn đến ăn bánh tôm vào buổi sáng tại cửa hàng. Hắn hay nhìn Niêm đang khom mình rán những chiếc bánh ở phía trong. Niêm mảnh khảnh nhưng rất duyên dáng. Mặt Niêm lúc nào cũng như mang một mối buồn phảng phất xa vời. Hiền bắt đầu không thích cái nhìn của hắn. Một hôm, Hiền đem chuyện ấy nói với Niêm, nàng chỉ im lặng không trả lời mà cũng không có gì thay đổi trên nét mặt. Anh khó chịu vì cái tính ít biểu lộ của Niêm. Hiền để ý không ngày nào là không có mặt hắn ở cửa hàng. Hắn đến từ bảy giờ rưỡi đến

chín giờ mới chịu đứng lên ra về. Niêm thì vẫn ngồi ở trong nào có biết gì. Một buổi chiều, Hiền lang thang lên Quân y viện xem họ đánh bóng rổ thì gặp viên Tiểu đoàn trưởng. Hắn rủ Hiền xuống phố. Hiền được biết hắn tên Viện. Hắn chỉ huy bộ đội ở đây. Trông hắn Hiền biết ngay hắn là người nhiều kinh nghiệm và đầy đặn sương gió. Mặt hắn đen sạm, đôi mắt sáng và sắc, hai cánh tay rắn khỏe và có một hai vết sẹo. Hắn rủ Hiền đi ăn ở ngoài chợ và dò hỏi tên Niêm, Hiền muốn bỏ hắn ở lại, trở về một mình. Hiền nhất định không nói tên Niêm và tự nhiên Hiền thương hại Niêm.

Buổi tối hôm ấy, ngồi đối diện Niêm đang đan dở chiếc áo len màu đỏ, Hiền cứ định nói cho Niêm nghe câu chuyện buổi chiều nhưng rồi mấy lần sắp nói, Hiền lại như bị một cái gì chặn lại, Hiền

thì thấy Niêm ngâm thơ dịu dàng vô cùng, Hiền muốn nghe Niêm hát để phá tan cái không khí lạnh lẽo, cầm nín này. Và Hiền đã bảo Niêm hát cho Hiền nghe. Niêm hát bài “Chiến sĩ mùa đông”. Đêm khuya vào giường, Hiền muốn mình được làm chiến sĩ giữa mùa đông có gió thổi lạnh lùng và sẽ có một chiếc áo len người ta gửi lên từ hậu tuyến. Hôm sau, Hiền gặp Viện đi từ trên Đồn Cao xuống. Hắn có một chiếc xe Jeep đặc biệt dành riêng. Hắn ngồi bên cạnh viên tài xế mặc quân phục. Hắn quần chiếc chăn bông ngang người. Thấy Hiền đang vợ vẫn dưới phố, Viện gọi anh lại rồi rủ đi lên công binh xưởng Chí Linh mạn Phả Lại lấy thêm đạn dược. Hiền thấy hắn ra chiều quý mến Hiền như em thì cũng tỏ vẻ vui mừng mặc dầu đôi lúc nghĩ lại, Hiền vẫn thấy ghét hắn. Ngồi trên xe, Hiền chợt để ý đến chiếc chăn và hỏi hắn. Viện trả

lời để đề phòng những cuộc ám sát bất trắc. Hiền hơi rùng mình. Có lần Hiền nói thẳng với Viện là anh không muốn Viện cứ mang chiếc chăn đó trên mình. Tại sao cuộc đời cứ có nhiều bất trắc để người ta phải đề phòng? Và Hiền bảo với Viện anh thích ra nằm ngoài bãi cỏ ở trên đồi vào những buổi chiều yên tĩnh, đến khi về sẽ có nhiều hạt ba-dăng cho Niêm, Viện mỉm cười cho Hiền thật ngây thơ và hãnh bảo Hiền hẳn không thể bỏ được chiếc chăn đó. Một sớm một chiều hẳn có thể bị Việt gian ám sát và hẳn sẽ lìa bỏ cuộc đời. Trong thời chiến, thân phận con người thật mỏng manh. Người ta phải sống ra ngoài những điều mẹ cha đã dạy. Người ta cảm thấy lớn lên trong chính con người mình và khác lạ. Đến tối mịt, Viện mới đưa Hiền về. Hắn để xe dưới lộ rồi dẫn Hiền vào tận nhà. Bác Hiền có ý không bằng lòng, còn Niêm

vẫn ngồi đan ở một góc giường im lặng nhìn Hiền rồi lại cúi xuống ngay. Hiền biết Niêm muốn mắng Hiền nhưng vì có mặt Viện nên nàng cố làm như không để ý đến. Hiền muốn chạy ngay lại bên Niêm khóc mà xin lỗi. Nhưng rồi Hiền chỉ chạy vào buồng trong nằm vật lên giường nhắm mắt lại. Hiền muốn khóc và bảo cho Niêm biết Hiền không thích thái độ thản nhiên giả tạo ấy. Những điều giận dữ cần phải nói thẳng thắn và những niềm vui sướng trong đời cần phải thổ lộ, Nửa đêm, Hiền lên cơn sốt vì bị lạnh ở dọc đường. Hiền thiếp đi mê man. Niêm nghe thấy tiếng ú ớ mê sảng của Hiền, chạy sang lấy thuốc và lay tỉnh Hiền dậy. Niêm đỡ Hiền trong vòng tay rồi đưa nước và thuốc cho Hiền uống. Trong cơn mơ tỉnh bàng hoàng, Hiền thấy lơ mơ mặt Niêm gần sát mặt mình. Niêm vừa đưa thuốc cho Hiền uống vừa

nhìn anh nửa như muốn trách nửa lại thương hại. Rồi Hiền nằm xuống ngủ li bì. Hai hôm liền bệnh của Hiền không rút, Niêm lên Quân y viện mời bác sĩ Triệu xuống chữa cho Hiền. Ba ngày sau Hiền khỏi hẳn. Từ đấy, Triệu thường xuống chơi và hay rủ Hiền sang bệnh viện. Hiền đã được chứng kiến những người bị đạn cụt chân, cụt tay máu me bê bết cả chiếc xe hàng thường chạy từ mạn Phả Lại về. Triệu nói cho Hiền hay những người đó đi thuyền và bị máy bay địch bắn. Triệu đã giúp những người đó khỏi chết, tự nhiên Hiền thấy yêu quý Triệu hẳn lên. Rồi Hiền quên không nhớ tới Viện nữa. Vả lại hẳn đi đâu một dạo không thấy có mặt tại huyện, nên bây giờ chỉ còn có Triệu và Niêm là hai người thường ở bên cạnh Hiền mỗi ngày.

Nhưng rồi Hiền lại không thích Triệu vì độ này Triệu thường đến chơi nhà Niêm, viện có thăm hai bác của Hiền để nói chuyện với Niêm. Hiền không thấy Triệu còn rủ anh đi chơi nữa. Hiền chán nản đem theo con chó Nhật của Viện cho lên đồi ba-dăng để dạy nó biết tha mồi. Hiền ném một hòn gạch đi và con chó lao nhanh về phía trước ngậm hòn gạch đem về cho chủ. Hiền vuốt đầu chó rồi ngồi xuống cỏ mà nghe buổi chiều đang hết. Hiền dạo này càng buồn vì không thấy Niêm nhờ lấy hạt ba-dăng. Anh bỏ không lên Quân y viện và cũng không muốn gặp mặt Triệu. Bây giờ Triệu thường xuống nhà Niêm vào buổi chiều ngồi nói chuyện với bác Hiền, những lúc ấy Niêm ngồi đan áo gần đấy. Hiền không thèm nghe, bỏ đi lên đồi chơi với con chó Nhật,

Tết đã qua từ lâu mà vẫn không thấy Viện trở về, Hiền bắt đầu thấy nhớ hấn. Lúc này Hiền lại muốn có mặt Viện ở đây để hấn sẽ rủ Hiền đi chơi. Niêm thì không xuống phố nữa. Cửa hàng cũng đã đóng vì nghe chiến dịch sắp tới gần. Buổi tối là lúc Hiền nghĩ ngợi nhiều nhất. Năm ấy Hiền mười lăm. Anh bắt đầu để ý đến tuổi của mình. Hiền lại đau khổ vì nỗi nhớ nhà vừa thức dậy một lần nữa. Đến tháng ba thì Viện ở đâu về, Hấn đem theo hai viên đội Lê dương võ trang đầy đủ.

Hấn để hai viên đội trong một ngôi nhà gạch cao và thoáng phía gần cầu Đạm. Một buổi trưa, Viện đánh xe lại rủ Hiền lên xem mặt hai thằng Lê dương. Hiền mới đầu còn sợ và ghét sự có mặt của họ ở đây, nhưng rồi Hiền cũng nháy lên ngồi bên cạnh Viện mà đi. Hôm nay

Hiền để ý thấy Viện không có tài xế, hấn phải lái lấy và hấn đã bỏ chiếc chăn bông mọi ngày vẫn quấn quanh mình. Hiền được hai viên đội kia quý mến. Một tên bế Hiền lên lòng và cho Hiền một hộp thịt hộp, một ít kẹo ngon lành mà Hiền chưa từng được ăn trong đời. Hiền hỏi Viện thì hấn bảo hai viên đội đã đào ngũ vượt qua sông. Họ đã chán cuộc chiến tranh bẩn thỉu này và bây giờ họ muốn được yên tĩnh trong quãng ngày còn lại. Họ đào ngũ mong một đời sống được nâng niu, chiều chuộng. Hiền không biết tiếng Pháp nhưng anh cứ nói chuyện với hai viên đội. Hiền hỏi về quê hương, gia đình, vợ con họ. Hai viên đội Lê dương trở mắt nhìn Hiền để cố đoán bằng dáng điệu, nhưng bất lực. Đến khi Viện dịch lại những câu hỏi của Hiền cho hai tên ngoại quốc nghe thì Hiền thấy họ buồn,

mặt xịu xuống, cùng ánh mắt như muốn khóc. Ngoài kia, con sông buổi chiều chảy yên lặng. Phía trước mặt là một quả núi cây cối um tùm dày đặc. Hiền đứng bên cạnh hai viên đội đang nhìn ra mặt sông. Viện cũng dựa vào tường nhìn vơ vẩn ra ngoài trời. Hiền muốn có một chiếc tàu để trả lại hai người cho quê hương họ. Anh nghĩ đến những đêm tiếng súng ngoài núi Đèo, những thây người đầy máu. Người ta không thể bỏ quê hương mà đi được. Quê hương là xương là máu, bỏ quê hương là không còn muốn mình có chỗ đứng, là không muốn mình còn là mình. Và Hiền đã nhớ Hà Nội cùng một lúc. Trên trời, các vì sao đã bắt đầu nhấp nháy. Hiền tưởng tượng những vì sao kia, cũng tiếc thương cho những người cầm súng để rồi sẽ chết đến vô lý, tội nghiệp. Người ta sẽ xa lạ lạc lõng, đáng nguyên

rủa khi không được chết trên mảnh đất quê hương và cho quê hương trong một nghĩa tốt đẹp.

Hiền đôi lần ngỏ ý với Viện là anh muốn bỏ đi tìm thầy mẹ và các em. Nhưng Viện tìm cách ngăn cản ý định của Hiền. Chiều chiều, Viện cho Hiền ra ngoài bãi cỏ dưới chân Đồn Cao xem Viện dạy bộ đội sử dụng súng bắn tạc đạn. Hiền nhận thấy những lúc này đều có mặt của hai viên đội Tây. Họ mặc thường phục và đứng nói chuyện bằng tiếng Pháp với Viện.

Sự đi lại của Triệu ngày một thêm khảng khít. Triệu đã bắt đầu ngồi nói chuyện với Niêm một mình. Hai bác của Hiền dạo này lại yếu nên chỉ ở buồng trong. Hôm mới đây, được lệnh trên, Quân y viện phải dọn vào trại Nong

cách Đông Triều mấy cây số. Triệu có xuống báo tin cho hai bác Hiền hay. Tất cả đều di chuyển vào trong đó, Quân y viện sẽ để trống hoàn toàn. Nhưng riêng Triệu xin ở lại cho đến phút cuối cùng. Hắn bảo bây giờ cũng không có gì trầm trọng trong tình trạng của bệnh nhân. Đồng thời Triệu ngỏ ý với hai bác Hiền cho hắn ở lại nhà trong một thời gian. Hai bác Hiền đã nể mà phải để cho hắn tạm trú. Những ngày ở đây, hắn thường lang thang vơ vẩn xuống phố hoặc lên Đồn Cao đánh bài với mấy viên tiểu đội trưởng trên đó. Có nhiều đêm, Hiền đã vào giường từ lâu nhưng chưa ngủ, còn hai bác và Niêm thì đã say giấc ở buồng trong, Triệu mới lò dò về. Hắn xách chiếc đèn đất từ Đồn Cao xuống. Vào đến buồng, hắn nghiêng mình thối tắt đèn. Hắn lên giường ở cuối phòng. Con chó Nhật của Hiền đã lớn ngời chồm chồm

giữa nhà. Hiền thấy mắt nó long lanh trong đêm tối thì Hiền vững dạ mà ngủ. Hiền chỉ muốn có một vụ trộm nào đó để thấy rõ chiến công của nó. Rồi Hiền ngủ đi giữa lúc con chó đứng dậy lững thững ra cửa.

Một buổi chiều, Viện rủ Hiền với hai tên đội Tây lên Đồn Cao xem diễn kịch. Trong lúc trên sân khấu đang diễn một vở kịch nêu cao tinh thần ái quốc, Hiền bỗng thấy Viện nghiêm nét mặt và hỏi Hiền về Triệu, Hắn hỏi từ cử chỉ đến ngôn ngữ, thói quen của Triệu. Hiền bỡ ngỡ không hiểu. Hiền nghĩ rằng hai người có lẽ xích mích với nhau nên Viện mới dò la Triệu như vậy. Hiền kêu chán và bỏ ra về. Về đến nhà Hiền không thấy Niêm và Triệu đâu. Anh ra sân, leo lên một mòm đá nhìn xuống dãy đồi phía sau Quân y viện thì thấy hai người đang nắm tay

nhau chậm bước giữa gió chiều. Hiền tự nhiên thấy đau khổ, tức tối đến tột độ. Anh bỏ lên Đồn Cao tìm Viện và nói với hắn, Triệu đáng ghét. Viện chỉ cười rồi kéo Hiền vào phòng hắn ăn cơm bữa tối. Hiền tức cũng không muốn về nhà, anh nhận ở lại ăn với Viện. Đến chín giờ khuya Hiền mới về. Hiền chỉ thấy Niêm ngồi một mình đàn chiếc áo len, nét mặt thản nhiên như không một chuyện gì xảy ra đến. Hiền biết giờ này Triệu đã xách đèn lên Đồn Cao mà sát phạt. Hiền tìm cách lại gần Niêm. Anh thấy cần phải nói với Niêm những tức bực của mình. Hiền bắt đầu:

– Sao, chị đàn mãi mà chưa xong cái áo ấy cơ à?

– Chị đàn chậm lắm, cố thức khuya đàn cho chóng xong. Mà khuya rồi, sao Hiền không đi ngủ đi, thức làm gì?

Hiền nhìn Niêm:

– Buổi chiều Hiền buồn quá định về tìm chị bảo chị hát một bài nghe nhưng không thấy. Mà dạo này sao chị lại không hát nữa? Chị Niêm, hát bây giờ vậy,

– Thôi khuya rồi, để khi khác.

Hiền dần từng tiếng:

– Như vậy là chị Niêm ghét và khinh tôi. Từ bây giờ tôi không muốn chị hát một bài nào nữa.

Niêm sửng sốt:

– Ồ hay! Hiền hay nhỉ. Có khế chứ không, để cho hai bác ngủ chứ?

– Tôi biết chị sẽ không muốn hát nữa. Nhất là hát để cho tôi nghe thôi. Chị biết không, từ ngày tôi ra đây, tôi đã linh cảm thấy rằng tôi sẽ đau khổ nhiều.

Tôi thấy cô đơn vào buổi tối và tôi chỉ muốn nghe tiếng ca của chị cũng được ngồi nhìn chị hát. Tôi tự nhiên thích như thế, không hiểu sao. Thuở nhỏ tôi ít được nghe tiếng hát, tôi chỉ còn nhớ những bữa cơm nghèo túng và tiếng máy bay nửa đêm bắt tôi tỉnh giấc để dò dẫm đi theo mọi người ra một cái hầm trú ẩn gần nhà, những xe bò chất đầy xác người sáng sáng đi về phía ngoại ô. Lúc bấy giờ tôi tưởng rằng cuộc đời là như vậy. Chị phải hiểu cho tôi. Đến khi ra đây ở với chị, tôi lơ mơ thấy rằng cuộc đời còn có thể cho tôi những giọng ca tiếng hát như thế. Nhưng rồi từ ngày anh Triệu đến, tôi không còn được cái ước mong giản dị đầm ấm ấy nữa. Chị thôi không hát và bắt đầu có những phút nghĩ ngợi. Còn tôi, tôi đã bỏ đi chơi với những người mà thật ra tôi không thích. Nhưng biết làm thế nào khi chị bắt đầu rời bỏ cái thú

ấy để nhận một cái thú lớn hơn. Tôi nói thật với chị, tôi không muốn sự có mặt của anh Triệu ở đây. Anh ta là một người hững hờ, giả tạo. Anh ta sống không thật, tôi nghĩ như thế không biết có đúng không. Mọi người ở đây như không có gì liên lạc, ràng buộc với đời sống của anh ta. Anh ta chữa bệnh chỉ là bốn phận tất nhiên. Tôi, tôi vẫn cảm thấy anh Triệu đang che giấu một cái gì.

Niêm chột nhìn Hiền nghiêm nghị:

– Sao Hiền lại nói thế? Chị có ghét Hiền đâu.

Hiền cướp lời:

– Chị không ghét, nhưng chị không biết... không hiểu tôi... tôi cần chị, tôi...

Giữa lúc đó tiếng dép của Triệu lệt sệt từ buồng ngoài bước vào. Hiền ngừng

nói, vờ cúi xuống giở mấy trang ở quyển nhạc để trước mặt. Niêm thì cúi xuống tiếp tục đàn. Hiền ngừng lên nhìn Triệu rồi đứng dậy đi về phía giường của mình. Sau đó, Niêm cũng đi nằm ngay.

Từ hôm sau, Hiền sống những ngày buồn vô cùng. Hiền bỏ đi chơi với thằng bạn dưới phố. Tên nó là Tuyền. Tuyền rủ Hiền ra sông câu rồi xuống thuyền con sang dãy núi bên kia cầu Đạm chơi. Mỗi lần đi, Hiền đều đem theo con chó Nhật. Bố mẹ Tuyền ở dưới Đông Khê, cách huyện 4, 5 cây số. Tuyền đưa Hiền về nhà chơi. Bố mẹ Tuyền rất thích Hiền, Hai người thường rủ nhau ra sân nhà thờ ở gần nhà Tuyền, chỉ qua vài hàng giậu là trông thấy cái cổng đục tăt để vào nhà thờ. Cha Ngoạn là người trông nom nhà thờ này. Tuyền làm hai con gụ lớn, đưa cho Hiền một. Cha Ngoạn hay gặp

Tuyền với Hiền chơi quay ở sân gạch. Cha người dong dỏng cao, mặt hóp và đen. Cha Ngoạn thường hay cười với Hiền và Tuyền mỗi khi cha làm lễ xong. Tuy không theo đạo, Hiền cùng Tuyền hay đi dự lễ vào sáng sớm, lúc mọi người chưa ra đồng làm việc. Cha Ngoạn vẫn gọi Hiền vào buồng riêng của cha và cho Hiền ăn bánh. Cha khuyên Hiền theo đạo, Hiền tự nhiên không muốn theo và anh muốn sống theo ý mình. Cha Ngoạn có giảng về Chúa cho Hiền bảo Hiền phải tin vào Ngài, vì lúc nào Ngài cũng ở bên cạnh Hiền và che chở cho Hiền. Anh có vào nhà thờ buổi chiều để nghe người ta đọc kinh.

Đến ngày thứ sáu, Hiền muốn về huyện kéo sợ hai bác mong. Chiều hôm ấy, Hiền định ra bộ, theo con lộ chính mà về thì bỗng nhiên nghe thấy nhiều tiếng

súng bắn ngoài phía cầu Đạm. Rồi từng loạt đại liên lẫn đại bác vang rền. Hiền biết Tây đã tấn công bất ngờ. Hiền biết mình bị nghẽn đường không về được và Hiền rơm nước mắt nghĩ đến hai bác, đến Niêm. Anh ra cổng làng trông về phía huyện chỉ thấy khói lên mịt mù. Đến sẩm tối thì tiếng súng đã ngớt. Hiền chợt nghĩ đến Tuyền và chạy bộ đi tìm. Ra đến đầu làng thì thấy hai người đang khiêng một cái xác từ ngoài đồng vào. Đến nơi, Hiền chợt nhận thấy Tuyền đã chết trên tay hai người thợ cấy. Anh thảng thốt gọi tên Tuyền rồi nhìn bạn mà khóc. Người ta kéo đến nhà cha mẹ Tuyền chia buồn. Một người cô của Tuyền bảo Hiền ra nhà thờ mời cha Ngoạn vào làm lễ sức dầu thiêng liêng cho Tuyền. Hiền gặt đi. Hiền bảo với người cô ấy bây giờ Tuyền đã chết và anh đã mất một người bạn. Cha Ngoạn không thể làm cho Tuyền

sống lại được, như thế viên đạn trong ngực Tuyền vẫn còn là kẻ thù không diệt được của Hiền. Hiền nghĩ rằng tất cả đều không thể làm cho Tuyền sống lại. Con người ta phải chết để nhận rõ mình chỉ là người. Hiền nghĩ lại lời cha Ngoạn giảng về Chúa là đáng có thể ban cho ta những điều ta cầu nguyện. Nhưng Hiền biết chắc rằng Chúa giờ đây vẫn không làm cho tiếng súng ngoài kia ngưng được và Tuyền của Hiền sống lại để hai người lại ra sân nhà thờ chơi quay dưới bức tượng tử bi của Ngài. Hiền muốn đem Tuyền chôn ngay và mình được đi sau chiếc quan tài của bạn mà khóc. Hiền khóc cho bạn hay khóc cho mình, lúc ấy Hiền chỉ thấy nước mắt mình chảy ra và từ đây Hiền sẽ không còn gặp được Tuyền.

Chôn cất bạn xong, đến nửa đêm Hiền lại ra nhìn về phía huyện và anh nhận thấy trên Đồn Cao có ánh điện thấp. Hiền buồn rầu để kịp nghĩ rằng Pháp đã chiếm được huyện. Bây giờ hai bác với Niêm chạy về đâu? Hiền cũng thoáng nghĩ đến Triệu và anh tưởng như Triệu đã trúng đạn không chạy kịp vào trại Nong được. Ngay lúc đó, Hiền chợt hối hận với chính mình. Ít ngày sau, được tin địch rút hẳn, Hiền mới dò dẫm về. Hiền đi qua cánh đồng làng có nhiều quạ đen đậu và anh chợt thấy dăm bảy ngôi mộ mới đắp. Hiền nghĩ đến những người vừa ngã xuống. Chiến tranh với những người sớm lìa bỏ cuộc đời. Tại sao Hiền lại phải đi trên cánh đồng đầy quạ với những mùi tử thần, bom đạn chung quanh giữa tuổi trẻ này? Hiền cố quên rảo bước ra phía quốc lộ. Đến nơi Hiền thấy Viện đang ngơ ngác thu dọn chiến

trường, Hiền chợt nhìn nhà dây thép đổ sập mất một nửa mặt ngoài. Hiền đứng lặng đi một phút, như đã chết. Rồi sực tỉnh, Hiền chạy vội đến Viện hỏi hẩn về cuộc đánh nhau ngày nọ và anh chê hẩn hèn kém nên thất bại. Hẩn nín thinh như chịu lỗi cùng Hiền. Lúc hỏi đến gia đình hai bác, Viện cho hay hai bác đã chạy kịp vào trại Nong, còn Triệu với Niêm bị bắn chết ngoài cầu Đạm. Triệu là một tên Việt gian, hẩn đã làm gián điệp cho Pháp bấy lâu ở Đông Triều. Hẩn với Niêm, định trốn xuống tàu Pháp ra Hải Phòng, nhưng bị bọn Viện theo dõi bắn chết cả hai người. Hiền muốn đánh cho Viện một cái tát lúc bấy giờ, nhưng không hiểu sao lại thôi. Hiền nói như mất hồn:

– Anh đưa tôi đến xem mộ của chị Niêm.

Viện đưa Hiền ra cầu Đạm. Mộ của Niêm nằm trên một gò đất cao ráo, bên cạnh là mộ của Triệu. Hiền đứng lặng không khóc được nữa. Anh nhìn trân trân vào ngôi mộ Niêm, đất còn mới. Một phút, Hiền quay lại nói với Viện:

– Tôi đã nói đúng. Hắn phải chết!

Tiếng Viện ở đằng sau.

– Cả chị Niêm của Hiền.

Hiền vội quay mặt đi một lát, rồi quay lại nhìn thẳng vào mặt Viện, giọng run run cảm động:

– Chị Niêm vô tội, chị Niêm vô tội. Anh nghe rõ chứ? Cũng như tôi, nhưng may mà tôi chưa chết. Tôi cảm thấy bây giờ thì hết cả. Tôi không thích một ai ở gần tôi nữa, kể cả anh. Các người đã dự quá nhiều vào cuộc đời của tôi cũng như

của chị Niêm, và như vậy các người đều đáng phỉ nhổ.

Rồi Hiền thất thểu bỏ đi. Viện đứng sững nhìn bóng Hiền xuống đường không nói được gì.

Sau Hiền ra Hải phòng làm cho một hãng buôn. Hiền có trở về Đông Triều mang theo một số tiền để xây mộ cho Niêm, Hiền nhớ lại cảm giác lúc đứng trước mộ Niêm cùng với Viện chiều hôm ấy. Khi đó, Hiền thấy rõ mình đã yêu Niêm từ lâu. Và tuổi trẻ của Hiền đã hết.

Phạm Nguyên Vũ

Tiếng động dưới cỏ

Tàu chạy đã được hai ngày. Tất cả mọi người đều mệt mỏi. Ai nấy ngồi dựa vào nhau ngủ gà ngủ gật. Khi tôi tỉnh dậy sau một giấc ngủ ngắn thì tàu đi khỏi ga số 2 đã khá xa. Bọn tù nhân mới lấy ở nửa đường đi Sa-khem lên ngồi la liệt ở dưới sàn. Một lão già gầy đét râu ria lởm chớm, đầu tóc rối bù nằm úp mặt xuống hai bàn chân tôi. Tôi cảm thấy hai mu bàn chân ẩm ướt

và nhom nhóp như dính mồ hôi. Tôi gạt lão ta nằm nghiêng sang một bên rồi lách mình dậy, bỏ qua đám đông và mấy cuộn quần áo cũ để tiến ra phía đầu toa.

Bấy giờ trời đã tối sẫm. Tôi vúi tay vào thành cửa sổ và đưa mắt nhìn ra bên ngoài khe chấn song. Tàu đang chạy qua những cánh đồng cỏ hoang, đằng xa là những ngọn đồi núi nối tiếp nhau. Nền trời giống như một tấm vải màu xanh tối, có những điểm sao lưa thưa lấp lánh. Gió từ bên ngoài lùa vào mát rượi.

Thỉnh thoảng lại có những bụi than hồng từ đầu tàu bay lại, theo luồng gió bắn vào mé trong. Cái toa này là một căn phòng hình chữ nhật không có bất tiện gì. Dưới ánh sáng leo lét của hai ngọn đèn bão, người ta nằm co ro đè lên nhau như những con chuột chết ở một vũng cống tối. Không khí hâm hấp những

hơi người. Cách chỗ tôi đứng chừng hai thước có một dãy chấn song sắt ngăn toa tàu ra làm hai phần. Phần ngoài hẹp, dài chừng bốn thước dành riêng cho bọn lính canh. Ba bốn tên châu đầu vào nhau đánh cờ. Ngoài căn đó là chỗ tiếp nối với toa trên có một cửa ra vào. Ngay chỗ cửa đó, có hai tên lính khác cầm súng ngồi hút thuốc và nói chuyện to nhỏ với nhau.

Ngày thứ nhất tôi đã để ý đến những hàng chấn song sắt này. Đến bữa ăn bọn lính chuyền bánh mì từ ngoài đó vào. Một gã ngồi ở góc toa kia nhận bánh vào trao cho tôi. Tôi đưa mắt nhìn hắn. Bây giờ hắn đang ngồi yên lặng và nhìn tôi chăm chú. Tôi mỉm cười. Hắn cũng mỉm cười lại. Tàu chạy mỗi lúc một nhanh, người hắn lắc lư. Cái nụ cười ấy tôi thấy như quen thuộc và thân mến. Tôi hỏi:

– Đã đến giờ chưa?

Hắn chỉ tay ra phía ngoài, không đáp. Tôi nhìn theo bàn tay hắn. Ở toa ngoài, bọn lính đang sửa soạn chuyên bánh mì vào. Cả toa tàu bỗng như động dậy, Người ta ngồi cả dậy và xô dãn ra phía ngoài. Tôi bị đẩy về phía những hàng chấn song sắt. Bàn tay tôi quơ được một khúc bánh đã khô cứng. Người ta ngồi dựa vào nhau và bắt đầu ăn. Một người đàn bà mặc quần áo đen ngồi ở toa bên kia bỗng ôm ngực ho rũ rượi. Nàng ngồi dựa vào chấn song, sát với tôi. Tôi ngồi gần xích lại thêm tí nữa và nhìn nàng. Đó là một thiếu phụ chừng ngoài hai mươi bảy tuổi một chút, da mặt và cổ trắng nõn nà, thân hình ốm yếu. Thỉnh thoảng nàng lại ngừng nhìn lên, đôi mắt lơ dờ, miệng lẩm bầm những gì không rõ. Trong suốt cả một chuyến đi, chưa có ai trông thấy nàng; có lẽ nàng thuộc loại hành khách không ai có thể chú ý đến

được, trừ khi nàng xuống cùng một ga và vào một ê-kíp tù với chúng tôi.

Tôi lách một bàn tay sang nắm lấy vai nàng. Người đàn bà giật mình quay lại, giương mắt nhìn tôi có vẻ ngạc nhiên. Tôi khẽ nói:

– Có nước cho tôi xin một chút.

Nàng lắc đầu.

– Cô xinh lắm mà sao cô ác thế. Tôi đã nhìn thấy “bi-đông” nước ở bên cạnh cô rồi.

– Không phải của tôi, nàng khẽ đáp.

– Thì cứ lấy đi, cho tôi xin một chút. Làm ơn.

Nàng ngần ngại vài giây rồi với chiếc bình nước chuyển sang. Tôi uống một hơi mạnh. Vừa uống tôi vừa ngó nàng.

– Uống xong thì ông trả lại tôi.

Tôi chuyển bình nước qua chấn song cho nàng.

– Anh Trương 216 hát đi,..

Tiếng một người nói. Có tiếng vỗ tay vào sàn tàu thành thịch để làm nhịp. Trương nói một câu:

– Tôi xin hát bài “Lơ thơ tơ liễu ».

Rồi tiếng khàn khàn của hản cất lên. Tôi hỏi người đàn bà:

– Cô tên là gì?

Nàng nhìn tôi, yên lặng.

– Cô tử tế lắm. Tôi chưa gặp ai như cô. Ngày xưa, mẹ tôi cũng tử tế với tôi như thế. Bây giờ đã lâu rồi, tôi không còn nhìn thấy cái vẻ hiền từ ấy nữa. Lúc

bé tôi đi trên một con đường đất nhỏ cùng với mẹ tôi, mẹ tôi vẫn bảo: “Khi nào nhớn lên con sẽ hiểu, người ta sở dĩ sống và sung sướng vì người ta biết thương mến nhau”. Mẹ tôi chết khi tôi sắp đến tuổi vào trường. Tôi ở với viện mồ côi đến năm mười tám tuổi rồi người ta mở cánh cửa sắt của cái căn nhà quét vôi trắng ấy ra, tôi vào cuộc đời với hai bàn tay không. Bây giờ thì tôi hiểu chẳng bao giờ tôi sung sướng được vì tôi không biết thương mến ai, cho đến khi tôi giơ cái búa sắt lên và đánh vào đầu nó. Nó là chủ của tôi và tôi căm thù nó.

Người đàn bà luồn tay qua chấn song xoa vào tóc tôi. Bàn tay nàng gầy và mỏng song rất êm dịu và ấm áp. Nàng nhìn tôi đôi mắt hiền từ:

– Tôi có hỏi gì đâu mà anh nói?

– Tôi muốn cho cô biết tại sao tôi lại ngồi trên thuyền tàu này và ăn miếng bánh khô kia. Nhưng không cần thiết nữa. Khi tôi đọc được sách thì tôi biết được thêm một điều này; ngoài tôi ra, những đứa khác đều ghê tởm. Vì thế khi nó nhắc máy điện thoại lên thì tôi bỏ chiếc búa sắt xuống không ngần ngại. Bây giờ tôi vẫn chưa rõ tại sao, Chắc vì tôi không có ai yêu mến...

– Tôi không muốn nghe anh nói nữa.

Bàn tay nàng vẫn xoa nhẹ trên tóc tôi. Không còn ai vỗ nhịp trên sàn tàu. Trương hát đã xong. Hấn nằm xuống giữa đồng quần áo cũ. Hai ngọn đèn bão được dập tắt đi. Toa tàu tối om, lưng lay theo một nhịp cũ. Tàu vẫn giữ nguyên tốc độ. Tôi nghe thấy hơi thở của người đàn bà. Nàng chỉ còn là một khối đen. Trí óc tôi tha hồ tưởng tượng. Tôi vòng

tay sang ôm lấy lưng nàng, kéo nàng sát vào tôi hơn. Trong bóng tối, tôi thấy mặt tôi giáp với mặt nàng. Chắc đôi mắt nàng đã khép kín. Nàng thở, phả hơi cả vào miệng tôi. Nàng nói giọng phều phào:

– Không được... Không được...

Nhưng vòng tay tôi đã siết chặt lại hơn. Tôi thấy nàng mềm nhũn và run như rã trong tay tôi. Tôi nói:

– Được chứ... Được chứ... Anh yêu em, vì em là hình ảnh của mẹ anh. Em là hình ảnh của mẹ anh...

Bàn tay tối lướt qua áo nàng, chạm vào da nàng trơn và ẩm. Từ cái cổ trắng nõn nà ấy, tôi vuốt theo lưng nàng dọc xuống.

Hôm sau tàu tới ga cuối cùng. Khi tôi tỉnh dậy thì trời đã sáng rõ. Ánh nắng

từ khung cửa sổ chiếu vào làm tôi lóa mắt. Ở toa bên ngoài, bọn lính canh đã cầm súng lên tay sửa soạn. Người ta vẫn nằm la liệt trên sàn gỗ. Giọng Trương rè rè cất lên một bài hát Tây cũ kỹ. Người đàn ông ngồi trước mặt tôi lưng dựa vào thành tàu đang nhai miếng bánh cũ. Hắn vẫn giữ nguyên nụ cười bí mật và thân mến trên môi những lúc liếc nhìn tôi. Tôi vươn vai đứng dậy vịn vào khung cửa sổ nhìn ra ngoài. Vẫn là phong cảnh bằng phẳng của một cánh đồng cỏ cháy bao la chạy dài tới những chân núi đá. Tàu đến Sa-khem giữa một buổi trưa mùa hạ tàn nhẫn. Từ trong nhìn ra, tôi thấy những dãy nhà gỗ mái tôn dựng thành một hàng dài cùng một kiến trúc bên trong hàng rào nửa tếp có chằng dây thép gai. Ngoài hàng rào cứ cách chừng hai trăm thước lại có một đồn nhỏ có lính gác bằng súng. Những dãy đồn đó

bao quanh một khoảng đất rộng bao la. Nắng chiếu xuống những dãy nhà mái tôn như bốc lên hơi nóng hâm hấp của người bệnh.

– Sống ở đó thì không chết vì đói ra máu thì cũng chết vì hơi nóng.

Một gã đứng phía sau tôi lên tiếng,

– Dĩ nhiên, tôi đáp lại,

Đối với tôi, thật ra sống ở đó còn sung sướng hơn phải đi khóa chung tay với một đứa khác, xếp hàng đôi đi lên Ty Liêm-phóng, ở trong một căn phòng vuông và sáng, người ta cầm một cây bút chì và đặt câu hỏi liên tiếp hàng giờ. Hoặc là buổi tối, sau giờ lấy khẩu cung, trở về sà lim chịu xích chân và trò chuyện những đứa ở gian bên cạnh, ngủ giữa những câu chuyện tục còn đang nói dở

và hai ba giờ đêm tỉnh dậy vì muỗi đốt ở cổ, đoạn ngủ thấy mùi khai nồng nặc từ quần mình bốc lên.

Tôi cố nheo mắt để nhận định địa thế. Ngoài những ngọn núi đá và những bãi cỏ cháy, không còn cái gì khác nữa. Mé nam, rất xa, có một vùng cây xanh, chắc là những khóm bàng. Khỏi những vùng cây xanh ấy, chỉ còn một nền trời trắng xóa làm chói mắt.

Đúng ngo, mọi người bị dồn xuống. Bọn lính đứng lơ nhố ở dưới là hét ầm ỹ. Dưới tầm báng súng, người ta lao xuống đất như một dòng nước xiết. Tôi bị xô lẫn xuống tới đất. Mắt tôi cay xè vì bụi. Người ta dồn nhau lại xếp thành hàng tư. Người tôi nóng ran vì ánh nắng gay gắt bổ xuống đầu. Một tên lính đi đi lại lại để điểm danh. Người đàn bà áo đen

không thuộc một “ê-kíp” nào. Nàng đi cùng với một tên lính vào phía đồn, tay xách một cái va-li nhỏ cũng đen như bộ quần áo nàng bận. Hai người đi mất hút sau hàng rào nửa tép lạng lẽ như hai cái bóng.

Ba giờ sau, chúng tôi vào tới giữa sân trại. Người ta ghép tôi vào ê-kíp làm gỗ, thuộc trại B-12. Chúng tôi bị gọi từng ê-kíp – mười lăm người – lên văn phòng. Khi đọc đến tên tôi, viên trưởng đồn nói:

– Bản báo cáo của trại Gò Dầu cho tôi hay anh là người có hạnh kiểm tốt. Anh hãy cố giữ nguyên như thế. Nếu ngoan ngoãn, anh sẽ có thể được đổi sang những công việc thuộc về văn phòng. Còn trái lại, anh hiểu, ở đây người ta có những biện pháp gắt gao hơn để đối đãi đối với những tên cứng đầu cứng cổ. Tuy

nhiên, ngay bây giờ, tôi có thể tin nơi bản báo cáo của trại Gò Dầu và để anh làm trưởng ê-kíp gỗ...

Tôi lắc đầu:

– Thưa ông, tôi không thể đảm nhiệm chức trưởng được. Xin để cho tôi là nhân viên thôi.

– Vậy tôi không ép. Các anh có thể biên thư cho gia đình và chúng tôi nhận chuyển hộ theo hệ thống bưu tín quân đội. Cứ hai tuần lễ có một chuyến tàu đem lương thực tới đây và chở thân nhân của các anh đến thăm. Anh có ai thân thích và có thể tới thăm được không?

– Tôi vô gia đình và không còn ai trong họ hàng xa gần.

– Đáng tiếc!

– Xin ông hiểu sự từ chối chức trưởng của tôi. Thái độ vô trách nhiệm có từ khi tôi được nuôi dưỡng ở viện mồ côi.

– Tôi hiểu và tôi sẽ cố để làm anh hết thái độ đó!

Khi chúng tôi về tới trại thì đã bốn giờ chiều. Nắng vẫn còn tàn nhẫn. Trương 216 đã nhận làm ê-kíp trưởng. Tôi vẫn đi liền với hấn một ê-kíp từ khi vào tù. Đối với tôi, hấn chỉ còn là một giọng hát rè rè. Ngoài ra, tôi không để ý đến những cá tính của hấn và cái bộ mặt héo như một tàu lá chết.

Trại B-12 là một căn nhà gỗ dài lợp mái tôn chia thành năm gian nhỏ, mỗi gian chứa một ê-kíp ngăn cách nhau bằng một lớp ván gỗ dày. Mỗi gian này có hai hàng giường hai tầng đối diện với nhau. Gian nhà trông về hướng nam, mặt

sau mỗi gian có ba cửa sổ lớn có chấn song sắt. Từ ngoài ngó qua khung cửa sổ, người ta có thể đếm được từng mặt người tù trong ê-kíp.

Đêm đầu tiên ngủ trong căn nhà đó, tôi thấy có một sự khác các căn nhà giam khác: không có rệp và muỗi. Buổi sáng, chúng tôi được gọi dậy bằng một hồi còi. Khi mặt trời lên, ánh nắng dội xuống mái tôn, hơi nóng hâm hấp tỏa khắp gian nhà. Không ai có thể nằm lâu hơn trên giường để tìm lại giấc ngủ.

Sau khi điểm danh ngoài sân, ê-kíp gỗ theo năm người lính đi sâu vào rừng làm việc. Về phía nam, ngoài những dãy bàng mọc vô thứ tự là một khu rừng thưa. Khu rừng này chạy dài theo bãi bể, bên trong một hàng dừa và những rặng phi lao. Chúng tôi làm việc trong khu rừng đó. Một ê-kíp khác đi sâu hơn

vào rừng để tìm kiếm một ít lâm sản mà họ hy vọng là có. Chúng tôi thì ở lại mé ngoài và bắt đầu hạ những cây lớn để cửa xẻ thành ván gỗ. Công việc này là phần mở đầu của chương trình xây dựng một dãy nhà gỗ mới và làm một cây cầu bắc qua một con lạch nhỏ. Bên kia con lạch là trại tù chính trị phạm, từ trước đến nay chỉ liên lạc với những trại bên này bằng những chiếc xuồng nhỏ. Sự giao thông bằng đường thủy đó gây ra nhiều khó khăn trong sự vận chuyển lương thực và sự canh gác. Vì thế ý kiến xây một cây cầu gỗ đã được người ta để ý và tán thành.

Buổi trưa, chúng tôi ăn cơm ở giữa rừng và được nằm nghỉ ngơi hai giờ trên thảm cỏ mượt. Những cơn gió mát đưa từ mặt bể vào, thổi mãi qua những hàng dừa và phi lao làm cho giấc ngủ dễ đến.

Khi ấy khu rừng thật là yên lặng hoàn toàn. Tôi kéo tay Trương 216 đi lui về những dãy bàng ngoài bờ rừng. Trong khi tôi tìm những trái bàng rụng đập ra để lấy nhân ăn thì Trương lại cất giọng rè rè hát bài hát Tây cũ. Tôi nằm dưới một gốc cây, đầu gối lên một thân rễ, mặt ngửa lên trời và thiếp đi trong giấc ngủ. Lúc tôi tỉnh dậy, tôi thấy một bên tay tê đi và thân thể đau đớn như có ai cào xé. Chúng tôi yên lặng trở lại với công việc.

Bây giờ việc của xẻ đối với tôi đã thành những cử động vô ý nghĩa. Bàn tay tôi đưa đi theo một thói quen và những tiếng cây đổ xuống trên nền cỏ chỉ còn là những âm điệu nhịp nhàng của một bài ca xưa. Buổi chiều một giọng kèn gọi chúng tôi trở về. Mọi người buông tay đi thong thả và chuyện trò to nhỏ với nhau. Tôi đi lui lại phía sau, mặt tôi đầy bụi và

ngứa. Tôi cúi nhặt những trái bàng trên đường trở về. Cái tập thể này đối với tôi chẳng có liên lạc gì, chẳng làm cho tôi có chút vui sướng nào. Để tránh những ý tưởng có thể nảy nở trong đầu khiến tôi trở thành căm thù nó, tôi phải làm những cử động vô nghĩa để quên đi. Dĩ nhiên sự nhặt trái bàng đối với tôi không là một sở thích. Tôi cần nhặt cần đập vỡ những trái đó ra để tìm nhân tuy đã biết cái vị của những nhân đó không có gì quyến rũ cả. Buổi tối, sau bữa cơm, mọi người ngồi viết thư dưới ánh đèn leo lét. Tôi đi lại và ngắm cái khuôn mặt héo bắt của Trương. Sau cùng, tôi tìm một manh báo cũ leo lên giường đọc để ngủ quên đi.

Đã một tuần qua tôi không gặp người đàn bà áo đen. Tôi bỗng thấy nhớ nàng và bàn tay dịu dàng của nàng. Chắc nàng

đến đây thăm một người chồng làm lính và đã theo chuyến xe lửa trở về.

Một buổi sáng muộn tôi bỗng tỉnh giấc vì những tiếng ồn ào. Tôi co chân ngồi dậy. Nhìn những đôi mắt lấp lánh vì vui mừng tôi đã đoán biết được sự gì xảy ra rồi. Hơi nóng của gian nhà lúc gần về sáng làm tôi toát mồ hôi ướt hết áo. Tôi hỏi:

– Cái gì thế, Trương?

Giọng Trường rè rè:

– Tàu về. Lại có người đến thăm, có quà bánh và có lương thực mới.

Tôi bỗng thấy người lạnh toát. Chiếc áo ướt thấm vào da thịt làm tôi rùng mình. Hai tay tôi bám chặt vào mép giường. Tôi muốn chạy ra khỏi đó để không nghe thấy tiếng còi tàu sắp tới. Tôi

nhìn Trương với đôi mắt giận dữ. Hắn vừa thay quần áo vừa huýt sáo. Một chân tôi buông xõng xuống giường. Người tôi chờ ra vì mệt mỏi. Sự vui vẻ của chúng nó làm tôi ghen thở vì xấu hổ. Trương quay về phía tôi hỏi:

– Mà không có ai tới thăm à?

Tôi lắc đầu và gượng cười.

– Vì thế mà không mong tàu đến là phải. Sao không viết thư cho Diễm và bảo nàng tới thăm. Mà không viết thư cho nàng à?

– Không.

Tôi tự trách mình đã nói cho hắn biết nhiều quá về những ngày tôi ở Gò Dầu và gặp Diễm. Tôi ghét sự ân cần hỏi han của hắn. Diễm là người con gái bán nước ở Gò Dầu. Những ngày tù ở đó tôi đã làm

quen được với nàng và yêu nàng. Diễm quý tôi lắm nhưng tôi sợ lòng thương của người con gái ấy. Vì thế tôi tìm cách đổi trại tù đi sau khi tôi đã ngủ với nàng. Trên chuyến tàu đi xa, tôi biết tôi đã cắt dây liên lạc thân mến cuối cùng còn lại. Như thế tôi hoàn toàn tự do.

Khi tiếng còi tàu đầu tiên vang tới, những cánh cửa các trại giam lần lượt bật tung ra. Người ta chạy như một nguồn nước lũ. Bọn lính la hét để giữ trật tự. Sân trại bụi mù và âm ỉ. Tôi vẫn ngồi yên lặng trên giường nhìn qua khung cửa ra ngoài. Căn phòng đã vắng trơn. Sự yên lặng đè ngập lấy tôi. Một giờ qua, tôi không chịu được sự yên lặng trơ trọi ấy, tôi leo xuống giường và thông thả đi ra. Chuyến tàu mới đến đỗ xuống chừng hai trăm người vừa đàn ông vừa đàn bà. Họ được bọn lính dẫn tới đứng bên ngoài

hàng rào nửa tếp có chằng dây thép gai. Bọn tù được nói chuyện với thân nhân qua hàng rào dây thép gai ấy. Dưới ánh nắng gay gắt họ nói chuyện ồn ào với nhau suốt ba giờ đồng hồ. Tôi bước lặng lẽ trở về con đường cũ vòng quanh các trại rồi trở về phòng nằm vật xuống giường. Đến khi tôi nghe thấy tiếng hát rè rè của Trương, tôi biết chuyến tàu đã trở lại.

Tối hôm đó, phòng giam diễn ra một cảnh huyên náo. Mọi người dỡ những quà tặng ra xem, ăn uống ồn ào. Trương ném cho tôi một hộp đồ để cạo râu và nói:

– Phần của mày đấy!

Vừa nói hần vừa giơ cằm cho tôi xem. Cằm hần đã sạch trơn và có mấy vết máu.

– Lâu không cạo, bây giờ cạo thành ra lại cạo kỹ quá.

Hắn giơ tay lên quẹt vào cằm có vẻ thích chí lắm.

Tôi quyết định mang giấy ra và viết thư cho Diễm. Lần đầu tiên tôi viết thư cho một người đàn bà. Tôi viết:

Diễm thân mến,

Khi chuyển tàu mới đem anh tới đây anh đã biết là anh sẽ nhớ Diễm. Anh sẽ nói cho Diễm biết tại sao: người ta không có thể sống mà không có gì để nhớ được. Dĩ vãng của anh không có kỷ niệm. Đó là một điều đau khổ. Anh chỉ còn nhớ những ngày thơ ấu một cách mơ hồ. — Khi mẹ anh mất anh mới vừa sáu tuổi. Sau đó anh sống với một lũ trẻ cùng tuổi trong một căn nhà quét vôi trắng bên

trong một khung cửa sắt. Một ít tâm hồn rung động có được là nhờ những quyển tiểu thuyết chuyển giấu qua khe cửa từ bên ngoài vào. Nhưng mỗi ngày phải tranh nhau mà ăn từng bát cơm hầm miếng bánh đen thì tâm hồn đã thành già cỗi, khô héo. Mẹ anh vẫn bảo: “Khi nào nhớn lên con sẽ hiểu, người ta sở dĩ sống và sung sướng vì người ta biết thương mến nhau”. Nhưng làm thế nào để có tình thương mến? Các nhà viết tiểu thuyết được người ta ham chuộng vì trong máu họ có dòng máu của mọi người của nhân loại. Mỗi nhân vật của họ, đều có những tính giống như tính một người trong đám đông. Đám đông yêu họ vì thấy có mình trong đám nhân vật đó. Người ta bẩm sinh ra đã yêu nhau hay ghét nhau, có phải như thế không? Khi em mới ra đời, em nằm trong nôi, nghe tiếng ru êm của mẹ; Khi em khóc

có bàn tay dịu dàng ve vuốt; Mùa đông đến lúc ngoài đường gió lạnh thổi thì có bàn tay khép cánh cửa lại và ôm ấp em trong tay. Vì thế em bị buộc vào những cử chỉ thương mến kia. Mọi người đều thế.

Nhưng anh thì lại khác. Anh ghét mọi người. Lúc đầu anh trung tính. Về sau người ta tranh giạt của anh nhiều thứ, người ta kinh sợ anh như một loài chó dại. Anh vừa nhón lên anh vừa rõ như thế nên anh chỉ còn cách trả thù. Anh sinh ra vốn đã là như thế.

Khi anh gặp lại Diễm thì anh hiểu rằng nhân loại không phải hoàn toàn là thế cả. Anh còn có thể yêu và được yêu. Nhưng anh sợ anh sẽ phạm tội một ngày kia. Anh sợ anh sẽ giết em vì yêu em cũng như anh đã ghét nó và giết nó. Trên chuyến tàu đi tới đây anh gặp một người

đàn bà mặc áo đen. Nàng có đôi mắt của Diễm. Anh đã nói dối để xin nàng tình thương. Nàng không phải là hình ảnh của mẹ anh — mẹ anh mất đã lâu, làm sao anh nhớ được — nhưng là hình ảnh của em. Bàn tay anh chạm vào da thịt nàng mà anh nghĩ là của Diễm. Hơi thở nàng ấm áp như Diễm. Anh có thể yêu nàng vì nhớ Diễm. Và anh sẽ phạm tội không chừng. Nhưng anh không ngần ngại vì anh không biết dĩ vãng của cô ta. Bây giờ nàng đã biến mất và anh nhớ Diễm không cùng. Hãy để cho anh nhớ, để anh biết là anh còn sống vì anh còn dĩ vãng và kỷ niệm.

Buổi sáng nay có một chuyến tàu đến đem những thân nhân của bọn tù ở đây tới thăm. Anh đứng ở trong nhà một mình vì biết không có ai quen biết. Lòng anh lại tràn ngập thù hận. Ý định sống

và nhớ nhung lại chết đi như một ngọn lửa mảnh không bốc lên được. Anh thù ghét chúng nó quá. Anh lại phải trở về ý nghĩ cũ. Anh phải trả thù. Không làm gì khác được. Anh phải trả thù thì mới biết được anh còn sống. Anh sẽ tìm cách bắn vào đám đông ồn ào cười nói ấy. Chúng nó sẽ gục xuống và im đi. Anh trả thù cho đến khi anh chết,

Diễm ơi, anh từ biệt.

Viết xong, tôi không đọc lại nữa. Tôi bỏ vào phong bì và gửi cho Diễm.

Những ngày sau đó tôi sống trong sự khắc khoải đợi chờ. Ban ngày tôi vẫn cùng với tất cả ê-kíp đi vào rừng đốn gỗ. Những lúc nghỉ chúng tôi còn rủ nhau đi vớt rau câu hay trèo lên cây hái dứa. Những mớ rau câu được đem phơi đây sân trại. Ban đêm rau xông lên một mùi

rất mát. Chẳng bao lâu chúng tôi đã quây quần ăn bánh thạch hoặc đánh thạch nhỏ ra để uống với nước đường.

Cuối tuần đó, viên trưởng đồn gọi tôi lên văn phòng và bảo:

– Anh làm việc chăm chỉ, hạnh kiểm tốt, tôi có lời khen. Bây giờ, nếu anh muốn, tôi sẽ cho anh làm việc ở văn phòng vì tôi biết anh có học. Hoặc nếu anh thích anh có thể đổi sang bất cứ ê-kíp nào mà anh thấy công việc là đáng thích.

Tôi nhìn hẩn tỏ vẻ cảm ơn và nói:

– Tôi mong ông cho tôi sang ê-kíp đi tìm lâm sản. Tôi thích đi sâu vào rừng.

– Vậy mai anh có thể theo ê-kíp lâm sản.

Hai hôm sau tôi được đi sâu vào rừng. Công việc làm cho tôi dễ dàng thực hiện ý định. Tôi để ý tìm kiếm một loại tre thật tốt để làm một cây cung. Tôi có thể hoàn thành nó một cách dễ dàng vì ê-kíp chúng tôi được phân tán ra từng người một mà khu rừng thì lại rộng. Tôi đã nghĩ đến một ngọn cây gần trại B.6. Trên đó tôi có thể đặt cây cung hướng ra phía hàng rào dây thép gai. Tôi sẽ đặt tên vào một cành cây, và giương sẵn cung như kiểu một cây ná. Tôi chỉ việc giật một sợi dây nhỏ thì mũi tên sẽ bay ra lao thẳng tới những hàng nửa tếp là nơi những thân nhân của các người tù được đứng tụ họp.

Tôi hoàn thành công trình đó trong suốt năm ngày trời tính toán và đo gọt. Công việc của tôi tiến hành trong yên lặng, bí mật. Buổi tối, khi đã leo

lên giường, nhìn thấy bọn người chung quanh cắm cúi viết thư, tôi không khỏi buồn cười. Tôi nghĩ đến lúc mũi tên của tôi lao thẳng vào đám đông yêu dấu ấy của chúng nó. Rồi một sáng đẹp trời, tôi nghe thấy những tiếng còi tàu tới. Những cánh cửa trại đã bật tung từ bao giờ. Người ta mặc quần áo vội vã dời khỏi giường ngủ. Tôi đi lẫn lộn trong đám đông ồn ào ấy. Hai tay tôi thọc vào túi quần. Lòng tôi hoàn toàn bình tĩnh.

Khi tôi ra đến ngoài, mọi người đã tề tựu đông đủ bên trong hàng nửa tếp. Bọn lính đang xua các người ở trên tàu xuống. Lần này họ được xếp hàng tử tế và đi có thứ tự tới. Tôi bắt tay từng người bạn tù một và hỏi thăm một cách tự nhiên. Để cho khỏi nóng ruột tôi lẩm bẩm hát đi hát lại một bài hát cũ. Mọi người đã bắt đầu tiến tới hàng rào dây thép gai để trò

chuyện. Tôi lặng lẽ tiến đến bên gốc cây. Tôi không thể chờ đợi lâu hơn được nữa. Sợi dây vẫn nằm ngoan ngoãn ở chỗ cũ. Tôi nhìn lại đám đông, không có ai để ý đến tôi cả.

– Thế nào cũng phải trúng một đứa.

Tôi vừa nói vừa giật mạnh sợi dây. Mũi tên bay vụt ra như một lần chớp. Tôi nghe thấy một tiếng thất thanh. Tôi bước lẩn vào đám đông. Người ta như một khối nước đang chảy loang ra. Tôi bị xô lẩn trong đám bụi mù.

Nửa giờ sau, người ta tản mác đi dần. Nạn nhân được đem vào đồn cứu chữa. Tôi theo mấy người cùng ê-kíp trở về trại. Tôi cảm thấy hai bàn tay tôi nhộp nhộp những mồ hôi. Tôi nằm lên giường, không chú ý đến những lời bàn bạc đang diễn ra chung quanh. Một lúc

lâu, bỗng có tiếng hỏi thất thanh:

– 218 đâu rồi? 218 đâu rồi?

Nhận ra tiếng Trương, tôi đáp:

– Tao đây, cái gì thế?

– Trời ơi, mày chưa biết gì cả à?

Trương vừa thở vừa nói:

– Diễm bị giết bằng một mũi tên khi vừa xuống tàu để tiến đến hàng rào dây thép gai thăm mày.

– Diễm à? Tiếng tôi phều phào.

– Đi ngay mới kịp.

– Diễm à?...

Tôi bị Trương kéo đi như một xác không hồn. Chúng tôi đi qua sân cỏ để vào đồn số 4. Đám đông đang tụ chung

quanh một cái bàn lớn. Thấy tôi đến mọi người giãn ra để nhường chỗ. Viên trưởng đồn nắm tay tôi và nói:

– Tôi xin chia buồn cùng anh.

Tôi cúi xuống xác Diễm. Nàng nằm ngửa. Mũi tên cắm giữa ngực, sâu tới mười lăm phân. Mắt Diễm mở trừng trừng nhìn tôi. Đôi môi nàng còn mấp máy như định nói một điều gì nhưng không bao giờ nàng còn nói được. Khi tôi ngừng đầu lên thì một người đàn bà áo đen đang giãn đám đông để tiến vào. Tôi nhận ra người đàn bà gầy yếu và bí mật mà tôi đã gặp trong toa xe lửa trên đường đi tới đây. Nhìn thấy tôi đứng bên xác chết, nàng bỗng đứng dừng lại. Tôi cất tiếng hỏi:

– Ai thế?

Tiếng viên trưởng đồn đáp:

– Sœur Maria. Bà đến để làm lễ rửa tội cho nàng. Xin anh nhận lễ ấy để cho linh hồn người chết được ở nơi kia bằng an vĩnh viễn.

Tôi bỗng bật cười rũ rượi. Vừa lắc đầu tôi vừa lách đám đông để bước ra ngoài. Ngoài sân cỏ buổi chiều đã xuống yên tĩnh. Không có một tiếng người nào thì thầm to nhỏ. Tôi ngồi xuống cái thềm cỏ mát ấy cười đến chảy cả nước mắt.

Song Linh

Bức tranh

Tôi lấy nhà tôi được gần ba năm thì nhà tôi mất mang theo cả đứa bé hơn ba tháng ở trong bụng. Để lại cho tôi đứa con riêng của nàng mới bốn tuổi. Nàng mất dạo ấy nhằm vào một mùa đông giáp tết, nhưng có khác là năm đó lạnh hơn nhiều. Tôi nhớ rõ lắm, đêm hôm ấy cũng là đêm ba mươi tết như đêm nay, nàng giật lên một cơn dữ dội rồi trút hơi thở cuối cùng. Tôi

vuốt mắt cho nàng trong khi chiếc đồng hồ trên tường rè rè điểm đúng mười một tiếng. — Chỉ còn một giờ nữa là thiên hạ đón giao thừa. Nhưng có lẽ cái xóm lao động nghèo nàn tôi ở, họ không còn nhớ đến xuân, hay nói khác đi, họ không cần xuân cũng được. Xuân đối với họ cũng chỉ là những ngày thường. Có khi còn khổ hơn là khác. Họ vẫn ngủ kỹ. Tôi nhìn qua khe cửa, ngoài sân đen như một đĩa mực tàu. Anh còn lạ gì cái đêm củ mật đen tối nhất trong năm như đêm nay, mình tôi cô độc ngồi bên xác vợ trước những ngọn nến vàng chập chờn cháy không đủ soi sáng cho căn nhà tối om. Tôi đau khổ nhìn nhà tôi, lòng tan nát tưởng có thể lịm đi được, rồi tôi gục xuống xác nàng khóc nức nở như một đứa trẻ.

Bên ngoài tiếng mưa tí tách rơi trước mái tranh tôi nghe buồn như chính mưa

rơi trong lòng mình. Gió nhè nhẹ và lạnh lùa vào khe cửa rét tê, làm những ngọn nến ngả rạp xuống như muốn tắt.

Tôi cố lắng cả giác quan vào yên tĩnh của đêm đen để thông cảm với linh hồn nàng. Chỉ thấy da nàng toát lạnh. Mùi tử khí phát ra từ người nàng, khiến tôi có cảm tưởng là hương thơm của da thịt, những khi tôi mê man ôm nàng vào lòng ân ái. Và không hiểu sao lúc ấy tôi tưởng nàng vẫn sống. Tôi nhớ tới những lúc nàng giặt quần áo cho tôi mệt mỗi nằm nghỉ trên giường, tôi thường ngồi ghé bên cạnh an ủi và hôn lên miệng nàng. Nghĩ vậy, quên cả sự chết của nàng, tôi ôm chặt lấy xác nàng gọi không ra tiếng và môi tôi tìm môi nàng, cặp môi lạnh lẽo như một miếng thịt ươn... Nàng vẫn tro tro không nhúc nhích. Thì ra chỉ có tôi còn sống, mà nàng thì đã là một cái xác.

Nhà bên cạnh có tiếng võng đưa như tiếng nghiêng rặng của người ngủ mê quen tậ. Tôi rùng mình ngẩng lên nhìn nàng chăm chặp không hề chớp mắt. Lại có tiếng ngái ngủ ra con ời ời từ xa vọng lại náo nể. Đêm dài quá anh ạ. Trên trần nhà một vài con mối đuôi nhau qua các ô màng nhện bị gió lay động.

Lúc ấy tôi đã bình tĩnh lại. Tôi trùu mển cố tìm lấy một hình ảnh duyên dáng trên khuôn mặt của nàng, nhưng hết rồi anh ạ. Nàng đã đánh mất cả vẻ đẹp ngày trước hay đúng hơn thì bệnh tậ đã cướp hết sắc đẹp cùng với linh hồn nàng về cõi chết. Và bây giờ thì nàng đang ngủ trong lúc chúng ta nói chuyện về nàng.

Nàng ngủ mãi và giấc ngủ của nàng không còn mộng mị.

Tôi quên không nói với anh là nàng chết vì bệnh tétanos, nên thân người thì vàng và gầy như một cành cây cằn cỗi, chân tay bé như cẳng gà, những bắp thịt nảy nở trước kia không hiểu hao mòn đi đâu mà nhanh chóng quá. Đặc biệt nhất, khuôn mặt khả ái của nàng ngày xưa tròn trắng, thì lúc ấy sao nó nhăn nheo và vàng như da quả soài chín nẫu. Miệng nàng qua những cơn giật kinh khủng méo đi. Trông xấu và đáng thương đến ghê sợ. Anh còn lạ gì tôi nữa — con người lãng mạn lúc nào cũng quý mển và tôn trọng cái đẹp tuyệt đối, mà thấy nàng xấu đi một cách ghê sợ hẳn phải đau khổ đến bực nào. Mà đau khổ thì sinh ra nghĩ ngợi nhiều. Quả tình tôi nghĩ cần phải làm nàng đẹp lại trước khi đưa nàng tới nơi an nghỉ cuối cùng. Chắc anh cho tôi điên, nhưng không đâu, tôi tỉnh lắm, có tỉnh mới nhớ ra cây hồng của nàng trông

đằng sau nhà trước kia, bây giờ đã có mấy hoa. Tôi để xác nàng nằm ngủ với những cây nến thức đang khóc. Rồi cầm chiếc đèn hoa kỳ, tôi mở cửa lần ra ngoài mưa tìm đến gốc cây hồng, hái một bông hoa vừa độ nở. Anh có thể đoán tôi sắp làm gì rồi. Phải, sau khi hái hoa, tôi khép cửa lại, đuổi gió lạnh ra đêm đen, rồi vào đặt bông hoa lên miệng nàng. Bông hoa còn đọng sương đêm và nước mưa, trông mịn và đỏ thắm như nàng thoa son ngày trước. Rồi không hiểu vì còn tươi nhựa sống hay vì hơi nóng của nến, hoặc vì sinh khí còn đọng ở miệng nàng mà bông hoa cứ từ từ nở ra anh ạ. Nếu không nở thì cũng có thể lúc ấy óc tôi bảo tôi rằng hoa nở.

Tôi nhìn hoa nở có cảm tưởng nàng đang cười trong khi ngủ mơ, và lúc đó vành môi héo của nàng không còn ám

ảnh tôi nữa. Tôi có đủ bình tĩnh để thương tiếc nàng và để tưởng tượng. Trước ánh nến lung linh tôi thấy mắt nàng chớp, rồi chân tay nàng cử động thật.

Tôi sung sướng quá cái hôn nhẹ lên môi hoa của nàng, tự nhiên tôi liên tưởng tới hình ảnh thanh tịnh ngày còn nhỏ. Khi ông tôi lược xong một con gà vàng ngậy, đặt lên mâm sôi trắng dẻo đem ra đình lễ, lại sai tôi ra vườn hái một bông hoa hồng gài lên mỏ con gà cho đẹp. Cái ý nghĩ ngộ nghĩnh ấy chỉ kịp thoáng qua trong tâm hồn chất đầy đau khổ của tôi, như một tia sáng loé giữa vòm trời lúc đông bão rồi biến ngay. Tôi chỉ còn biết thương tiếc nhà tôi thôi. Con người khi yêu thiết tha bao nhiêu thì lúc thương nhớ lại càng nặng bấy nhiêu. Tôi không hôn nàng nữa, mà ngồi ủ rũ nhớ lại kỷ niệm ngày thơ ấu của tôi với nàng. Mắt

tôi khô lệ nhưng còn những ngọn nến và cái xác nàng in sâu trong ấy. Cuốn phim ký ức quay lại đứt đoạn trong tiềm thức tôi. Xa xa tiếng pháo đón xuân tung bùng nổ, tiếng chiêng trống ở miếu đình và tiếng chuông nhà thờ rung lên dồn dập vọng đến tai tôi.

*

Ngày ấy, xa lắm rồi, bây giờ chỉ còn là một hình ảnh rất mờ, khó mà nhớ hết được. Nhưng tôi cố nhớ để nói cho anh nghe.

Cách đây hơn 15 năm, tôi còn là một đứa bé lên tám, đầu tóc mượt mà, mặt mũi chân tay trắng trẻo. Tính tình ngoan ngoãn dễ yêu, học lớp ba trường làng — gọi là trường làng cho tiện chứ

thực ra quê tôi ngày ấy chưa có trường. Nhân gặp loạn lạc, một gia đình người Hà Nội, có hai ông bà già với một cô con gái mười sáu tuổi, tản cư về xóm tôi, rồi mua lại cái nhà lá của bác tôi để trú thân. Trong thời gian khói lửa, của cải đem đi không được bao nhiêu, mà lại ngồi không ăn tiêu hàng mấy năm trời, chẳng mấy lúc gia đình ấy trở nên túng bấn hơn gia đình chúng tôi.

Hắn vì cũng có ít chữ nghĩa, cô con gái liền mở trường dạy học để giúp gia đình độ nhật. Bởi thế, tôi được tiếp tục học lại lớp ba (trước kia tôi đã học lớp ba nhưng bỏ dở). Nhà tôi ở sát cạnh nhà cô giáo, nên cứ đến giờ ra chơi là tôi lại chạy về nhà vò mẹ quả bánh. Trong số hơn hai chục đứa học trò chỉ mình tôi là được cô giáo yêu mến hơn cả. Cô coi tôi như em cô, trái lại, tôi cũng mến cô như

chị ruột. Mỗi khi đi đâu về, cô thường mua kẹo gọi tôi sang cho, hoặc có thức gì ngon cô cũng để dành phần cho tôi. Đôi khi tay tôi bẩn mực hay lấm đất cát, cô bắt tôi đi rửa sạch rồi mới cho. Cũng có lần cô cầm tay tôi lâu lắm rồi nhìn vào mặt tôi cười yêu mến. Tôi cảm thấy một cái gì khác lạ này nở trong tâm hồn non nớt của tôi, và từ đấy tôi thích được cô giáo cầm tay. Tôi thích thì tôi lại càng cố ý nghịch ngợm đất cát để cô giáo sờ đến tay tôi. Có một chiều tối cùng cô đi chơi trên bờ sông Tiên. Gió mặt sông đưa lên mát rượi. Trong bóng chiều vàng nhạt, tôi thấy tóc cô bay quện vào cặp má đẹp, mắt cô có vẻ mơ màng. Có lẽ lúc ấy cô không nghĩ đến tôi đang đi cạnh, cô nghĩ đến một sự gì khác lạ. Tôi hơi tức, giả vờ ngồi xuống phụng phịu gọi cô:

– Cô ơi! Dắt em mấy, em mỏi chân rồi.

Cô ngảnh lại, cầm tay tôi cười nói:

– Con trai sao yếu thể, thôi đi cô dắt.

Rồi nhìn bàn tay tôi cô nói tiếp:

– Từ giờ em phải rửa tay sạch nhé, nếu không cô không yêu nữa đâu.

Tôi yên lặng gật đầu, cô đập nhẹ tay tôi rồi nói:

– Sao em không lớn như cô nhỉ?

Câu nói ấy mãi tới sau này tôi mới hiểu. Song ngày ấy trí non nớt của tôi chỉ bảo tôi ngoan ngoãn yên lặng, mà không hiểu ý nghĩa của nó. Từ đó tôi chịu khó rửa tay lấm, nhưng thỉnh thoảng vẫn bị mực dây vào. Cô giáo ngày nào cũng khám tay học trò, trông thấy tay tôi bẩn

lại bắt tôi giơ bàn tay nhỏ bé ra thưởng cho mấy thuốc đau quần, Đánh xong, cô làm mặt giận nói với tôi:

– Nếu Nguyên còn nghịch bấn nữa thì nhất định cô không chơi với nữa đâu.

Tôi vâng lời, và càng ngày càng yêu cô hơn. Đêm ngủ tôi thường mơ thấy cô cười.

Nhưng bỗng một hôm cô không đi chơi với tôi nữa, cô đi một mình và mặc cả áo dài màu xanh da trời. Mặt cô hình như có phấn hồng, tóc cô chải mượt bỗng lên khác với ngày thường. Trước tôi cứ tưởng cô đi đâu có việc nên không đòi theo, sau thấy chiều nào cô cũng đi ra phía cánh đồng. Tôi buồn bã đứng tựa gốc khế nhìn theo, thì lạ thay, khi cô gần đến ngôi mà xây trên cái gò cao có cây mọc xanh um, lại có một người mặc

quần áo tây chạy ra đón. Rồi hai người dắt tay nhau đi khuất vào ngôi nhà. Tôi đứng lặng nghĩ ngợi, phục cô không sợ ma, dám ra đẩy chui vào nhà người ta. Tôi cho cô có phép lạ, chứ có biết đâu cô đến đó ngồi ân ái với tình nhân. Khi ấy, tôi chỉ nghĩ tức bực cô đã cầm tay kẻ khác mà không cầm tay tôi nữa. Tôi rình mãi đến khi chiều tắt sau những gò đồng trên cánh đồng mới thấy cô về. Trong những đêm trăng sáng, tôi đem chuyện đó ra nói cho chúng bạn nghe. Chúng nó bảo hay cô giáo là ma. Từ bấy giờ tôi cứ sợ cô thế nào ấy. Mãi sau này tôi mới biết cô có người yêu. Nhưng hồi đó cô đã về thành rồi. Tôi nhớ có lần cô ở ngoài đồng về gặp tôi, tôi hỏi cô đi đâu mà ra đấy thì cô ngập ngừng bảo:

– Em còn bé không được tò mò, sau lớn sẽ hay.

Nói xong cô sợ tôi tủi thân nên lại cầm tay tôi âu yếm:

– Giá em lớn bằng cô thì thích nhỉ.

Tôi ngây thơ trả lời:

– Thế thì em phải ăn bốn bát cơm cho chóng nhớn cô nhỉ.

Cô cười hỏi:

– Thế mỗi bữa Nguyên ăn mấy bát?

Tôi khẽ đáp:

– Mỗi bữa Nguyên ăn ba bát đầy ụ.

– Ủ, Nguyên phải ăn nhiều, ăn bốn bát thì mới chóng lớn như cô được.

Rồi cô dắt tay tôi yên lặng bước đi. Trăng thượng tuần sáng mờ mờ cong như cái lưỡi liềm treo trên ngọn cây gió

động. Cô nhìn trăng giọng buồn buồn bảo tôi:

– Thế nhớ cô đi nơi khác thì Nguyên có nhớ cô không?

Tôi đáp:

– Nguyên có nhớ, cô cho Nguyên đi theo.

Cô cúi xuống hôn tôi:

– Nguyên ngoan lắm, thôi về học bài đi, mai cô mua kẹo cho.

Quãng ngày thơ ngày vui tươi ấy chỉ ở với tôi có gần một năm thôi. Rồi bỗng một hôm — một hôm ngoài tết, khi những lá đào trước cửa nhà cô và nhà tôi bắt đầu rụng lác đác xuống sân — tôi thấy nhà cô có nhiều người ra vào tấp nập, và xác pháo nhuộm đỏ cả thềm.

Giữa khói pháo quện khói hương tản mạn bay, có một toán người ăn mặc sang trọng rước cô ra khỏi đầu làng, rồi đi xa và khuất hẳn. Người trong làng ra xem đông lắm. Họ bảo cô đi lấy chồng.

Cô đi rồi, ngày hôm ấy tôi buồn lắm, chẳng thiết gì cả, và đêm đêm tôi úp mặt vào chăn khóc ẩm ước.

*

Ngày qua, năm tháng qua. Tôi đã thành một họa sĩ. Một hôm đang đi phố, tôi bỗng gặp một thiếu phụ đầu chít khăn tang, nét mặt nàng trông gầy xanh nhưng thanh tao trong sáng lắm. Một hình ảnh xa xôi chợt thức dậy trong tiềm thức tôi, tôi ngờ ngợ đứng lại nhìn nàng. Nàng cũng ngỡ ngàng nhìn tôi, rồi nhận ra tôi trước, nàng khẽ gọi:

– Cậu Nguyễn, cậu có nhớ tôi không?

Tôi gật đầu sung sướng:

– Kìa cô giáo!

Cô cười nói:

– Dễ thường đến hơn mười lăm năm rồi còn gì!

– Vâng xa quá rồi, không ngờ tôi lại còn gặp cô.

Lúc ấy thì chúng tôi đã xưng hô với nhau khác rồi anh ạ. Cô gọi tôi bằng cậu chứ không bằng em như hồi còn là học trò lớp ba của cô nữa. Trái lại, tôi vẫn gọi cô bằng cô nhưng đã xưng tôi.

Gặp nhau, chúng tôi mừng quá, đem tất cả những chuyện xưa cũ kỹ ra kể cho nhau nghe. Chúng tôi nói liên miên không đâu vào đâu. Sau tôi hỏi thăm

chồng cô, cô buồn rầu bảo:

– Nhà tôi mất đã hơn năm nay.

Tôi lại hỏi:

– Thế bây giờ cô làm gì?

Cô thở dài nhẹ nhẹ, trả lời chán nản:

– Cũng chưa biết nên làm gì.

Sau nửa buổi hàn huyên, bảy giờ trời đã về trưa, cô vội từ giã:

– Thôi xin phép cậu, tôi phải về không cháu bé ở nhà mong. Hôm nào có rỗi cậu lên chơi. Tôi ở số . . . phố hàng Đào.

Qua buổi gặp gỡ, thỉnh thoảng tôi lại đến thăm cô giáo cũ của tôi, và thỉnh thoảng khi tiện đi đâu cô cũng tạt qua thăm tôi. Có lần tôi dẫn cô vào phòng

vẽ, chỉ cho cô xem những họa phẩm mới sáng tác của tôi. Cô nhìn tôi có vẻ thán phục lắm — hẳn cô cũng nghĩ không ngờ một đứa học trò nhỏ bé của cô khi xưa nay lại tài hoa đến thế. Tôi để ý thấy mắt cô buồn và đẹp một cách lạ lùng.

Cứ thế chúng tôi càng ngày càng chăm đi lại thăm nhau, và những tác phẩm mới của tôi hầu hết vẽ về cô. Những cái nhìn cũng bắt đầu đổi khác. Có một dạo chúng tôi thấy cần gặp nhau luôn, mỗi ngày ít ra phải một lượt, nếu không thì cảm thấy mình như thiếu thốn một sự gì, và bứt rứt khó chịu lắm. Anh có thể tin rằng tình yêu đã đến với chúng tôi không. Đúng vậy, một lần tôi đánh bạo hỏi nàng:

– Cô có tin là ái tình có thể vượt khỏi tuổi tác không nhỉ?

Nàng ngập ngừng bảo tôi:

– Như cậu thì không hiểu, chứ theo tôi thì ái tình không cần phải phân biệt gì cả.

Tôi sung sướng tiếp thêm:

– Tôi cũng nghĩ vậy, tình yêu là thứ tình do chính tim con người rung động. Tuổi tác và ngoại vật chỉ là phần phụ nhỏ mọn.

Nàng yên lặng trong khi tôi lấy hết can đảm nói một câu:

– Cô có thể tin rằng ở đời này, có ai là học trò mà lại yêu cô giáo không?

Nàng cười gượng đáp:

– Thế là thường.

Lòng tôi rung động, mắt tôi nhìn miên man lên mặt nàng, như muốn thôi miên nàng, cắn ngấu nghiến cái vẻ đẹp hiền dịu và uống hết lời nói trong trẻo của nàng. Tôi khẽ tỏ lộ với nàng:

– Hiện giờ tôi đang tha thiết yêu một người đàn bà, mà người đó chỉ ngồi cách tôi không đầy nửa thước.

Nàng cảm động chớp mắt:

– Có thể người đó cũng yêu lắm.

Dứt lời nàng vội vàng đứng dậy lăm lăm:

– Chúng ta hiểu cả rồi.

Thế rồi không đầy nửa tháng chúng tôi lấy nhau thật. Tôi lấy cô giáo đã dạy tôi — nàng hơn tôi tám tuổi — và bây giờ nàng đã chết.

Hiện nay lòng tôi vẫn không sao nguôi được sự thương tiếc đau khổ. Càng thương tiếc bao nhiêu thì tôi lại càng hối hận mình đã tệ bạc với nàng bấy nhiêu, mặc dù sự đó chỉ là một điều nhỏ mọn. Có gì đâu anh, chúng tôi lấy nhau được hơn hai năm thì một buổi trưa, tôi đang mơ màng ngủ, bỗng nghe thấy nàng thì thầm mắng đứa con riêng của nàng:

– Tâm, ai bảo con dám vẽ bậy vào tranh của cậu thế kia, cậu dậy bây giờ thì chết.

Tôi giật mình mở choàng mắt rồi vội vàng chạy ra xem. Bức tranh mà tôi ưng ý nhất đang vẽ dở bị thằng bé bôi đầy cả mực lên. Tôi cúi quá vớ lấy thanh thước vút cho thằng bé mấy cái quần đít. Nó đau quá khóc òa lên, mẹ nó chạy lại vội ép nó vào lòng rồi nói nựng:

– Ai bảo con nghịch dại, thôi nín đi. Ra xin lỗi cậu mau không cậu đánh chết bây giờ.

Tôi quát lên;

– Không tội lỗi gì cả, ngồi chương xác ra mà thấy nó nghịch cũng cấm khẩu không thèm bảo nó.

Nàng chớp mắt rồi giơ tay khẽ phân trần:

– Em đang bận giặt quần áo ở dưới nhà, lúc lên thấy con nó đã nghịch rồi, thôi con nó bé chót dại, cậu tha cho nó.

Tôi lại càng tức giận, mà không hiểu sao lúc ấy cơn tức ở đâu lại đến với tôi đột ngột đến thế. Hay vì nàng là đàn bà nên tôi làm già. Thật chỉ tài bắt nạt vợ,

Tôi mắng nàng:

– Thôi đừng bênh nó nữa, làm hỏng cả bức vẽ công trình của người ta. Có mấy bộ quần áo thì ngồi chây thây ra mãi chẳng xong; dắt nó cút đi đâu thì đi đi.

Nàng ngọt ngào xin lỗi tôi mãi không được đành ngồi ôm mặt khóc thút thít. Thằng bé thấy vậy cũng nem nép vào cạnh mẹ. Như mọi khi, có lẽ tôi đã nguội và xin lỗi nàng rồi, song lần ấy thấy nàng khóc tôi lại càng tức lộn ruột. Tôi cho rằng đàn bà chỉ được cái thói lắm mồm mau nước mắt. Con tức thường xui người ta đến chỗ mù quáng, nên tôi thấy cái gì nàng cũng lỗi, và bạ cái gì tôi cũng có thể đem ra xỉ vả nàng. Rồi không hiểu mình điên đến độ nào mà tôi giơ thẳng tay tát mạnh vào mặt nàng một cái. Nàng ngã chúi đi xong lại lom còm bò dậy búi lại mớ tóc. Tôi thấy nàng nước mắt vòng quanh lại càng tưởng mình có lý. Mà quái

lạ lúc ấy trông nàng sao lại dơ dáy đến phát ghét lên được. Tôi nhục mạ nàng thậm tệ:

– Đồ ăn bám, đồ thừa thãi biết điều thì cuốn gói xéo đi, đừng ngồi đấy trông dơ mắt lắm.

Nàng chỉ ôn tồn bảo tôi:

– Nếu cậu không thương mẹ con em nữa, mẹ con em xin đi nơi khác, cậu không cần phải nhiech mắng mẹ con em nhục nhã đến thế.

Tôi vào nhà lấy mũ rồi đi vội ra đường. Trước khi đi tôi còn nói:

– Muốn sống lấy sơn trắng quét trả lại bức vẽ đi, rồi muốn đi đâu thì đi.

Ra ngoài đường một lúc, cơn giận của tôi bớt hẳn. Bấy giờ tôi mới cảm

thấy mình tệ bạc quá. Tôi hối hận quay về. Trên đường tôi bước nhanh như kẻ ăn cắp, bụng nghĩ thầm chỉ sợ nàng đi mất. Về đến nhà tôi thấy nàng đang cúi húi cầm pinceau quét sơn lên tấm tranh. Tôi treo mũ lên mắc, lòng cảm thấy ngượng ngập thẹn thùng. Mãi một lúc lâu tôi mới làm lành với nàng:

– Con đi đâu rồi em?

Nàng ngược nhìn tôi, mắt vẫn còn ngấn lệ:

– Con nó chơi ở dưới bếp.

Tôi ra đóng cửa lại, rồi vào cầm lấy tay nàng khẽ bảo:

– Thôi để anh vẽ lại, em mệt đi mà nghỉ.

Nàng đáp ứng như người nấc:

– Để em sơn lại giúp anh.

Tôi giằng lấy bút vẽ quăng xuống đất, rồi cúi xuống bế bổng nàng lên đặt xuống giường, tôi ngồi vuốt lại tóc nàng, xin lỗi:

– Lúc nãy anh quá nóng, em tha thứ cho anh.

Nàng chớp mau cặp mắt, rồi tủi thân khóc thút thít. Tôi cúi xuống hôn nhẹ lên má nàng:

– Thôi, Hà ơi, anh nhận lỗi rồi, từ giờ anh không nóng nữa. Em có còn yêu anh không?

Nàng yên lặng ghen ngào, rồi từ từ quay ra cầm chặt lấy tay tôi đặt lên ngực, đoạn khẽ hạ hàng mi ướm lệ gạt đầu.

Từ giờ phút đó trở đi chúng tôi càng

yêu nhau tha thiết hơn. Nhưng nào cuộc đời có êm đềm mãi mãi, Tình yêu và hạnh phúc ấy chỉ cho chúng tôi hưởng rất ngắn.

Chẳng bao lâu nàng bị bệnh rồi mất. Khi mất nàng không nói với tôi được nửa lời. Nàng mất được độ ba bốn tháng thì cháu Tâm cũng bị bệnh, có lẽ nó nhớ mẹ nó. Tôi lo lắng chạy chữa mãi mới khỏi, nhưng lúc khỏi cháu lại bị cấm khẩu không nói được nữa. Năm nay cháu lên bốn, chỉ còn bốn năm nữa là cháu học lớp ba như tôi ngày xưa. Và nếu nhà tôi còn sống thì tết năm nay nàng vừa đúng ba mươi từ tuổi. Bây giờ lắm lúc ngồi thương tiếc lại chuyện cũ, tôi thấy mình hối hận không thể tưởng được. Có khi tôi nghĩ và ước ao mình bé lại làm cậu học trò lớp ba ngày xưa, hay nghịch

bắn đề nàng cầm lấy tay mà đánh cho mấy thước kẻ, như tôi đã đánh cháu Tâm hôm cháu làm hỏng bức tranh.

Thao Trường

Hương gió lướt đi

Hôm ấy tôi nhận được một lá thư từ Ba Lê gửi về. Tôi phân vân mãi không biết cái cô Simone nào ở bên Pháp lại biết tôi mà gửi thư. Phong thư trên tay, tôi cố tìm trong ốc xem có ai là Simone quen tôi không. Nhưng tôi đành chịu, bóc thư ra đọc.

Tôi không ngạc nhiên nữa. Simone chính là Ngân, cô bạn gái của tôi cách đây vài năm.

Ngày ấy tôi hầy còn nhỏ. Mới mười bốn, mười lăm. Cái tuổi chỉ biết sáng vác cặp đi trưa vác về. Tôi sống một đời sống bình thản đều đều. Yêu đời như một người vợ chính chuyên yêu một người chồng gương mẫu. Một tuần lễ sáu ngày đi học, ngày chủ nhật đi chơi và xem chiếu bóng. Tôi sung sướng nhìn đời như đứa trẻ nhìn chiếc đèn Trung thu của tuổi nhỏ.

Một hôm tôi về học, đến nhà, tôi ngạc nhiên thấy tiệm thợ may bên cạnh đã dọn đi. Thay vào đấy, người ta đang sửa chữa để mở một tiệm giải khát. Người ta đây là mấy cô vợ Tây.

Cửa hàng sau vài ngày sửa chữa, đã biến thành một nhà hàng giải khát thanh lịch thướt tha mấy cô gái son phấn ra vào. Các cô lúc nào cũng cười đùa như trẻ con.

Khách hàng của các cô toàn là lính Pháp. Họ kéo nhau đến từng bọn, có khi đông tới vài chục người. Quán giải khát ấy ồn ào tiếng nói chuyện, tiếng ca hát, gào thét tục tĩu của những thằng người tục tĩu. Về buổi sáng trừ chủ nhật thường thường vắng khách. Từ trưa cho tới nửa đêm là những lúc đắt hàng nhất. Những thằng người tục tĩu kia thường tụ tập ở đấy để tàn phá cuộc đời của chúng, để sống như những thằng điên và để đánh nhau. Không mấy ngày là không xảy ra đánh nhau.

Trong cái lò hỗn loạn ấy, có một người con gái tôi... thương! Nàng chính là Ngân. Ngân, cô chủ quán, Một cô chủ quán không lấy gì làm đẹp lắm. Nhưng rất có duyên.

Tôi khó chịu về cái nhà hàng ấy — mà cũng không cứ gì tôi, hàng phố cũng

không ai ưa. Ngày cũng như đêm không mấy lúc tôi được yên thân tĩnh mịch học bài. Có nhiều lúc tôi định “đuổi” bọn họ đi. Nhưng nhìn thấy Ngân duyên đáng quá, lòng tôi lại dịu xuống.

Một hôm, tôi vừa bước ra đến cửa, thì một cục nước đá từ nhà hàng bên ấy ném trúng người tôi. Mấy cô bán hàng cười rộ lên làm tôi bức mình. Tôi cúi xuống nhặt cục nước đá bước sang hàng ấy. Tôi nhất định “mắng” cho bọn này một mẻ. Phải cho họ một bài học luân lý về phép lịch sự. Thấy tôi vẻ mặt hầm hầm bước vào. Ngân vội vã chạy ra tươi cười.

– Xin lỗi anh, các chị ấy rồi rồi nên đùa nghịch đấy thôi mà. Anh đừng giận nhé!

Lòng tôi dịu hẳn lại. Với một người con gái, một người con gái có duyên, tôi cam đoan không một người đàn ông nào giận họ được. Nhất là người đàn ông đó lại là tôi. Tôi ngày đó còn ít tuổi. Cho nên tôi chỉ còn có thể “mắng” họ bằng một câu... rất dịu dàng:

– Các cô nghịch như... giặc non!

Cả bọn cười rú lên. Mỗi cô chọc tôi một câu. Đùa trắng trợn. Tôi nghĩ thầm: “Rõ bọn nhà thổ có khác”. Nhưng Ngân đã nghiêm chỉnh bảo họ:

– Các chị đừng đùa. Anh ấy là học sinh không ưa thế đâu.

Cả bọn nhao nhao, một cô nói:

– A bênh, “xê ri” của chị Ngân đấy chúng mày ạ!

Tôi then đăng người. Còn Ngân nàng chỉ mỉm cười bảo các cô kia:

– Bậy nào!

Nhưng bọn họ còn nói nhiều câu chọc Ngân và tôi. Những câu nói mà tôi cho là tàn bạo không ngờ. Tôi vội vàng chạy về nhà tránh những con người trơ trên ấy. Từ hôm đó tôi đã quen Ngân. Nàng gặp tôi thường mỉm cười chào. Tôi cũng đáp lại bằng một nụ cười tương tự.

Thỉnh thoảng tôi lại sang chơi với Ngân, để được nhìn cái vẻ duyên dáng của nàng. Tôi thấy tâm thần tôi đổi khác. Có nhiều lúc tôi băn khoăn đứng ngồi không yên. Tôi thường ra cửa đứng chờ ngắm một thân hình duyên dáng, trông thấy Ngân tôi yên tâm ngay. Có nhiều lúc học bài nhưng trí óc tôi chỉ mãi mê nghĩ tới cái nhà bên cạnh. Tôi bực dọc bỏ sách

vở xuống, sang nhà Ngân một lát rồi mới về học được. Dần dần thành thói quen, trước khi ngồi vào bàn học, tôi ra cửa đón lấy nụ cười của Ngân đã. Mỗi ngày ít ra tôi cũng phải trông thấy Ngân vài lần mới khỏi băn khoăn. Ngân đối với tôi cũng vẫn thân mật. Tôi thường chọn những lúc hàng Ngân vắng khách mới sang với nàng. Dĩ nhiên tôi phải trốn không cho người nhà biết.

Có một buổi sáng được nghỉ học. Tôi sang nhà Ngân. Mấy cô ả kia đang xúm xít vào một hàng quả ở đầu phố. Chỉ có Ngân ở nhà. Ngân ngồi xem tiểu thuyết. Thấy tôi sang, Ngân bỏ sách xuống quay ra:

– Anh không đi học?

– Hôm nay tôi trốn.

Ngân nhìn tôi có vẻ không bằng lòng:

– Tại sao anh lại thế? Không nên anh ạ,

Tôi vội vàng thanh minh:

– Nói đùa Ngân đấy. Hôm nay nhà trường bị quân đội chiếm đóng nên tôi được nghỉ, à quên, bị nghỉ!

Ngân cười duyên dáng bảo tôi:

– Ngân ghét những người nói dối.

– Tôi cũng vậy. Nhưng trường hợp vừa rồi là tôi nói chơi chứ không phải nói dối. Cô hiểu chưa?

– Vâng tôi hiểu rồi, “ông” lý sự lắm.

Rồi cả hai chúng tôi cùng cười. Chợt tôi nhận thấy Ngân còn trẻ con quá. Có lẽ nàng cũng chỉ “bé” bằng tôi. Nếu không

thì trái lại, tôi đã lớn tuổi bằng nàng.

Lòng tôi bồi hồi. Tôi đắm đuối nhìn Ngân. Ngân cầm lấy tay tôi:

– Anh đừng nhìn Ngân thế.

Tôi ngượng ngùng vì thấy mình bị bắt quả tang “ăn cắp”. Nhưng tôi cũng nói bừa đi một câu:

– Và Ngân cũng nên cài cúc áo ngực lại.

Đến lần Ngân ngượng ngùng. Nàng líu ríu bỏ tay tôi ra và cài cúc áo lại. Lúc ấy thì tôi lại nắm chặt lấy bàn tay xinh xắn của Ngân.

Ngân im lặng nhìn ra cửa. Tôi say sưa bóp chặt bàn tay nàng. Chúng tôi ngồi sát vào nhau quá mất rồi. Sung sướng.

Có tiếng cười ròn của “bọn giặc non” đã về tới. Tôi vội vàng bỏ tay Ngân ra. Ngân cũng cầm vội lấy quyển tiểu thuyết, nàng rí rúm bảo tôi:

– Các “ông” học trò mà cũng “ghê” quá!

*

Tối ba mươi Tết năm ấy, tôi lên mang sang cho Ngân một tấm bánh chưng và một cuốn tiểu thuyết. Tôi nhớ rõ lắm. Ngân đã nhìn tôi rất lâu. Tia mắt nàng cảm động.

Ngân không có gia đình. Cha nàng đã chết. Mẹ nàng đi lấy chồng. Nàng không thể sống được trong cái gia đình khắt khe áp bức hèn nhát của cha dượng. Nàng bỏ đi sau một trận đòn tàn nhẫn. Trong thời

loạn lạc, thân gái bơ vơ. Ngân đã biến thành Ngân ngày nay. Ngân đã lấy Tây. Ngân làm gái điếm! Bởi vậy trong không khí tưng bừng của ngày tết, mọi nhà quây quần vui vẻ. Riêng Ngân, nàng lạnh lùng trong cô độc. Ngân buồn vì không có ai chia xẻ buồn vui với nàng, giữa lúc đó tôi tìm đến Ngân. Tôi đã cho quà Ngân như tôi đã cho một cô bạn gái bé bỏng. Mà tôi tưởng là Ngân bé bỏng thật. Nàng tuy hơn tôi chừng bảy tám tuổi, nhưng mà đối với tôi hình như lúc nào Ngân cũng chỉ là một cô bạn nhỏ ngây thơ trong trắng. Ngân run run cầm gói quà ở tay tôi. Thành linh nàng ôm chầm lấy tôi. Ngân ghì tôi vào lòng nàng. Có lẽ Ngân chỉ coi tôi như em nàng, nhưng tôi thì tôi không nghĩ thế. Tôi thấy sung sướng. Mấy giọt nước mắt rơi xuống tay tôi. Tôi ngạc nhiên, Ngân đã khóc. Không biết nàng khóc vì khổ sở hay vì sung sướng.

Tôi nghĩ thế và cho rằng Ngân khóc vì cảm động, vì tôi. Tôi an ủi nàng. Không biết với cái trí khôn non nớt của tôi dạo ấy, tôi đã nói những gì với nàng. Ngân hết khóc ngay. Nàng vui vẻ lấy rượu cho tôi uống.

Tối hôm đó tôi thức hơi khuya bên nhà Ngân. Tôi đã uống nhiều rượu với nàng. Những ly Cointreau nồng nàn làm tôi choáng váng. Đến lúc mặt tôi đã đỏ gay, Ngân giục:

– Thôi anh nên về đi, kéo bà Cụ biết lại bị mắng!

Tôi đứng lên hơi loạng choạng. Theo bản năng, tôi đã làm một cử chỉ giống như trong phim chiếu bóng ngoại quốc. Ngân hơi nhú mày, nhưng nàng cũng không chối từ tôi. Nàng để yên cho tôi hôn rồi vội vã tiễn tôi ra cửa. Đó là cái

hôn đầu tiên tôi trao cho một người đàn bà.

Tôi về ngủ ly bì vì say rượu. Sáng mừng một tết. Mẹ tôi tưởng tôi bị cảm nên cho phép tôi ngủ đến trưa Tết năm ấy là cái tết đặc biệt nhất của tôi. Nhưng tôi không vui được lâu. Một hôm tôi đi xem chiếu bóng. Tôi đã gặp Ngân khoác tay với một người lính Pháp. Hắn là chồng nàng? Tôi cũng không biết nữa. Một cái gì ghen trong cổ tôi. Tôi vội vã trở về nhà. Nếu không tôi sẽ khóc ở ngoài đường mất. Về nhà thì tôi được tự do khóc, không sợ ai nhìn. Đây là lần đầu tiên tôi khóc vì bị... phụ bạc.

Từ hôm đó, tôi giận Ngân. Tôi không thèm nhìn nàng nữa. Tôi tránh không đi qua nhà nàng. Đành vòng ra lối ngã tư tuy xa đường hơn. Có nhiều lần Ngân trông thấy tôi, nàng gọi, nhưng

tôi vờ không nghe tiếng để trả thù. Ngân bán hàng mỗi ngày một khá giả. Còn tôi, càng ngày tôi càng lớn. Tôi tiếp tục trả thù nàng. Tôi không thèm sang nhà nàng. Tôi yên trí rằng làm như thế Ngân sẽ khổ lắm.

Nhưng Ngân không khổ. Nàng vẫn sống bình dị. Chỉ có tôi tự làm tôi khổ mà thôi. Ngân vẫn đi với Tây. Không thèm biết rằng tôi buồn! Thấy giận mà không gây nên tiếng vang gì tới Ngân, tôi lại sang làm lành vậy. Từ đấy chúng tôi lại thân mật với nhau như xưa

*

Tới ngày di cư thì chúng tôi xa nhau...

Hôm từ Sài Gòn ra Nha Trang, tôi lại được gặp Ngân. Mới thoát thấy tôi; Ngân phải kêu lên:

– Anh nhớn quá!

Tôi nhớn thật. Tôi đã là một thanh niên. Tôi đã đi giày chứ không đi xăng-đan như trước nữa. Tôi đã thắt ca-vát vì tôi đã phải đi kiếm tiền nuôi thân. Còn Ngân? Ngân vẫn như xưa. Vẫn duyên dáng yêu kiều. Chúng tôi dắt nhau ra bờ biển hóng gió. Chúng tôi đi xem Viện Hải học; đi ăn sò Cầu Đá; đi thăm Hòn Chồng, Tháp Bà, Thành, Suối Dầu. Chúng tôi dẫn nhau vào rừng dừa Chợ mới uống nước. Ngân nói với tôi:

– Dễ thường chúng mình xa nhau đến gần hai năm rồi đấy nhỉ? Anh thôi học và bây giờ làm gì?

– Tôi dạy học, Ngân ạ,

Người nhớn rồi, Ngân bảo tôi người nhớn rồi nghĩa là nàng công nhận tôi

không còn trẻ con nữa. Tôi nhìn Ngân, Ngân vẫn là “cô bé” của tôi ngày nào.

– Người lớn thì lấy vợ được chứ Ngân?

Ngân lơ đãng trả lời:

– Dĩ nhiên.

– Chúng mình...

Tôi định nói: “Chúng mình lấy nhau được chứ”, nhưng không hiểu sao tôi lại thôi. Có lẽ vì tôi trở nên “tâm thường” rồi!

Thấy tôi bỏ dở câu nói, Ngân ngo ngác hỏi tôi:

– Chúng mình làm sao cơ?

– Chúng mình... về vậy!

Lần ra Nha Trang ấy đáng nhẽ tôi chỉ ở lại có hai ngày. Nhưng gặp Ngân tôi kéo dài ra một tuần lễ. Mãi đến lúc tôi nhận ra rằng tôi cần phải về Sài Gòn vì công việc làm ăn và Ngân cũng cần phải “làm ăn” nên tối hôm ấy, sau khi ăn cơm, tôi đã nắm tay Ngân:

– Tôi phải về Sài Gòn chuyển tàu đêm nay, Ngân ở lại nhé!

Ngân ngạc nhiên:

– Sao anh về đột ngột thế?

– Mình cảm thấy cần phải làm như vậy. Nhớ viết thư cho nhau.

Rồi tôi vội vã thuê xe ra ga. Lúc tiễn tôi ra cửa Ngân nói một câu bóng gió, mà đến bây giờ tôi vẫn còn nhớ là một lời trách móc:

– Bây giờ anh nhón rồi mà!

Lần từ biệt ấy có lẽ cũng là lần vĩnh biệt. Chúng tôi không có dịp gặp nhau nữa và hôm nay tôi nhận được thư của Ngân từ Ba Lê gửi về.

Ngân đã là Simone của Ba Lê. Tôi bóc ra đọc:

Anh TR

“Ngân đã ở Ba Lê ánh sáng. Anh đừng ngạc nhiên, Ngân đã lấy một hạ sĩ quan Pháp hồi Ngân từ Nha Trang sang Lào. Rồi Ngân về Pháp với hắn. Một chuyến đi mạo hiểm. Thôi thế là chẳng hy vọng gì Ngân về được nước nhà nữa. Nếu anh có qua bên này thì chúng mình mới lại được gặp nhau. Ngân chẳng còn ai quen thuộc họ hàng mà viết thư. Vậy anh đừng để Ngân cô độc. Viết thư cho Ngân luôn

nhé, Ba Lê rộng lớn quá, Ngân không biết kể gì với anh cả. Ngân chờ tin anh và chúc anh mạnh.”

NGÂN

Tôi lấy giấy viết thư cho nàng. Một cái gì đã qua hồn tôi, và qua hân. Tôi hơi... buồn vì tôi đã mất mát. Nhưng thế cũng xong,

Trong lá thư tôi viết cho Ngân có đoạn:

“...Tôi sắp làm lễ cưới với Lương. Lương là một Hoa kiều mới nhập Việt tịch. Thôi thế là chúng mình đều xong xuôi một phần cuộc đời. Đành vậy. À, Lương cũng có đôi mắt giống mắt Ngân, để rồi tôi gửi ảnh sang cho Ngân coi. Lương có lời hỏi thăm Ngân đấy...”

Một tháng sau, tôi lại nhận được thư của Ngân. Ngân đã khóc như sau: “..Chồng Ngân đã qua đời vì tai nạn xe hơi. Đột ngột quá anh ơi! Bây giờ thì Ngân bơ vơ chẳng có ai mà nương tựa cả. Số Ngân cô độc quá. Ở nơi xa xôi này, anh bảo Ngân phải làm sao đây...”

Tôi chợt nhớ tới một người quen cũng ở Ba Lê. Anh ta là một người Việt Nam đi lính cho Pháp cách đây hai mươi năm. Anh sang dự trận đại chiến rồi mắc kẹt ở Pháp. Bây giờ thì anh đã đang hoàng sống ở Ba Lê. Anh trông coi một cửa hàng bán rượu. Nói là quen chứ thực ra ngày anh ta sang Pháp tôi hãy còn là một đứa trẻ mới sinh. Anh là người làng nên vẫn viết thư về cho anh em chúng tôi. Tôi nhớ đến anh, người duy nhất tôi quen ở Ba Lê. Tôi viết thư cho anh, giới thiệu Ngân với anh và nhờ anh săn sóc cho nàng.

Anh viết thư trả lời tôi như sau:

“...Tôi rất vui mừng nhận được thư anh. Cô Ngân có lại tôi chơi. Anh yên tâm.

Trước kia tôi cũng định thờ chủ nghĩa độc thân, nhưng từ hôm tôi gặp Ngân, tôi có ý định lập gia đình...”

Và đây là thư của Ngân:

“... Anh Định, người mà anh giới thiệu với Ngân là một người rất tốt. Anh giúp đỡ và an ủi Ngân nhiều. Ngân thấy ở anh ấy là nơi nương tựa trên đất khách...”

Hai lá thư hình như có hai cái gì hợp nhau lắm. Tôi đoán, biết đâu rất có thể. Ít lâu sau, điều tôi dự đoán đã thành sự thực.

Một hồng thiếp tới tay tôi, kèm theo lá thư của anh Định và Ngân:

“... Chúng tôi thấy nên lấy nhau và chúng tôi đã làm như thế. Công ấy là nhờ anh, ông mối của chúng tôi. Bao giờ chúng tôi hồi hương sẽ gặp anh để khoản đãi!...”

Kèm theo một tấm ảnh chụp chung hai vợ chồng anh Định. Ngân sung sướng nép vào Định. Cả hai cùng như nhìn tôi.

Tôi nhìn tờ thiệp, lá thư, tấm ảnh, nói một mình:

– Thế cũng xong. Hai kẻ tha hương một cuộc đời.

Hai lần Ngân báo tin lấy chồng. Lần này tôi... không buồn!

Từ đó Ngân không viết thư cho tôi nữa. Chỉ có anh Định viết cho tôi và cuối thư bao giờ cũng có câu: “... Simone có lời hỏi thăm anh.”

Trong những thư trả lời anh Định, cuối thư tôi cũng viết: “Tôi có lời hỏi thăm Ngân.” Thế cũng xong. Mà đối với riêng tôi nó còn đẹp mãi là khác.

Thạch Chương

Tinh cầu

Thoa tỳ bụng vào gốc bàn và nằm nguyên như vậy trong hương thơm hoa lá của buổi chiều đang đi ngủ tràn lùa vào cửa sổ, trong bóng tối xanh xanh như mắt yêu tinh hắt xuống từ trên trời, trong niềm hoan lạc điên đại làm tê liệt mọi thớ thịt mọi tế bào nội huyết quản.

Chiều đi mất và Thoa tỉnh dậy. Gió

lạnh bên ngoài luôn qua cửa sổ sờ soạng da thịt Thoa như những bàn tay ma. Thoa ngẩng đầu nhìn lên trời. Những vì sao. Những vì sao trống như những âm thanh cao chót vót của một carillon. Trông và nghe chính là một. Những âm thanh sáng của ngàn triangles nhỏ. Thoa nhồm dậy khỏi góc bàn và ngồi xuống ghế. Gió lạnh vuốt ve tóc Thoa cổ Thoa môi Thoa. Thoa vòng tay ôm lấy thân mình. Đêm xuống nhanh rất yên ổn. Mọi người đi ngủ rồi hay sao thế nhỉ. Mấy giờ rồi Thoa không biết. Không, có lẽ cả nhà đi xem chớp bóng. Mấy giờ rồi. Thoa quờ quạng tìm đồng hồ. Mới chín giờ mấy.

Thoa ngẩng đầu nhìn lên trời. Những tinh cầu. Thoa ước mong được trở nên một thiên cầu như thế. Để không bao giờ hỏi, không bao giờ nói. Lặng yên vô tình di chuyển. Hay di chuyển cũng là

một cách nói? Nhưng Thoa ao ước được chia sẻ cách nói ấy bao nhiêu!

Thoa thấy mình đứng thoát dậy. Ra tủ. Mở tủ. Lấy áo dài mặc. Mở cửa phòng. Đi ra đường.

*

Buổi tối yên tĩnh lạ thường. Đèn ngoài phố xanh lét như ánh trăng. Thoa chậm rãi đi sát vào tường dọc lên phố. Có một người, một thằng đàn ông lộp cộp tiến lại trước mặt Thoa. Thoa túm lấy cra-vát nó hỏi:

– Ông chỉ cho tôi đường nào gần nhất.

Hắn lặng lẽ lấy tay gỡ tay Thoa ra, vuốt lại cra-vát, rồi trở tay ra phía sau

hắn, không nói. Thoa cảm ơn rồi đi, còn nghe tiếng giấy hắn khô khan đằng sau mình. Lạnh và yên tĩnh. Đường phố vắng tanh.

Bỗng dưng Thoa cảm thấy mình cần phải đi rào cản. Nàng bước thật nhanh cố không làm một tiếng động nhỏ. Rồi Thoa chạy. Cánh áo dài bay phất phới đằng sau Thoa. Phố lên dốc. Thoa vừa chạy vừa cố nhìn lối, vì khoảng này đường ít đèn. Lúc lên cao quá, Thoa chậm bước lại. Có ba người đang đi đằng trước mặt Thoa, cao lêu nghêu và đen như ba bóng ma, vì ánh đèn chiếu đằng sau chúng. Có điều là chúng nó đang công kênh nhau, một đứa đứng mỗi chân lên mỗi vai của hai đứa kia, vừa đi vừa đọc những gì. Thoa đi chậm lại cố lắng nghe xem chúng nó đọc gì, nhưng không hiểu nổi. Hình như chúng nó cầu kinh.

Lên khỏi dốc Thoa lại chạy miên miết. Thoa thấy rét căm căm. Biết thể mình uống một tí rượu của bồ cho nóng người đã. Hình như phố không bao giờ hết cả, Thoa chạy mãi, chỉ chờ đến đầu đường là rẽ sang bên phải mà không thấy. Dãy nhà hai bên đường tối om om với những cửa sổ đen ngòm như những cặp mắt khổng lồ. Chúng nhìn theo Thoa chạy. Thoa cố không làm một tiếng động nào mà không thể được. Tiếng guốc của Thoa đập xuống mặt hè đều đều và vang âm khắp phố. Lần đầu tiên Thoa nghe thấy tiếng guốc mình. Sao chúng kêu bực mình thế nhỉ, Thoa vừa nghĩ vừa tìm cách để chạy thật êm. Thoa đứng dừng lại cúi xuống tháo guốc ra cầm trong tay và lại bắt đầu chạy. Thoa cố nghe xem lần này Thoa còn nghe tiếng chân mình không. Vẫn còn. Thuỳnh thuych thuỳnh thuych thuỳnh thuych. Làm thế nào để không nghe

tiếng chân mình nhĩ. Thoa chạy sang vỉa cỏ phía ngoài bờ hè. Tiếng chân vẫn còn, lần này tiếng thuyền thuych đã nhỏ đi, nhưng lại có những tiếng động khác loạt soạt của chân và ống quần Thoa lướt trên cỏ. Nhưng không tìm được cách nào khác. Thoa bằng lòng chạy trên mặt cỏ vậy.

Đường phố vắng tanh vắng ngắt. Chạy mãi vẫn chưa tới đầu đường. Đèn ngoài đường bỗng dừng sáng hẳn lên. Sáng một thứ ánh sáng lạnh ngăn ngắt. Thoa lần đầu tiên, ý thức được bóng mình theo đuổi đằng sau. Vừa chạy nàng vừa ngoảnh lại nhìn nó. Bóng Thoa ngắn dần, rồi dứt, rồi bắt đầu đổ về đằng trước, lúc đầu ngắn, sau dài dần dần. Ánh đèn sáng quá làm bóng Thoa đen hẳn lên mặt cỏ, nhấp nhô với tầm cao lá cỏ. Bóng Thoa nhạt dần, hòa với

cái khoảng tối mờ giữa hai điểm sáng, và biến mất khi đèn đằng trước hiện ra. Thoa quay lại tìm nó ở đằng sau: khổng lồ và lạnh lùng theo đuổi. Thoa ghét quá. Nàng bức bối như là có ai nhổ đờm vào quần áo mình. Nhưng cũng vừa tới đầu đường. Thoa đứng lại tần ngần cảm giận với bóng của mình chiếu gầy trên mặt tường. Rẽ sang bên phải thì có đèn sáng, Thoa không thích; chạy sang bên trái thì tối quá, sợ không nom thấy mặt đường, Thoa ngã mất.

Bỗng dừng đèn phố tắt phụt. Thoa ngã loạn choạng vào bóng tối, tưởng như rơi vào vực thẳm vô tận. Thoa không biết mình sẽ đi lối nào. Vừa toan bắt đầu chạy tiếp đến phía trước mặt, thì Thoa nghe thấy có tiếng ai nói gì ở đâu. Thoa dừng lại nghe ngóng. Một tiếng đàn bà ú ớ, cao lạnh lạnh mà nhỏ. Thoa lắng tai

nghe, nhưng không hiểu. Thoa cố tìm xem tiếng kêu phát xuất từ đâu. Tứ bề đen ngòm, tiếng kêu hầu như quẩn quít lấy thân thể Thoa tứ bề. Tiếng kêu dứt đi một lúc, rồi lại văng lên, lần này lớn hơn lần trước, và nghe như tiếng chim lạ. Lẳng tai một lúc nữa, Thoa nhận thấy tiếng kêu đến từ phía bên kia đường. Nàng lần bước chạy sang, xuýt ngã mấy lần vì những mô đá. Tiếng chim vẫn lạnh lạnh. Vừa lần bước lên vĩa hè thì chân Thoa va phải một vật gì mềm nhũn. Đồng thời tiếng kêu dứt phụt. Thoa lấy chân đá xem là vật gì, thì nhận thấy đó là một thân người. Thoa cúi xuống lấy tay sờ khắp thân thể người ấy thì thấy đó là một người đàn bà nằm sổng sượng. Thoa sờ ngực người ấy, rồi cúi xuống áp tai nghe. Tim hãy còn đập. Tiếng đập dì kỳ, nhịp ba: bực bực bực... bực bực bực... bực bực bực... Hãy còn sống, Thoa nghĩ.

Ngẩng đầu lên định hỏi người đàn bà vì sao ngã, thì tiếng kêu lạnh lạnh ban này bây giờ toang ra từ mồm người đàn bà, văng toé vào mặt Thoa, làm tai Thoa điếng đi một lúc. Tiếng kêu như tiếng chim. Thoa vừa giật mình vừa bực bội, nàng giơ guốc đập mạnh vào mồm mụ. Tiếng guốc bập xuống mồm nghe khô khan như tiếng búa gỗ đập xuống đầu một con bò, hay một con chó. Và tiếng kêu dứt bật. Thoa hỏi:

– Làm sao mà nằm đây kêu?

Không có tiếng trả lời. Thoa lấy guốc đập vào ngực mụ:

– Làm sao thế này?

Vẫn không có tiếng trả lời. Thoa định không thềm hỏi nữa thì đột nhiên người đàn bà cười thê lên. Mụ lấy tay hất Thoa

ngã ngời ra đằng sau và đứng lên cười the thé từng chuỗi. Trong bóng tối, Thoa chỉ nhận thấy một hình cứng đơ rất cao đứng dậy, đứng thẳng tắp như một cây gỗ. Và thân gỗ đứng lặng yên. Tiếng cười bật đi, và bây giờ là tiếng nói. Tiếng nói của một mục già móm:

– Cô y âu hế?

Thoa mới đầu ngạc nhiên không hiểu, thì mục già lại tiếp:

– Cô hoa, cô y âu thế?

Chợt hiểu ra, Thoa trả lời:

– Tôi đang chạy thì đèn tắt phụt. Tôi nghe tiếng ai kêu, thì ra tiếng cụ. Cụ làm sao thế?

Mục già không đáp Thoa, mà hỏi tiếp:

– Cô hoa, y âu hế?

Thoa nói:

– Tôi đang chạy thì đèn tắt phụt. Tôi nghe tiếng ai...

Mục già cúi kính:

– Cô hoa, cô y âu hế?

Thoa đứng dậy, phân trần:

– Tôi, tôi... không biết. Tôi đang chạy thì đèn...

Vừa nói đến đây thì đèn phổ sáng toang, làm Thoa chói mắt một lúc. Nheo mắt nhìn, Thoa không thấy bà cụ đâu nữa, mà chỉ thấy một cột đèn đứng sừng sững trước mặt.

Thoa bực mình, giận dữ phúi áo quay đi. Đèn phố bây giờ sáng như ban ngày. Thoa ngẩng đầu nhìn lên trời thì không thấy trời đâu, mà khắp nơi chỉ là

ánh sáng. Biển ánh sáng. Bốn phía không một bóng người. Yên tĩnh lạ thường. Thoa lại cầm đầu chạy, nhưng bây giờ có điều lạ là Thoa không thấy bóng mình đâu nữa. Chân Thoa hơi đau. Nàng đứng lại xỏ guốc vào và chạy tiếp. Và lần này, Thoa cũng không nghe thấy cả tiếng guốc mình nữa. Nàng chạy êm đềm như không, và có cảm tưởng như chân mình không chạm tới mặt lộ, Rét căm căm. Biết thế mình uống một tí rượu của bố cho nóng người đã.

Chạy được một hồi lâu, Thoa thấy có một chiếc xe ngựa đi chậm chậm ở đằng trước, ngược lại phía Thoa. Thoa chạy chậm lại và để ý nhìn. Đó là một chiếc xe ngựa đưa ma. Thoa bước từng bước một. Bốn con ngựa mặc áo đen cúi đầu đi từng bước, từng bước đều nhau. Thoa không nghe thấy tiếng chân ngựa, mà chỉ thấy

chân chúng giơ lên giơ xuống theo nhau rất đều đặn. Xe tang đồ sộ yên lặng theo sau. Thoa đứng lại và cố xem ảnh ai trên quan tài, nhưng chỉ thấy có một khung gỗ trống không, ở trong có treo bằng dây một hàng chữ in rất to. Thoa không nhìn rõ là chữ gì. Nàng bước theo xe tang và tiến gần lại, kiễng chân và nghển cổ nhìn linh cữu, thì thấy có chữ: TỆHỒ). Nghĩ mãi không hiểu là gì, nhưng thoáng một lúc, Thoa mới nhận ra rằng nàng đã nhìn ngược phía chữ CHẾT. Thoa đứng lại, quay nhìn đằng sau xe, và thấy ba người đàn ông gặp hồi nãy. Bây giờ họ không công kênh nhau nữa, mà cúi đầu xếp hàng ba đi chậm chậm và chân họ giơ lên giơ xuống rất đều nhau cứng như chân gỗ. Trong ánh sáng Thoa nhận thấy đó là ba ông sư. Mồm họ há ra bập vào rất đều nhau, chắc là đang tụng kinh. (Thoa không hề nghe thấy tiếng gì hết.) Nàng tần

ngần đứng nhìn một lúc cho xe tang đi khuất mới lại quay đầu rảo cẳng bước đi, vội vã như có vẻ trốn tránh. Nhưng bây giờ Thoa không chạy nữa. Con đường dài hun hút đặng trước mặt dẫn tới một điểm sáng nhỏ tí xíu. Ánh sáng ngập lụt cả đường phố. Vẩn vẩn tanh không một linh hồn. Thoa buồn thăm thăm như con đường vắng.

Bỗng tới một ngã tư Thoa nhận thấy lỗ nhố những đầu người, và đồng thời nàng nhìn thấy chân tay họ hoa múa ở phía trước một căn nhà kiểu villa rất mới. Đột nhiên, hầu như cả hiện sinh của nàng bị ném bổng lên và nàng rơi thụt vào một biển âm thanh với hàng triệu triệu khối sóng đình tai nổ toang và bao vây lấy cơ thể Thoa. Đủ mọi thứ tiếng. Nhiều nhất hình như là tiếng cười, tiếng hát. Đó là những tiếng đàn ông. Họ

đang uống rượu. Họ đang nói cười âm ỉ. Tiếng họ pha lẫn với tiếng nhạc khiêu vũ. Thoa đứng lại, ngẩn cổ nhìn vào trong sân, và thấy mọi người đang miên man nháy. Tai Thoa điếc òa (hay câm, Thoa không phân biệt được rõ). Có điều lạ là người đàn bà nào cũng ngửa cổ lên trời, và người đàn ông nào cũng cúi đầu xuống đất, cứ trong những vị trí ấy mà họ ôm nhau nháy, Thoa rẽ đám đông đi vào. Mọi người đều rạt sang một bên nhường chỗ cho Thoa, nhưng chẳng ai để ý đến nàng. Vào tới sân, Thoa đứng lại nhìn những cặp khiêu vũ. Thoa không biết nháy nên không hiểu họ đang đi những bước gì, chỉ thấy họ rất du dương. Đặc biệt là những người khiêu vũ thì không nói chuyện. Chỉ những người ngồi ở bàn xếp quanh sân thì la hét âm ỉ. Không ai để ý đến Thoa. Nàng đứng lặng yên nhìn mọi người. Những người ngồi ở

bàn (những người đàn ông) nói chuyện, pha trò vui vẻ thực sự, nhưng hầu như mỗi người nói chuyện cho mình nghe, bởi Thoa thấy cả hai, ba người ngồi một bàn cùng nói một lúc, rồi cùng cười một lúc, không ai có vẻ lắng tai nghe nhau. Còn những kẻ đang nhảy thì yên lặng như đang đi đưa đám ma (mọi người đều mặc quần áo đen).

Chân họ bước rất đều nhau và cứng quèo làm Thoa chợt nhớ đến những cẳng ngựa. Có điều khác là bây giờ có tiếng xào xạc trên mặt sỏi. Thoa nghĩ: trên sỏi mà họ cũng nhảy được thì tài thật. Thoa cố bắt chước bước theo một cô, mà chịu không thể làm nổi. Sỏi trơn quá làm Thoa xuýt ngã mấy bận. Vẫn không ai nhìn Thoa cả. Nàng bước lại một bàn và rót rượu uống. Ba người đàn ông vẫn nói chuyện và vẫn cười âm ỉ như ban nãy, không ngừng

bao giờ, và cũng không nghe nhau bao giờ. Hình như họ cũng không nhìn thấy Thoa là đằng khác. Rượu đắng quá, cay sè lưỡi và cổ họng Thoa, làm người nàng nóng bừng bừng. Bỗng Thoa để ý thấy có một người đàn ông tiến tới phía Thoa. Một người đàn ông đứng tuổi, để bộ râu Clark Gable, mặc quần áo đen, ở vạt áo có đeo một bông hoa hồng thắm. Y tiến tới Thoa, không hỏi hơn gì cả, y giơ tay ra mời Thoa nhảy. Thoa lắc đầu, và trở tay xuống chân mình ra hiệu là Thoa đi guốc, không thể nhảy được. Nhưng người đàn ông lắc đầu không nghe, và ý cũng trở xuống chân. Thoa cúi nhìn thì y đi chân không. Thoa nghĩ: mình không biết nhảy ra sao cả thì làm thế nào bây giờ. Nhưng thấy y có vẻ sốt ruột và không bằng lòng (râu hăn cựa quậy như râu Charles Chaplin), Thoa bèn ném cốc rượu xuống bàn và bước liêu ra phía y để

cho y ôm mình. Người đàn ông đẩy Thoa bước chậm chậm theo nhạc.

Thoa cố không ngẩng đầu lên trời như những người đàn bà kia, và nhận thấy người đàn ông cũng không cúi đầu xuống đất. Tiếng nhạc dường như bất tận. Thoa theo người đàn ông len vào giữa đám đông yên lặng, hãy còn thấy những tiếng cười, những tiếng cốc tách văng lại nho nhỏ như những tiếng ca-rillon. Gã đàn ông xiết chặt lưng Thoa, nhưng Thoa không cảm thấy gì, chỉ thấy trong người nóng ran vì rượu. Gã đàn ông không hề nói một lời. Hắn nhìn đi đâu, Thoa cũng không biết. Bỗng nhiên Thoa nhìn thấy một gã thanh niên có nét mặt rất quen thuộc như Thoa đã gặp ở đâu nhiều lần.

Nghĩ mãi Thoa mới nhớ tên thanh niên ấy chính là thằng Thoa. Thoa không

làm cách nào để tiến sát lại Thoa được, vì gã đàn ông đã kéo Thoa sang một phía khác. Đúng Thoa rồi, Thoa nghĩ thế. Đúng cái thằng cha theo tán mình mãi ở ngoài Fac. Thoa muốn nhìn lại mặt hắn mà không thể được. Bây giờ hắn đang cúi đầu, tóc xõa xuống trán, mắt nhắm nghiền miên man nháy ở góc sân đằng kia. Thoa không thể nhìn rõ Thoa được bởi đám đông che lấp Thoa đi.

Rượu nóng người. Nhưng Thoa thèm uống vài hớp nữa. Thoa đưa mắt nhìn gã đàn ông. Rồi nàng giơ nắm tay khum lại thành hình một cái ly, và nàng ngửa cổ lên trời đổ tay xuống làm hiệu với y. Gã đàn ông hiểu ý, râu hắn cựa quậy và thôi không nháy nữa, kéo Thoa ra phía bàn. Tới nơi, Thoa thấy Thoa và người con gái đã đang ngồi đó. Tóc Thoa xõa xuống

che kín mặt người con gái. Thoa đứng nhìn hai người một lúc, mặt nàng nóng bừng. Nhưng cũng vừa lúc Thoa lại ôm người con gái đi nhảy tiếp. Có lẽ Thoa cũng không thèm nhìn Thoa nữa. Thoa giận bừng tai. Gã đàn ông có lẽ nhìn thấy thế, y bèn rót rượu đưa Thoa uống. Âm thanh đổ ra cuộn cuộn từng khối từng khối trên không gian. Thoa không nhận ra tiếng gì. Âm nhạc khiêu vũ vẫn bất tận như bao giờ. Mọi người vẫn nói cười âm ỉ như bao giờ,

Thoa tu hết chai rượu (bây giờ Thoa mới nhận thấy gã đàn ông đã đưa cho Thoa một chai), và theo y vào sân nhảy tiếp. Nhìn ra phía đầu sân, Thoa thấy Thoa đã bỏ người con gái đứng ở một gốc cây — không, không phải đứng, mà người con gái đang treo cổ lủng lẳng trên

một cành cây. Còn Thoa, hấn đang cúi đầu đi lạng lẽ ra phía cổng. Thoa bèn giật tay khỏi gã đàn ông và chạy theo ra.

✱

Ra đến cổng, Thoa thấy Thoa đang cúi đầu buồn bã đi chậm chạp ở bên kia đường. Thoa gọi to: Anh Thoa! Anh Thoa! Nhưng Thoa không hề nghe thấy tiếng nàng. Thoa lấy hết sức và gọi to lần nữa: Thoa! Anh Thoa! Nhưng Thoa vẫn không nghe thấy tiếng nàng. Nàng cũng không nghe thấy tiếng mình. Thoa vẫn cúi đầu đi lạng lẽ và buồn bã. Thoa đứng lại tần ngần.

Được một lúc, ánh sáng ngoài đường mờ dần dần, và chỉ còn một độ sáng yếu ớt, đủ cho Thoa nhìn thấy những ngón

tay mình. Hình như trời đổ sương mù xuống từ bao giờ. Thoa quyết định qua đường và chạy theo Thoa. Vừa chạy, Thoa vừa gọi, nhưng hình như Thoa vẫn không nghe thấy tiếng Thoa, và chính Thoa cũng không hề nghe thấy tiếng Thoa nữa — mọi âm thanh đều đã câm bật. Nhưng có lẽ Thoa nghe thấy tiếng chân Thoa chạy đuổi. Thoa cũng bắt đầu chạy. Thoa để ý nhìn thấy thân thể hần vạm vỡ và đẹp như một pho tượng, trắng mờ mờ, đang chạy theo dáng điệu một lực sĩ điền kinh. Thoa thấy nóng người như bị điện truyền, nàng chạy theo thật nhanh. Nhưng Thoa cũng chạy nhanh không kém.

Đôi guốc gỗ xuống vỉa hè làm Thoa khó chịu, nàng tháo ra và quăng văng xuống vệ đường. Thoa chạy tiếp và cố gọi thật to mấy lần nữa, nhưng vô ích.

Thoa vẫn mãi miết chạy, hai vai nghiêng từ bên nọ sang bên kia với một dáng rất đẹp rất hùng.

Thoa không cảm thấy lạnh nữa. Rượu đốt nóng dạ dày nàng. Người nàng nóng bừng, Thoa cố chạy kịp Thoa để xem kỹ mặt hần ra sao, và làm lạnh với hần, xin lỗi hần chuyện Thoa mắng dạy nọ, để hai người bắt đầu yêu nhau. Nhưng nàng không tài nào đuổi kịp, Thoa càng chạy nhanh bao nhiêu thì Thoa lại càng chạy nhanh bấy nhiêu. Lúc hơi mệt, Thoa chậm lại, thì hần cũng chậm lại.

Đến một quãng phố sau, Thoa cảm thấy trong người nóng ran. Thoa cởi áo dài ra vứt đi và chạy tiếp. Chỗ này con phố đã hết, nó dẫn tới một bờ biển. Hai người yên lặng chạy theo bờ cát dài trong tiếng sóng biển rì rào, Thoa vừa chạy vừa nghĩ: Thoa có một vẻ bí mật, nhưng

mình chưa yêu hẳn bao giờ. Hẳn bí mật, cái vẻ bí mật quyến rũ của hòn sỏi, hòn đá, của một lá cây. Mắt hẳn lúc nào cũng có một vẻ cô đơn kín đáo của mặt biển. Xao động đấy nhưng vẫn yên lặng như không. Thoa tán mình nhiều lần suốt con đường từ Fac. về nhà mình, mà mình hồi ấy không nghĩ gì. Hẳn quả có một vẻ buồn cô đơn dị thường, không nhân loại như là những người cười nói kia. Nhưng bây giờ có lẽ muộn rồi chẳng?

Không, chưa muộn. Không bao giờ muộn. Thoa thấy quần mình vướng víu khó chịu và nhóp nhép đầy mồ hôi, nàng đứng lại, rồi cầm đầu chạy tiếp.

Sương mù đổ xuống mặt biển, Thoa có cảm tưởng mình đang ở địa ngục. Cố nhìn kỹ, Thoa chỉ thấy một bóng trắng đằng trước đang chạy nghiêng ngả; hẳn không quay đầu lại nhìn Thoa đến một

lần. Lần đầu tiên Thoa nhận thấy có ánh trăng. Thì ra hồi nãy đèn ngoài phố đã làm mắt nàng lóa đi không nhìn thấy gì. Sóng và gió biển rì rào và đồ sộ. Thoa cúi xuống nhìn mặt cát cố tìm xem vết chân Thoa đâu, nhưng không thấy. Bóng trắng của Thoa vẫn chập choạng chạy đằng trước. Gió đại dương mát, ôm choàng vuốt ve thân thể trắng xanh của Thoa dưới ánh trăng. Thoa mãi miết chạy và bắt đầu thở. Làm thế nào bắt kịp được Thoa?

Tai nàng ù, nàng không nghe thấy gì, ngoại trừ tiếng sóng nói chuyện ào ạt với gió, và sương mù phủ vào da thịt nàng từng khối. Thoa không nghĩ gì. Cả hiện sinh của nàng lênh đênh như một hòn đảo. Như một tinh cầu, phải rồi, như một tinh cầu. Chân Thoa lướt trên bờ cát nhẹ và nhanh thoát. Thoa là

mây. Không. Thoa là tình cầu chứ. Nàng cúi nhìn thân thể trắng xanh của nàng. Thoa bỗng dừng sung sướng ngọt ngào cơ thể. Nhưng đồng thời nàng cất tiếng khóc nghẹn. Nàng khóc nức. Thoa không tài nào đuổi kịp Thoa. Không bao giờ chẳng? Nàng cố chạy nhanh hơn và cất tiếng gọi: Anh Thoa! Anh Thoa của em! Nhưng vô ích, tiếng nàng rơi mất vào tiếng sóng và gió. Bóng trắng đằng trước vẫn chập chờn trong sương mù. Có một lúc Thoa tưởng Thoa đã chạy chậm lại nhưng sau nhận thấy chỉ là ảo tưởng. Ảo tưởng thị giác, có phải người ta bảo thế không nhỉ. Như những cù lao rợp bóng dừa ở bãi sa mạc, chúng chẳng đánh lừa người và lạc đà là gì. Có một lúc, Thoa không nhìn thấy Thoa đâu. Thoa tưởng hắn đã ngã xuống bờ cát, nhưng lúc sau Thoa lại thấy hắn hiện lên chập chờn như một con bướm.

Thoa khóc to hơn. Nàng khóc và nàng kêu nàng thở như trẻ con. Chân nàng đã mỏi nhừ và bụng đã thấy đau quặn. Và cả cơ thể Thoa nhức buốt, Thoa dồn hết sức mạnh vào đôi chân chạy nhanh hơn. Được một lúc bóng Thoa đã hiện ra ngay trước mắt rất gần, gần đến độ Thoa tưởng chỉ vài chục bước nữa Thoa sẽ nhảy lên bá lấy cổ Thoa giữ lại. Bóng trắng đằng trước lại biến đi nhỏ hơn. Thoa lắc đầu và khóc òa. Tóc nàng rũ rượi bay phôi phôi trong sương mù, trong ánh trăng. Biển và gió nói chuyện âm ỉ hơn bao giờ, còn có vẻ như chế nhạo Thoa. Mới đầu Thoa tưởng vậy, nhưng không đâu. Ảo tưởng cả, có phải không nhỉ.

Nhưng Thoa kiệt sức dần dần và bây giờ nước mắt nàng là máu, những ngón chân của nàng bật hết nóng và máu chảy ròng rã trên mặt cát như hoa. Thoa nhận

thấy những giọt máu đẹp như hoa, có phải thế không nhỉ. Giá Thoa có ý định viết một bài thơ, Thoa sẽ tả như vậy nhưng hết rồi. Thoa kiệt sức, mắt nàng mờ đi, tai nàng cảm đi và tim nàng đập dồn. Thoa chậm bước lại.

Và bây giờ mười ngón chân nàng là mười nguồn suối máu nhỏ, đôi mắt là hai nguồn suối máu lớn, đồng thời Thoa thấy Thoa đã chạy chậm lại và gần hơn. Và gần hơn nữa, còn độ mười bước, trời ơi, tượng đồng Hy Lạp là anh Thoa chỉ thiếu ngọn đuốc là đủ biến anh thành một lực sĩ hay một Prométhé, có phải thế không nhỉ, anh Thoa, ngọn lửa của em. Năm bước bốn bước ba bước hai bước một.

Và đây rồi.

Thoa của Thoa đứng dừng lại mệt lả, chàng giơ hai cánh tay lên trời như hai cánh bướm và loạng choạng ngã úp xuống mặt cát. Thoa hoàn toàn kiệt sức. Nàng chậm chạp bước lại và ngã quỳ xuống ôm choàng lấy thân thể Thoa. Hai thể xác nằm úp lên nhau lạnh lùng. Tóc Thoa xõa rũ rượi.

Sương mù bỗng tan đi hết. Trăng sáng vàng vạc như thủy tinh. Sóng dạt dào và đồ sộ, Hai thể xác nằm úp lên nhau lạnh lùng trong một bản hòa tấu rất hùng vĩ rất đồ sộ của đại dương,

VŨ BẰNG
MIẾNG NGON MIỀN NAM

Tác phẩm chọn lọc của nhà văn
nổi danh từ thời tiền chiến

nguyệt san TÂN VĂN số 30
tháng 10 năm 1970

TUYỂN TRUYỆN SÁNG TẠO
tập truyện của BẢY TÁC GIẢ,
do MAI THẢO chọn và giới thiệu,
mẫu bìa của DUY THANH,
Nguyệt san TÂN VĂN
ấn hành lần thứ nhất.
In tại nhà in riêng của Cơ sở VĂN,
xong ngày 10 tháng 9 năm 1970.

